

PHƯƠNG ĐÔNG

Đặc Biệt về

Y - LÝ

ĐÔNG PHƯƠNG

1

NGUYỆT - SAN

THÁNG 11

NĂM 1972

Số

17

nội dung :

đặc biệt về **Y-LÝ ĐÔNG PHƯƠNG I**

Phụ trách tổ chức : TRẦN VĂN TÍCH và LƯU-TRUNG-KHAO

- MỞ ĐỀ Y-HỌC PHƯƠNG ĐÔNG **HOÀNG VĂN-ĐỨC — 349**
1. Tiểu sử Đức Y-tổ Việt nam **LÊ ĐỨC THIẾP — 354**
2. Quan niệm về Thận của Lãn Ông
đối chiếu với Tây y **NGUYỄN VĂN-THỌ — 358**
3. Việc đào tạo thầy thuốc ngày xưa **ĐỖ ĐÌNH TUÂN — 365**
4. Ung thư và Đông y **TRẦN VĂN TÍCH — 372**
5. Phải chăng Cao-hoang có khả năng
sét trùng và trị được bệnh lao **TRẦN TIỀN HY — 387**
6. Một tài liệu lịch sử y-học **NGUYỄN ĐỒNG DI — 403**
7. Mụ vườn và lang vườn **BÌNH-NGUYỄN LỘC — 406**
8. Ảnh hưởng Đông-y vào Hát bội **HỒ HỮU TƯỜNG — 414**
9. Thần **DƯƠNG CHÂN TỬ — 417**
10. Đông y, châm cứu và tương lai **JOHN Z. BOWERS — 418**
- **THƯ ĐỌC GIẢ**

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24592

GIÁ BÁO

Mỗi số	90đ
Công sở	giá gấp đôi
Một năm	950đ
Một năm (độc giả sinh viên)	850đ
Một năm độc giả ân nhân	2500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung : thêm 100đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc : thêm 300đ cước phí đường thủy một năm.

AI tìm được 7 độc giả dài hạn 950đ, hoặc 10 độc giả dài hạn 850đ, sẽ được thưởng một năm báo.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho :

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, gửi vào Trương Mục Bưu Điện :

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon
ghi địa chỉ và lý do

3) Công sở, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N. :

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**
161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1	trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1	trang quảng cáo thân hữu	:	7.000 đ
1/2	trang trong , mỗi kỳ	:	2.000 đ
1/4	trang trong , mỗi kỳ	:	1.000 đ
	6 kỳ liên tiếp sắp lên	:	bớt 20 phần trăm

Quản lý :

Đỗ-thị-Phương

Thư ký tòa soạn :

Lê-thành-Chung

Tổng thư ký :

Đỗ-thị-La-Vang

Đặc ủy viên :

Nguyễn-ngọc-Lĩ

MỜ ĐỀ Y-HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

HOÀNG VĂN-ĐỨC

ôn cố tri ân

Y học Phương Đông, hay **Đông Y**, hay **Trung Y**, có từ thuở loài đá, một thuở không kỹ thuật. Năm ngàn năm sau, ảnh hưởng của **Đông Y** đã tràn lan sang khắp phương Tây, cả Âu lẫn Mỹ. Tuy nhiên, vì thể thức luận lý y học của phương Tây vốn khác với thể thức luận lý y học phương đông. cho nên phương Tây mặc dù có theo, có nghiên cứu, có áp dụng, nhưng vẫn thấy hực hắc, không hoàn toàn chịu hẳn. Phương Tây phiên trách **Đông Y** nhiều nhất ở chỗ có những quan niệm kỳ cục, có tính chất bí truyền chiều theo vũ trụ quan của Phục Hi và Văn Vương. Phương Tây cũng không ngần ngại gán cho **Đông Y** danh từ « kinh nghiệm », trong khi, trên thực tế, **Đông Y** bản chất là triết học kiêm khoa học. Danh từ « kinh nghiệm » được phương Tây đưa ra trước một sự quan sát lâu đời mấy ngàn năm, mà không ý thức nổi rằng căn bản của sự quan sát đó chính là biểu tượng.

Bởi thế cho nên, muốn nghiên cứu và tìm hiểu **Đông Y**, vấn đề tiên quyết là phải nghiên cứu tìm hiểu biểu tượng của **Đông Y** trước hết. Mà dù nói đến nghiên cứu biểu tượng trong những môn khoa học không căn cứ vào suy trắc như y học, thì không sao tránh khỏi việc các « linh thần hiểu khoa học » hoài nghi và dè dặt. Nhưng sự thật là ngày nay, ở vào thời kỳ mà phần văn minh nhất của nhân loại đang tiến dần đến trình độ điện kỹ, chính biểu tượng có nhiệm vụ soi sáng cho khoa học.

Thực vậy, tư tưởng y-khoa-học ngày nay, nghĩa là tư tưởng y học cụ thể đã trở thành quá hạn hẹp. Hạn hẹp vì thiếu Nhân bản. Mà Nhân bản không phải chỉ là tích lũy những công trình của quá khứ, Nhân bản chính là những gì vẫn còn giá trị, vẫn còn có ý nghĩa, qua thời gian. Và Truyền thống không phải là điều gì khác cái Thường hằng nó vốn tồn tại trong biểu tượng.

Trong thời buổi mà một tư tưởng hành tinh đang dâng lên như một lửa tâm linh thần từ khắp mọi nơi trên mặt đất và trong mọi ngành sinh hoạt của Tri thức, trong thời buổi mà y học đang chịu một sự khủng hoảng nặng nề về chủ thuyết và đang có khuynh hướng dứt lại vấn đề thuần nhất của cơ thể con người, lành hay bệnh, thực là khẩn thiết đem lại cho những kiến thức cục bộ rời rạc của chúng ta một chất keo gắn liền để chúng khỏi trở thành hỗn tạp.

Trong viễn ảnh đó, không hẳn là vô ích nếu chúng ta đem những quan niệm Trung hoa ra nghiên cứu lại để xét xem chúng có chính là sự bộc lộ của một lý thuyết y học thuần nhưì hay không. Cuộc tiến hóa hướng thượng đòi hỏi chúng ta phải lập luận một cách có biện chứng, phải cách mạng mà vẫn duy trì được trật tự, bởi vì, như thi hào Péguy của phương Tây đã nói, cách mạng chính là trật tự vậy.

Thái cực sinh lưỡng nghi. Đây là biểu tượng của Đạo. Đạo do âm dương phối hợp mà thành, mà trong phần âm đã có hàm ẩn một chút dương, trong phần dương một chút âm, để xác định rằng không có Thuần âm cũng như không có Thuần dương.

MECHOLIN

- Ampoules buvables 10ml.
- Boite de 18 ampoules.

Régulateur des réactions
biochimiques hépatiques et
du flux biliaire.

TÍNH CHẤT : MECHOLIN phối hợp các hoạt chất chuyên trị bệnh Gan :

- ★ 3 yếu tố hợp mỡ quan trọng (Méthionine, Tricholine, Inositol) tác động cộng lực với nhau và che chở tế bào Gan trong mọi trường hợp mà Gan bị sự suy biến đe dọa ;
- ★ Chất Sorbitol điều hòa sự thành lập và bài tiết của mật ;
- ★ 2 sinh tố B6 và PP gia tăng tác động của Méthionine và Tricholine.

CHỦ-TRỊ : Các chứng bệnh đau gan, Yếu gan, Các xáo trộn tiêu hóa ở ruột (táo bón, chướng tiêu), Triệu chứng trước khi bị bệnh gan cứng, Ngừa chứng cứng động mạch.

BIOFERROL

- Ampoules buvables et Sirop

Complexe Antianémique
Activateur de la nutrition

TÍNH CHẤT : BIOFERROL Là một kết hợp dược-chất giúp cho một muối Sắt (Citrates de Fer Ammoniacal) ở trạng thái đồng hóa được một cách trực tiếp có thể tác động đồng thời với nhiều yếu tố thiết yếu khác (Lisine, Inositol, Glycocolle, Vit. B1, B6 B12 Sorbitol) với những tính chất cần cho tiến trình dinh dưỡng, cho sự thành lập hồng huyết cầu và cho sự bình thường hóa các trao đổi dinh-dưỡng.

CHỦ TRỊ : Các chứng thiếu máu giảm sắc, thiếu máu vì thiếu chất Sắt và nhất là : thiếu máu vì bị nhiễm trùng. Thiếu máu vì ăn uống thiếu thốn. Thiếu máu vì bị sốt rét hay bị nhiễm ký sinh trùng (giun sán...) Thiếu máu trong thời kỳ thai nghén hay lúc cho con bú, suy nhược, gầy ốm, ăn không ngon.

NÉO-TERPHAN

- Sirop et Dragées

Antitussif et Expectorant
sans antibiotique, sans
codeine, ni autres opiacés

TÍNH CHẤT : NÉO-TERPHAN liên hợp những dược chất có tác dụng hỗ-trợ để trị các chứng HO.

- ★ NÉO-TERPHAN không làm táo bón, suy nhược thần kinh và quen thuốc vì không có chứa trụ-sinh, codeine và những chất loại nha phiến.

Biểu tượng Thái Cực là một sắc thái của cái vòng xoáy tròn ốc được xếp đẹp xuống, có vậy mà thôi.

Cái nhị nguyên âm dương là một nhị nguyên bất khả phân, tuy hai mà là một, không khác gì cái nhị nguyên của làn sóng (ondes) hay của vi thể (corpuscules) trong vật lý nguyên tử lý thuyết.

Với khái niệm nhị nguyên âm dương, khoa học truyền thống của Trung Hoa (khoa học gần liền và truyền thống) là một khoa học thuần lý (logique) chứ không phải là một khoa học đặt trên căn bản kinh nghiệm (empirique) như phương Tây đã hiểu lầm. Cái thuần lý của khoa học Trung Hoa là cái thuần lý của mâu thuẫn, của sự động, không phải cái thuần lý tĩnh, ngưng đọng và vụ hình thức (logique formelle). Cái thuần lý đó, một phần nào, (— một phần nào thôi —), thấy có hàm chứa trong tư tưởng của Pythagore, Héracite, và gần đây, của Hegel và Engels.

Chuyển sang bình diện y học và bệnh học, cái nhị nguyên âm dương bất khả phân, nếu bị mất thăng bằng, sẽ gây ra bệnh trạng, và nếu được tái lập thăng bằng, sẽ đem lại sức khỏe ban đầu. Trạng thái bệnh hay trạng thái lành đó có thể được chuẩn đoán nhờ sự nghiên cứu các phép vọng, vân, vẩn, thiết. Trong việc khám nghiệm bệnh nhân, phép bắt mạch (thiết) dường như đã bị hy sinh cho máy đo áp huyết và điện tâm ký. Máy đo áp huyết và điện tâm ký thì chính xác thực, nhưng mặc nhiên đã loại bỏ các bệnh trạng của các cơ quan khác ngoài cơ quan tâm mạch. Chỉ biết xử dụng máy móc để thăm bệnh mặc nhiên còn có nghĩa là từ bỏ mọi khả năng quan sát của ngũ quan và không tập luyện cho ngũ quan trở thành tinh vi, chính xác và lễ nhị hơn.

Số báo đặc san PHƯƠNG ĐÔNG này cố gắng thử đưa vào phương pháp y học của phương Tây, một phương pháp khám bệnh đã chứng tỏ đầy hiệu nghiệm trải qua mấy ngàn năm lịch sử của phần lớn nhất của nhân loại là phương Đông, trong khi một bộ môn của nó là khoa chẩn cứu đã được chấp nhận và nhập thể vào nền y khoa học cận đại. Bây giờ là lúc mà Truyền thống đem tất cả giá trị, tất cả yếu tính của mình cống hiến cho khoa học, để soi sáng khoa học trên đường tiến hóa hướng thượng ngõ hầu giúp cho khoa học duy trì được nhân tính và phẩm chất để tránh lệ thuộc vào dụng cụ và nặng về số lượng.

EASTERN MEDICINE

A NEW DIRECTION ?

Eastern Medicine or Medicine of China originated from the Stone Age, a non-technical era. After about 5,000 years, the influences of the Eastern medicine have covered the whole West, including Europe and the American continent. Nonetheless, because its standards of rationalization differ from those of the West, it is still not completely accepted even though the West does follow, study and put it into practice. Eastern Medicine is mainly criticized for calling on strange and even esoteric notions which stem from the Fou-Hi and Wen-Wang cosmology. It is also qualified as « empirical » ; the truth is, it is of Philosophical and Scientific essence, with concepts and laws of its own. Eastern Medicine developed from observations centuries upon centuries ; the West, judging Eastern Medicine as « empirical », did not realize that this latter was an observation heavy with symbolism.

Thus, to understand Eastern Medicine, one must start by studying its symbolism. Now, it is well known that the study of symbolism in non-conjec-

tural sciences such as Medicine frequently-if not always creates a very strong scepticism in the « scientists » minds. But in our time — a time when the most civilized part of the world is on the verge of entering the **technetronical era** — is it not to Symbolism the mission of enlightening Science ? In fact, the modern scientific medical thought, i.e. the positive thought, is too restrictive. It lacks **humanism**. Yet, humanism is not just the accumulation of the past. Humanism is above all what remains of value after the passage of time. And Tradition is nothing else than that **always** which outlives in Symbolism. This is the time when a planetarian thought rises from all parts of the world as well, as in every field of knowledge ; above all, this is the time when Medicine meets with a complex crisis on doctrines and tends to reconsider the problem of human body (whether sick or healthy), putting back into importance the **Unitary theory**. At such a time, perhaps we should think of relating together our knowledge in all specialties so that they may not become cataclismical. In the same spirit, it is not useless to examine the Chinese concepts ; who knows, they might very well be the very expression of a similar theory !

The progressist evolution requires that one be dialectic, i.e. to be revolutionary but remain within order, for, as **Peguy** has said, revolution means order.

Now, if we refer ourselves to the basic philosophical and scientific canon of the Chinese (all described in the Yi-King), we find that perhaps the two essential traits of character of the Chinese are to respect order and to be dialectic.

« The Dot One of Creation gives birth to Dot Two of Dualism ». This is **T'ao** represented, symbol of the Chinese dialectic. The union of the Yin and the Yang, with a part of the Yin inside the Yang and one of the Yang inside Yin, clearly reminds us that nothing is absolute Yin just as nothing is absolute Yang.

In its flattened state, the **Ta-Chi** sign is only an aspect of the **Spiral**.

Thus, the Yin-Yang **duality** is an unseparable one, comparable to the duality of the wave and the corpuscule in the theoretical Physics of the atom. With its unseparable Yin-Yang duality, and with its tied link with Tradition, the traditional science of China is not an empirical science but a logical one. Its logic is neither formal nor static ; it is one of opposites, of change and flexibility. Such logic can be partly found in the logic of ancient Greece with **Pythagoras** and **Heraclites** ; also it shares certain similarities with the logic of modern western thought with **Hegel** and **Engels**.

Put into Medicine and Pathology, an umbalance of the unseparable Yin-Yang duality creates illness ; if the balance is regained, health can well be known, diagnosea and prognosed by analysing the blood pulse (**chieh**) which is the primary physical examination, to be followed by the observation (**wang**) the auscultation (**wan**) and the questioning (**wen**). In medical practice today, it appears as though the study of sphygmomanometry and electrocardiograms takes more and more importance over that of the pulse. Sphygmomanometry and electrocardiograms are greatly valuable in the diagnosis and prognostic of troubles in the cardio-vascular apparatus, but they are of no value when

in comes to detect problems in other organs. Minimizing the importance of taking the pulse also means forgetting to give importance to our senses and forgetting to extend their qualities.

This special edition of **PHƯƠNG ĐÔNG (THE EAST)** is an attempt to introduce to the western medical field an examination procedure which, for centuries, has proven to be of great value; a simple example is the well known **acupuncture**—only a part of the Medicine of China—newly found, well accepted and integrated into the contemporary medical arena.

As a result, we should think that it is time for Tradition which is not at all in contradiction with Science to bring her heritage to Science so that together they may complete each other in their progress toward a more qualitative and humanistic goal.

Hoang Van-Duc, M.D.
Dean, The School of Medicine,
Minh-Duc University,
Saigon, South Viet Nam.

ân nhân của Phương-Đông

— Bác sĩ Huỳnh văn Hườn, Saigon, một năm báo	3.000đ
— Linh Mục Đinh cao Thuần, Bùi Môn, Gia định, một năm báo	2.500đ
— Đại tá Đặng đình Đản, KBC 4138, một năm báo	2.500đ
— Bà Đông Hồ, Gia định, một năm báo	2.500đ
— Linh mục Trần ngọc Nhuận, Saigon, một năm báo	2.500đ
— Bác sĩ Trần thế Nghiệp, Saigon, một năm báo	3.500đ
— Linh mục Trần văn Hiến Minh, Saigon, một năm báo	2.500đ
— Dược sĩ Dương thành Quới, một năm báo,	2.500đ
— Bác sĩ Phạm văn Triều, Chợ Lớn, một năm báo	2.500đ
— Linh Mục Đinh Bình Định, Tân-Chí-Linh, Gia Định, một năm báo	2.500đ
— Giáo sư Nguyễn cao Thanh, Saigon, một năm báo	2.500đ
— Dược sĩ Hoàng thị Ngọc Giao, Saigon, một năm báo	2.500đ

Thuyết Trình Y - LÝ ĐÔNG PHƯƠNG

Nhờ những kết quả lạ lùng mới đây của khoa châm cứu, thế giới đương chú ý rất nhiều đến Đông y của chúng ta. Nhân dịp này tạp chí Phương Đông và Phong trào Hưng giáo văn đông sẽ tổ chức ba buổi thuyết trình quan trọng về Y lý đông phương vào hồi 9g45 các sáng Chúa nhật 12, 19 và 26 tháng 11 năm 1972 tại trường Quốc gia âm nhạc, 112, Nguyễn Du, Saigon.

12/11 « Có nên thử phát động một tinh thần cách mạng trong Y khoa hay không ? »

Diễn giả : Học giả Siêu Thiên. Chủ tọa : Ô. Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa.

19/11 « Khảo cứu Đông dược bằng phương pháp thực nghiệm ».

Diễn giả : Dược sĩ Đào sĩ Chu. Chủ tọa : Ô. Tổng trưởng Y tế.

26/11 « Khoa học (trong có Y học) xưa và nay ».

Diễn giả : Bác sĩ Hoàng Văn Đức. Chủ tọa : Ô. Quốc vụ khanh Văn hóa,

VÀO CỬA TỰ DO

Tiểu sử Đức Y-tổ Việt-Nam

Hải-Thượng Lãn-Ông (1724 — 1791)

ĐÌNH NINH LÊ-ĐỨC-THIỆP

Y tổ họ Lê, húy Hữu Trác, Biệt hiệu Hải Thượng Lãn ông, người làng Liêu xá, huyện Đường hào, tỉnh Hải dương, Bắc phần Việt nam. Ngài là con quan Thượng thư Lê hữu Mục, một danh thần đời Lê dụ Tôn. Ngài sinh ngày 12 tháng 11 năm Giáp Thìn (1724) niên hiệu Bảo Thái thứ 5, tại tỉnh Nghệ an khi thân phụ đương làm Quan tham chính tại tỉnh ấy. Vì Ngài là con thứ bảy của một đường quan, nên được người đời bấy giờ thường gọi Ngài là ông Chiêu Bảy.

Buổi thiếu thời tỏ ra nét na nghiêm nghị và ham học, Ngài được Oai quận công, bạn của thân phụ, đem về nhà để cùng các con làm bạn sách đèn.

Sau đó 20 năm, thân phụ Ngài từ lộc, Ngài đã đau buồn vì mất lời nghiêm huấn, lại gặp thời loạn, giặc giã lung tung, không thể ngồi yên cao học, nên phần chí nói:

— Can qua mẫn mục, nam nhi hà tất lão thư song (1).

Thế rồi Ngài bỏ đường cử nghiệp lãng du phương ngoại để tìm bạn tâm phúc. Ngài may gặp xứ sĩ Hoài An Vũ tiên sinh (người làng Đặng xá, đất Hoài an, đỗ cử nhân, một ẩn sĩ tuổi đã 80, giỏi về thiên văn, nhân sự học) để học binh thư và các phép nhâm cầm độn toán trong thuật pháp âm dương.

Nghiên cứu ít năm, được nhiều sở đắc, Ngài bèn đem kiếm tòng nhung, đem tài ra dùng, chẳng nài đập hiềm lướt nguy. Kiếp khi đến yết kiến Thống Tướng, (?) Ngài liền được cử làm Quân sư đi đánh giặc.

Đương khi vị Thống Tướng thấy Ngài có nhiều khả năng khả thủ, toan đề bạt Ngài lên, thì đột nhiên Ngài được tin người anh thứ 5 cư ngụ ở làng Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà tĩnh (nơi quê mẹ) chẳng may nhiễm bệnh tạ thế. Ngài liền bỏ tên cử giáp, rời chốn binh trường về chịu tang anh và nuôi mẹ tuổi hạc 70 với ba cháu côi đại. Tuy kinh doanh không rảnh rỗi, song Ngài cũng không quên việc đọc sách mài gươm.

Ngài ở Hương Sơn ít lâu, nhân vì lo nghĩ nhiều, khí sức hao mòn, nên nhiễm bệnh nặng, phải đến cầu chẩn nơi vị lương y Trần Dục, người xứ Trung căn, đất Thanh chương, là người bác học đa văn, ẩn cư ở Thành sơn, tỉnh thông y đạo. Ngài ở Trung căn hơn một năm. Khi thông thả, Ngài lần xem bộ Cầm nang của cụ Phùng thị, hiệu Sở Chiêm. Những áo chỉ về âm dương, dịch lý trong sách ấy, Ngài đều thấu hiểu hết. Trong khi đàm luận với Trần tiên sinh, Ngài cũng góp được nhiều bí chỉ, chân cơ. Trần tiên sinh thấy thế muốn đem

1. Can qua đầy dẫy trước mặt, kẻ nam nhi hà tất già đời trong phòng sách.

hết sở học của mình truyền cho Ngài.

Lúc đó, Hải tướng quân (?) cho đem lễ vờ Ngài đến chốn viên môn, sai Ngài đem quân đi tập cộng đám viên binh của giặc và hứa sẽ bái tướng phong hầu. Ngài thăm nghĩ: Danh lợi trường trung, phó chi lưu thủy nhân văn đa thời liễu.»² rồi lấy cớ còn phải lo việc phụng dưỡng mẹ già, nhất quyết từ chối.

Ngài trở về Bàn thượng ở Hương sơn ẩn cư, làm nhà ven núi trong rừng, ngày đêm nghiên cứu, quyết chí học tập y thuật, gìn giữ sức khoẻ cho mình, cho con cháu trong nhà và cứu nhân độ thế. Nhưng tiếc thay ở nơi hoang vắng đã không thấy lại chẳng bạn để hỏi bàn, Ngài đành phải tự mình hỏi đáp.

May sau gần đó ở làng Đậu xá, có ông thầy họ Trần, nhờ ông lui tới chỉ vẽ thêm cho, được 2,3 năm thiên tài ngày giỏi, song Ngài cũng không khỏi có chỗ bất mãn vì còn nhiều điều nghi ngờ khó giải đoán. Nền mùa xuân năm Bính Tý (1756) Ngài phải đến kinh sư mong gặp bậc cao minh, nhưng vô duyên tạo ngộ, Ngài lại phải trở về nơi cũ, vừa học tập, vừa giúp người. Đẳng đẳng như thế mấy năm trời, những bệnh nhân nhờ Ngài điều trị đều được lành mạnh, khắp vùng ai cũng nhận Ngài là thầy thuốc hay. Tiếng đồn lên đến kinh đô Hà Nội, vua Cảnh Hưng (Lê Hiền Tông) nghe biết.

Năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) Vua hạ chỉ triệu Ngài thượng kinh để chữa bệnh cho chúa Trịnh Sâm và thế tử Trịnh Cán. Vốn chí khí thanh cao, Ngài bất đắc dĩ phải đi, chứ không

lấy sự được vua vời làm vinh. Ngài than: «Sự việc ngày nay là bởi khi trước kia, ta vào ẩn cư rừng núi, sao không vào sâu ít nữa, để bây giờ biết đến ta làm bận cho ta, nếu không biết đến ta thì ta vui sướng hơn.»

Tới kinh đô, Ngài trị bệnh được nhiều kết quả. Vua muốn phong cho chức Ngự y, nhưng Ngài một mực từ chối, xin được trở về quê cũ. Những công việc và mọi chi tiết trong chuyến thượng kinh này, Ngài chép thành sách nhan đề *Thượng kinh ký sự*, là cuốn sách cuối cùng trong bộ *Tám Ltnh*.

Lúc ra về, Ngài lấy làm sung sướng như chim được sỏ lồng. Khi trở về nhà cũ ở Hương Sơn, Ngài mở trường dạy học thuốc, có rất nhiều y sinh đến thỉnh giáo. Chúa Trịnh cũng hằng sai người đến ban ân điển cùng dụ rằng: Lê hữu Trác là người siêu thoát ở trên tất cả mọi điều tục lụy. Ta cũng không muốn trái ý người.»

Ngài là bậc aho học uyên thâm, y lý tinh vi, chí khí siêu phàm. Khi ông Thạch trai, anh Ngài, khuyên Ngài trứ thư lập ngôn lưu truyền hậu đại, khỏi mang tiếng là hư sinh mà đời sau khi đọc đến sách ấy, hẳn phải nói rằng: «Sách đã nói lên những điều cổ nhân cho là khó, mà lại đầy đủ những điều cổ nhân còn thiếu sót. «Ngài vàng lời. Do đó, bộ *Hải thượng y tôn tâm lĩnh* được trứ tác và hoàn thành vào khoảng năm Canh Dần (1770). Sách chép xong mà không ấn hành được, để về sau thất lạc mất nhiều. Đến năm Bính Dần. (1866)

2. Trong trường danh lợi, từ lâu ta đã phó mặc cho nước chảy mây trôi không màng.

ông được Đường My Vũ xuân Hiền sưu tầm trong mấy năm trời mà vẫn không đầy đủ. May gặp được người cháu 5 đời của Ngải đem cho bản chính, ông Đường My mới khắc một bản nhà in ra. Tuy vậy bản chính cũng còn thiếu mất 8 quyển. Vì đó, toàn bộ *Y tôn tâm lĩnh* có 28 bộ, gồm có 66 quyển, nay chỉ còn 58 quyển.

Chép xong bộ sách quý giá ấy trong 19 năm, ngày rằm tháng giêng năm Tân Hợi, niên hiệu Quang Trung thứ 4 (1791), Ngải từ giả cõi đời hưởng thọ 68 tuổi.

Sinh ra đời gặp thời tao loạn, trải qua bao cơn gia biến, quốc biến, bao nhiều năm binh cách dập vùi, lập chí trong hoàn cảnh lộn độn ngang trái, rồi lấy việc cứu đời làm trọng, trong mấy chục năm trời, Ngải đã đem tài đức ra phụng sự cho nền y học nước nhà, cứu nhân độ thế, và truyền lại cho đời sau bộ *Hải thượng y tôn tâm lĩnh* là bộ sách đã tóm thâu được các nguyên tắc thần diệu của Kỳ, Huỳnh¹. Trong bộ sách đó, Ngải khảo luận y lý đến tinh vi huyền bí, mổ xẻ bệnh lý đến gân mạch xương tủy và nói lên được những điều cơ

nhân còn thiếu sót. Thật là một di sản quý báu cho dân tộc Việt nam. Ông Vũ xuân Hiền, người soạn sách đem in, nói rằng:

— Tri yếu chi học, Nam bang nhất nhân nhi dĩ².

Hiện nay Tổng hội Đông y học Việt nam cùng các đoàn thể Đông y trong nước và khi ở nước ngoài đều suy tôn Ngải là Y tổ Việt nam và chọn ngày rằm tháng giêng âm lịch là ngày hóa nhật của Ngải làm ngày kỷ niệm, hằng năm kính tế để tỏ lòng nhớ công ơn của Ngải. Tại Đô thành, danh hiệu của Ngải được lựa chọn để đặt tên cho một con đường - đường Lãn ông. Điều đó chứng tỏ Tồ quốc lúc nào cũng ghi nhớ công lao của những người đã hi sinh thân thể để phục vụ cho quốc gia dân tộc trên mọi lãnh vực.

(Trích thuật trong bài tựa của Ngải trong bộ *Hải thượng y tôn tâm lĩnh*)

1. Kỳ, Huỳnh : Kỳ Bá và Huỳnh đế, hai Người đã hợp soạn bộ Nội kinh tổ vấn theo thê vấn đáp gồm tất cả 162 thiên.

2. Học y mà biết hết điều cốt yếu, cả nước Nam chỉ có một người mà thôi.

SUMMARY

Lê hữu Trác: life and Works
by Lê đức Thiếp

A biography of Lê hữu Trác, the most prominent and authoritative figure of Vietnamese medicine is sketched by the author, a traditional practitioner himself.

Lê hữu Trác (1724-1791) steeped in Chinese culture and was successful in the three examinations for literary studies. After service as an officer he fell seriously ill and then retired to the country to devote himself to divina-

tion. He subsequently spent ten years studying the Chinese medical classics and afterwards, in accordance with the best Confucian tradition, opened a literary, philosophical and medical school in his cottage at Hương sơn («the scented mountain») near Hà tĩnh, where he wrote a number of books. His encyclopedia is in sixty-six volumes, in which he wished to work out a therapeutic method adapted to his national soil rather than borrowed from abroad. He outstripped all his predecessors through his extensive knowledge of medical thought and clinical practice, through his talent as a writer and the originality with which he corrected the classical theories in the light of his own experience.

Lê hữu Trác, pseudonymously known as Hải Thượng Lãn Ông, is actually unanimously considered as the Hip-pocrates of Viet-Nam.

(Phương Đông, November 1972, 17)

Học-Thuật Việt-Nam Quốc-Bảo

NẾU BẠN

- Đã Nghe — Đã Thấy — Đã Đọc — Đã Biết

KINH DỊCH LÀ MỘT KỶ THƯ

NAY BẠN MUỐN

- Học — Hiểu — Đạt — Nắm cho kỳ được toàn bộ LÝ-THUYẾT lẫn CHIÊM-NGHIỆM — Khoa Dịch Lý Học — đề tạo dựng cho mình một Bản Lãnh Siêu việt — một Kiến Thức Tuyệt Vời (Bồ túc được mọi Kiến Thức).

BẠN HÃY ĐẾN

- Số 194/19 E đường Bạch-Đằng — Gia-Định.
- Hỏi Ông XUÂN PHONG — HỒNG TỬ UYÊN.
- Ghi tên theo học (LỚP DỊCH LÝ — DU NGOẠI THỰC NGHIỆM).
- KHÓA Trục thụ — Khai giảng mỗi chiều Thứ Bảy và sáng Chủ Nhật
Hàm thụ

Quan-niệm về Thận của Lãn Ông đòi chiều với Tây-Y¹

NGUYỄN VĂN THỌ

Quan niệm về Thận của Lãn Ông có thể nói được là hết sức độc đáo.

Quan niệm này đã được trình bày cặn kẽ trong quyển *Huyền tân phát vi*, và trình bày sơ lược trong quyển *Châu ngọc cách ngôn của cụ*.

Cũng như Triệu Dưong Quí, tác giả bộ *Y quán*, và Phùng triều Tương (Phùng thị) (khoảng 1702) tác giả bộ *Phùng thị cầm nang*, Hải thượng Lãn Ông không lấy Tâm làm trọng, mà lại lấy Thận làm trọng². Lãn Ông chủ trương: trời đất bên ngoài có Thái cực, thì thân thể con người bên trong có Thận³.

Chữ Thận đây, không thể hiểu nghĩa thông thường như là một bộ phận bài tiết nước tiểu, mà phải hiểu

như là một hệ thống gồm :

— Thận ; Cơ quan bài tiết nước tiểu.

— Mệnh môn : Một hạch nội tiết (glande endocrine), nói theo từ ngữ y học hiện nay.

A- QUAN NIỆM VỀ THẬN CỦA ĐÔNG Y QUA CÁC THỜI ĐẠI.

Bề vấn đề được sáng tỏ, trước hết thiết tưởng nên trình bày sơ lược về quan niệm Thận theo Đông y qua các thời đại.

1. Trước tiên, Biền Thuớc (Tần Việt Nhân, khoảng 225 trước C.N.) tác giả quyển *Nạn kinh*, cho rằng :

Thận có hai trái, tả và hữu, y như trời đất có Âm Dương.

Trái bên tả là Thận.

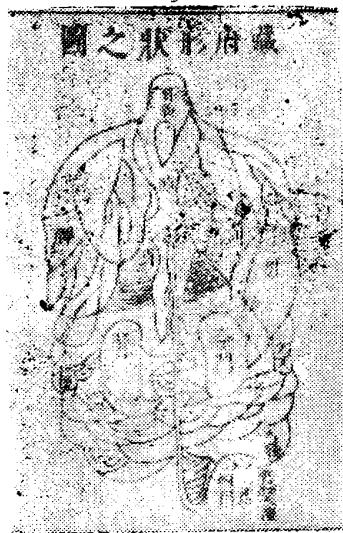
1. Bài này phỏng theo chương : Etude critique du livre : *Les Secrets des Reins révélés*, trong *Les Secrets des Reins révélés*, luận án y khoa của tác giả, đệ trình tại Y khoa đại học đường Hanoi tháng 12 năm 1952.

Luận án này đã được giải thưởng Luận án năm ấy, và đã được giáo sư Pierre Huard toát lược và phê bình trong quyển *Bibliographie — Etudes historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine*, (B.S.E.I., N.S. Tome XXX, No 2, 2è trimestre 1955, tr. 180-181), và đề cập đến nhiều lần trong các sách khác, như *Lãn Ông et la Médecine Sino-vietnamienne* (BSEI, N.S. Tome XXVIII, No 3, 3è trimestre 1953, tr. 224) và P. Huard et Ming Wong, *La Médecine chinoise au cours des siècles*, Les Editions Roger Dacosta Paris, 1959 tr. 113.

Gần đây b.s. Hồ chung Tít, trong quyển Luận án của ông nhan đề là *Tư Tưởng và sự nghiệp của Lãn Ông (15-8-1971)* cũng đã trích dịch đoạn dài đề cho vào Luận án của ông từ tr. 76 đến tr. 101.

2. *Phùng thị cầm nang*, quyển 1. tr. 47 : Bình Triệu thị Y Quán thuyết.

3. Lãn Ông, *Huyền tân phát vi*, tr. 3-9.



Hình trích từ quyển Pierre Huard et Maurice Durand, *Lãn Ông et la médecine sino-vietnamienne* (B.S.E.I., N.S. Tome XXVIII, No 3, 3è trimestre, 1953,) tr. 295 hình D.

Trái bên hữu là Mệnh môn ¹.

Sau này, Trương Trọng Cảnh (thế kỷ 2 sau C.N.) và nhiều danh y Trung Hoa cũng đã theo theo thuyết này.

2. Trương Giới Tân tức Cảnh Nhạc (1563-1640) cho rằng :

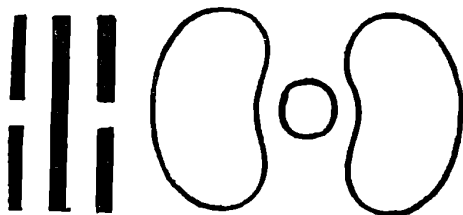
Thận gồm có

— Mệnh môn ở chính giữa (Nhất Dương)

— Hai quả thận ở hai bên (Nhị Âm)

Tất cả hợp lại thành hình quẻ KHÂM cũng có một hào Dương ở giữa hai hào Âm.

3. Lãn Ông, theo Triệu Dưong Qui



Quẻ khâm và quả thận

và Phùng thị, dựa vào quẻ Khâm và vào Thái Cực đồ, đã cho rằng Thận trong người chính là Thái Cực. Theo Lãn Ông, Thận gồm có :

— Hai quả Thận ở hai bên tả hữu, tức là hai nửa vành lớn của Thái Cực.

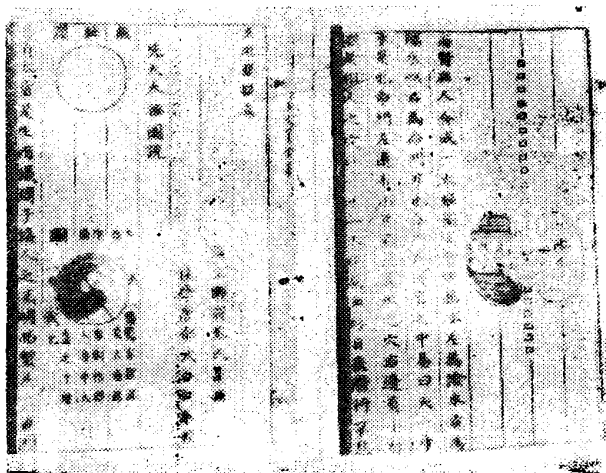
— Mệnh Môn ở chính giữa, chủ về nam tính, nữ huyết, tức là chủ về sinh dục.

— Vòng tròn trắng bên phải gọi là Chân hỏa hay Tướng hỏa.

— Vòng tròn đen bên trái gọi là Chân thủy.

Hai vòng đen trắng : Chân thủy, Chân hỏa tương ứng với hai vòng nhỏ trắng đen mà ta thấy trong hình Thái Cực.

Trong quyển *Huyền tân phát vi*, Lãn Ông đã vẽ hai hình để suy diễn từ Thái cực ra Thận và các bộ phận của nó. Xin chụp lại nơi đây để chứng minh.



1. Xem *Phùng thị Cầmnang*, mộc bản, quyển 2, tr. 3b.
Hải Thượng Lãn Ông, *Huyền tân phát vi*, tr. 5b.

Trong hệ thống Thận nói trên, đối với Lãn Ông, thì chỉ Mệnh môn và Chân thủy, Chân hỏa là quan trọng nhất.

Quyền Huyền tấn phát vi, và quyền Châu Ngọc cách ngôn của Lãn Ông nguyên bản về Chân hỏa, Chân thủy, các bệnh chứng do chúng phát sinh cũng như trị liệu.

B. SINH LÝ HỌC VÀ BỆNH-LÝ-HỌC VỀ MỆNH MÔN.

Như đã nói, Mệnh môn gồm có ba phần :

— Mệnh môn ở chính giữa, chủ tri Nam tinh, Nữ huyết, tức là có ảnh hưởng nhiều đến cơ quan sinh dục. ¹

— Chân hỏa hay Tường hỏa, thuộc Dương, chủ tri về sinh dục của con người.

— Chân Thủy, thuộc Âm, điều khiển sự chuyển hóa về huyết dịch trong người.

Chân Thủy, Chân Hỏa trong con người, cần phải hòa hợp cộng tác với nhau thì cơ thể mới được khỏe mạnh, nếu như một bên mà thiên thắng, thì cơ thể sẽ mất thể quân bình và sẽ sinh bệnh tật. Một thầy thuốc giỏi chính là người biết điều hòa âm dương để gây lại được thể quân bình đã mất ².

Vì Chân hỏa, Chân thủy quan hệ bậc nhất như vậy, nên chúng ta sẽ khảo sát chúng một cách tường tận hơn.

I. Chân hỏa (Tương hỏa, Long hỏa v.v...) (Le Principe thermique)³

Chân hỏa góp phần rất lớn vào công cuộc biến dưỡng nơi con người (métabolisme).

— Nó chủ trì mọi sinh hóa.

— Nó giúp cho ti vị hoạt động hẳn hoi, giúp cho sự tiêu hóa được dễ dàng.

— Nó giúp cho phổi được hoạt động hữu hiệu.

— Giúp khí huyết vận chuyển điều hòa.

— Nó giúp cho da thịt được săn khít.

— Nó giúp cho thần trí được minh mẫn.

a- Hỏa thịnh.

Nếu Hỏa thịnh (Dương thịnh), con người sẽ khỏe mạnh, thịt xương rắn chắc.

b- Hỏa kháng (Hỏa thái quá).

Nếu Hỏa thái quá (Kháng Dương), sự sinh hóa sẽ bị kích thích quá mức và con người sẽ táo khát, cơ thể sẽ mất nước. Đó là trường hợp « Thượng nhiệt, hạ táo » mà Lãn Ông đề cập đến ở trong Châu Ngọc cách ngôn (q. Thượng, tr. 3a)

c. Hỏa hư.

Nếu Hỏa hư, các hiện tượng sinh hóa sẽ bị đình trệ, con người sẽ trở nên yếu đuối, xanh xao, lông tóc sẽ dễ rụng ; ti vị sẽ làm việc kém đi, sự tiêu hóa sẽ trở nên chậm chạp và con người sẽ hay bị sinh hơi, chướng bụng, ăn uống khó tiêu, hay bị ầu ẩu. Mặt khác, da cũng không được săn khít, các khiếu khổng (sphincters) không được bền chặt, cho nên hay bị nôn mửa, đi lỏng, đi tinh, ra mồ hôi trộm v.v...

Hỏa hư cũng có thể làm cho con người trở nên bị quện, hôn trầm.

Hỏa hư, Dương hư còn gây ra chứng « phù hỏa ». Phù hỏa là Hỏa bốc lên đầu, tan ra bị phụ, trong khi đó thì chân tay lạnh, tạng phủ lạnh. Lãn Ông gọi thể là triệu chứng « Thượng nhiệt, hạ hàn » (Xem Châu ngọc cách ngôn, q. I, tr. 2a)

1. Xem Huyền tấn phát vi, tr. 5b và 6a.

2. Vô dương tắc âm vô dĩ sinh, vô âm tắc dương vô dĩ hóa (Châu ngọc cách ngôn, 15a).—Bồ thủy dĩ chế Dương quang, bổ Hỏa dĩ tiêu Âm ế...

3. Những chữ Principe thermique và Principe aqueux là tiếng tôi sáng tạo ra khi làm luận án đề dịch những chữ Chân Hỏa, Chân Thủy.

2. Chân thủy (Le Principe aqueux)

Chân thủy chủ trị các sự vận chuyển tân dịch, huyết dịch trong người, làm cho cơ thể trở nên nhuần dưỡng, triển dương; lông tóc óng ả, mầu mỡ.

a- Thủy quá thịnh.

Nếu Thủy quá thịnh, sẽ làm cho huyết dịch trong người trở nên ứ đọng (stase, infiltration d'eau, rétention d'eau, augmentation du volume sanguin), phù thũng (oedème).

b- Thủy hư.

Nếu Thủy hư, âm hư, huyết dịch trong người sẽ bị giảm thiểu (hémoco-concentration, réduction des liquides extra-cellulaires), chẳng những thế, các tân dịch (sécrétions) trong người cũng giảm đi.

3. Phương pháp trị liệu.

Phương pháp trị liệu ở đây là phải lo điều hòa âm dương.

a- Nếu Hỏa thịnh, Thủy hư, sẽ bổ Thủy, Bổ Thủy để chế Dương quang. (Bổ Thủy dĩ chế Dương quang).

b- Nếu Hỏa hư, Thủy thịnh, sẽ Bổ Hỏa. Bổ hỏa để « dẫn Hỏa qui nguyên, bổ Hỏa để tiên trừ sự ứ ứ âm, khuất lấp của âm. (Dẫn hỏa phản nguyên; Bổ Hỏa dĩ tiêu âm ứ).

Bổ Hỏa bằng bài BÁT VỊ.

Bổ Thủy bằng bài LỤC VỊ.

c- Bát vị.

Bài Bát vị do Trương Trọng Cảnh (thế kỷ 2 trước C.N.) sáng chế ra để chữa vua Hán Vũ đế.

Bài Bát Vị gồm Tám vị như sau :

BỒ ÂM (—)

Đơn bì

Phục linh

Trạch tả

BỒ DƯƠNG (+)

Quế

Phụ

BỒ ÂM (—)

Thục địa

Hoài sơn

Sơn thù 1.

d- LỤC VỊ.

Tiền Ất (thế kỷ XI) chuyên môn về Nhi khoa, đã bỏ hai vị Quế Phụ, trong bài Bát vị nói trên, để chế ra bài Lục vị.

Thoạt tiên, Tiền Ất (c. 1093) dùng bài Lục vị để bồi bổ cho trẻ con lên cân, chóng lớn.

Sau này các danh y mới dùng Lục vị để bồi bổ Thủy.

Trong quyển *Huyền tẩn phát vi*, ta thấy Lãn Ông chỉ dùng có hai bài Bát vị, Lục vị nói trên với những biến chế gia giảm, mà đã chữa được vô số là kỳ bệnh, quái bệnh.

Tóm lại, đối với Lãn Ông :

— Thận là Thái cực.

— Mệnh môn là Thái cực.

— Thái cực có Âm Dương.

— Mệnh môn có Chân Thủy, Chân Hỏa.

— Thái cực, Âm Dương quan hệ thế nào đối với vũ trụ, thì Thận và Mệnh môn, cùng với Chân Thủy, Chân

1. Cách xếp 8 vị nói trên theo hình quẻ KHÂM đã được thấy trong Pierre Huard et Wong, *Bio-Bibliographie de la Médecine chinoise*, tr. 205 (B.S.E.I., N.S. Tome XXXI, No 3, 3^e trim. 1956).

Ta cũng có thể phân chia như sau :

1) *Bồ hỏa.*

Quế, Phụ.

2) *Bồ Thủy.*

Thục địa, Sơn thù.

3) *Bồ tì.*

Hoài sơn, Phục linh.

4) *Thanh nhiệt.*

Đơn bì.

5) *Tả.*

Trạch tả.

Hỏa cũng quan hệ đến sức khỏe con người như vậy.

Chữa bệnh mà chữa được tới căn bản, mà biết tài bồi căn bản thì lo chi bệnh không lành, người không khỏe!

C. QUAN NIỆM VỀ THẬN CỦA LÃN ÔNG ĐỐI CHIẾU VỚI TÂY Y.

Quan niệm của Lãn Ông về Thận có rất nhiều điểm tương tự với những khái niệm mới mẻ nhất về Tuyến thượng thận (glandes surrénales; capsules surrénales; adrenal glands) của Tây y.

I. Sự phân chia Mệnh môn của Lãn Ông ăn khớp với sự phân chia vỏ thượng thận (cortex surrénal, adrenal cortex) của Sinh lý học hiện đại.

Lãn Ông chủ trương :

Mệnh môn gồm ba phần :

— Chân Hỏa chủ tri về sinh khí, sinh lực trong người.

— Chân thủy chủ tri huyết dịch trong người.

— Mệnh môn chủ tri về sự sinh dục

Khoa sinh lý học ngày nay chủ trương :

Vỏ thượng thận (cortex surrénal) gồm 3 phần :

— *Vùng chùm* (Zone fasciculée du cortex surrénal), tiết ra những chất glucocorticoides (như Hydrocortisone hay composé F, Cortisone) ảnh hưởng rất sâu xa đến sự biến dưỡng (métabolisme) của chất đạm, chất thịt (matière protidique), chất đường (matière glucidique) và chất mỡ (matière lipidique) trong cơ thể, và như vậy ảnh hưởng đến sinh lực trong người.

— *Vùng võng dới* (Zone réticulée du cortex surrénal) tiết ra những chất Minéralocorticoides (như Aldostérone, Désoxycorticostérone) ảnh hưởng lớn đến sự chuyển dịch của các chất điện giải (électrolytes) như Na (Sodium), K (Potassium), và Cl (Chlore); và như vậy, ảnh hưởng đến số lượng tân dịch,

huyết dịch trong người (métabolisme hydrique)

— *Vùng đới cầu* (Zone glomérulaire du cortex surrénal) tiết ra những kích thích tố sinh dục (như Hormone androgène, Hormone oestrogène, progestérone, v.v..) (nhưng với số lượng rất ít, sánh với dịch hoàn (testicules) và buồng trứng (ovaires)).

2. Các bệnh trạng mà Lãn Ông mô tả về Mệnh môn cũng tương tự như những bệnh trạng mà Tây y hiện nay mô tả về Vỏ thượng thận.

a — Lãn Ông cho rằng nếu Hỏa hư Thủy thịnh, huyết dịch trong người sẽ ứ đọng, con người có thể sinh đàm xuyên, hay phình nước.

Nếu ta cho bệnh nhân dùng nhiều chất Désoxycorticostérone (Thủy thịnh), ta cũng thấy những triệu chứng như trên (oedème, alcalose avec respiration superficielle).

b — Lãn Ông cho rằng nếu Tướng hỏa mà hư, con người có thể trở uên hôn trầm, bị quỵện, ăn uống khó tiêu; dễ ầu, dễ tả; hoặc bị di tinh (spermatorrhée), bất lực (impuissance); thịt nhẽo, hay mệt, hay đau bụng, đau người vì khí huyết chuyển vận không được điều hòa.

Nếu Chân Thủy hư, con người sẽ ngày một trở nên khô kiệt (dessication progressive) hoặc mắc phải những chứng huyết khô (hémoconcentration), gầy rạc (maigreur, cachexie).

Trong bệnh Addison (bệnh lao tuyến thượng thận), các vùng thượng thận đều bị thương tổn, ta thấy :

— Những triệu chứng « Âm hư » như :

— Sự biến loạn trong sự chuyển dịch của nước và của máu (perturbations du métabolisme de l'eau, hémoconcentration).

— Gầy rạc (cachexie progressive).

— Những triệu chứng « Dương hư » như :

— Mệt mỏi (asthénie)

- Ầu, tả (vomissements et diarrhée)
- Người lạnh (Hypothermie)
- Bất lực (Impuissance), vô tự (stérilité)
- Đau bụng.
- Ngất (Iyothymie), mê (coma), xỉu (collapsus).

c. Lăn Ông cho rằng có nhiều bệnh trạng sinh ra là do sự mất quân bình của Thủy Hỏa.

Gần đây, Giáo sư Seylie cũng chủ trương rằng trước sự tấn công đa diện (situations stressantes) của tà khí, thất tình, của tai nạn, của vi-trùng, của độc tố, nhiều khi con người phản ứng lại một cách bừa bãi, không thích nghi; chính vì thế mà cơ thể bị giao động, thác loạn, chấn kích nên sinh bệnh.

Những bệnh chứng do sự giao động, chấn kích, thác loạn ấy, truy kỳ nguyên, là do não thùy (Hypophyse) bị kích thích nên đã phát tiết ra những kích thích tố như Hormone corticotrope (ACTH), hormone somatotrope (STH). Những kích thích tố này sẽ kích thích những vùng của Vỏ thượng thận (cortex surrénal) làm cho nó tấy lên (hypertrophie) và tiết ra những chất Glucocorticoïdes, ảnh hưởng đến sự biến dưỡng (métabolisme) và minéralo-corticoïdes ảnh hưởng đến tân dịch (sécrétions) huyết dịch (sang et liquides extracellulaires).

Như vậy, các bệnh do sự phản ứng bừa bãi (Syndrome de mal-adaptation, Syndrome d'Adaptation) sinh ra cũng là do sự mất quân bình giữa Thủy (hormones minéralocorticoïdes). Hỏa (Hormones glucocorticoïdes)

d- Lăn ông chủ trương rằng: Trẻ con thời 'thuần dương, vô âm', nên sự biến dưỡng rất dễ bị kích động, huyết dịch rất dễ bị suy vì, vì thể chỉ được dùng Lục vị (Cf. *Châu ngọc cách ngôn*, tr. 38)

Những người lớn thì 2 khi âm dương quân bình hơn.

Còn những người già thì âm dương

nhị khi đều suy.

Giáo sư Seylie cũng viết:

« Trẻ con phản ứng mạnh hơn, mau bệnh cũng như mau lành.

« Người lớn phản ứng ít hơn, vì đã quen với các sự kích động của hoàn cảnh.

« Còn những người già, thì yếu chịu bệnh tật và các sự chấn kích của cuộc đời, vì thế nên dễ chết. »¹

cOo

KẾT LUẬN:

Ta có thể không đồng ý với Lăn Ông ở chỗ ngài coi Thái cực trong người là Thận và Mệnh môn, vì lẽ Thái cực phải là Toàn thể con người, phải là cái ứng nguyên thủy khí vừa thụ tinh và bắt đầu phân hóa. Ta có thể không đồng ý với Lăn Ông ở chỗ ngài cho rằng Mệnh môn đã có trước tất cả các tạng phủ, vì theo khoa Phôi học (embryologie) ngày nay, thực tế không phải như vậy.²

Nhưng không thể không bái phục Ngài, vì Ngài đã đi từ Thái cực, từ quẻ Khảm mà suy ra được Mệnh môn cùng với Chân thủy, Chân hỏa, và áp dụng Dịch lý để suy diễn ra các trạng thái Âm Dương suy thịnh trong con người.

Tây y dùng khoa giải phẫu, dùng kính hiển vi, dùng các phương pháp khoa học mà đã khám phá ra được Vỏ thượng thận (cortex surrénal) với các công năng của nó.

Nhưng khi ta đem đối chiếu kết quả nửa hai đảng cũ và mới, thì ta thấy đôi bên cũng chẳng mấy khác nhau.

Đó chẳng phải là một điều đáng làm cho chúng ta bỡ ngỡ hay sao?

1. Xem Nguyễn Văn Thọ, *Les Secrets des Reins révéles*, luận án, tr. 125 vt.

— Guyton, *Textbook of Medical Physiology* Saunders, 1963, chương 74, từ tr. 99 trở đi.

2. Xem Bradley M. Patten, *Human embryology*, 1948, tr. 74.

Ngoài ra, cũng nên ghi nhận rằng Lãn Ông và Phùng Thị đã bàn về Mệnh môn, đã chữa về Thủy Hỏa từ thế kỷ 18. Ấy là ta chưa muốn nói rằng quan niệm về Mệnh môn đã mạnh nũa từ thời Biền Thước (225 trước C.N.), các phương được đề chữa Thủy và Hỏa đã có từ thời TRƯƠNG TRỌNG-CẢNH (thế kỷ 2 trước C.N.) và Tiền Ất (thế kỷ 11).

Ngược lại, tất cả các khám phá về «Tuyến Thượng thận» chỉ mới có từ thế kỷ 19 đến nay.

Các bài Bát vị, Lục vị đã có từ đời Trọng Cảnh (Thế kỷ 2 trước C.N.) và Tiền Ất (thế kỷ 11 sau C.N.); còn các chất ACTH, STH, Cortisone, Hydrocortisone, và Désoxycorticostérone mới được tinh chế khoảng chừng mấy chục năm nay.

Thiết tưởng những bài thuốc hay như Lục vị, Bát vị, những bài thuốc tỏ ra hiệu nghiệm từ nhiều thế kỷ nay rất đáng được chúng ta quan tâm mà khảo sát lại.

Giáo sư Huard cho rằng khi so sánh Mệnh môn của Lãn Ông, với các tuyến Thượng thận của Tây Y, tôi đã có hảo ý muốn bắc một nhịp cầu giữa Đông Y và Tây Y¹. Tôi xét mình không xứng đáng với lời khen tặng đó.

1. «Corrigée par une longue pratique médicale, la thèse de Lãn Ông, brillamment exposée par M. Thọ, retient l'attention, même lorsqu'il assimile les 3 éléments de la "Porte de vie" (thermique, aqueux et sexuel) aux 3 zones histologique (fasciculée, réticulée et glomérulée) de la surrénale et lorsqu'il établit une comparaison avec le syndrome d'adaptation de Seylie. Elle joue sur la pathogénie chinoise des maladies attribuées soit à des influences externes, soit à des perturbations internes. Bien que nous soyons là en présence d'une extrapolation de la pensée sino-vietnamienne, on doit savoir gré à l'auteur de son énorme effort et de son désir louable de jeter des ponts entre la médecine extrême-orientale et de la médecine extrême-occidentale.» Pierre Huard, *Bibliographie. — Etudes historiques sur l'ancienne médecine au Vietnam et en Chine*, tr. 181. (B.S. E.I., N.S. Tome XXX, No 2, 2è trim. 1956).

SUMMARY

The «kidneys» in Oriental medicine by Nguyễn-văn-Thọ

According to Oriental medicine, the «kidneys» are not only the two pea-shaped organs of modern anatomy. With this word, one must conceive a complicated system, including the genito-urinary tract and the endocrine glands, the adrenal cortex in particular.

The author, analysing two volumes of Lãn-Ông's encyclopædia, suggests that the right kidney, known in traditional medicine as the «Gate of Life» with its three elements (thermal, aqueous and sexual) might be likened to the three histological zones of the cortex, namely the zona glomerulosa, the zona fasciculata, and the zona reticularis.

(Phương-Đông, November 1972, 17)

Việc đào tạo thầy thuốc ngày xưa

ĐỖ-ĐÌNH-TUÂN

TRƯỚC đây hơn 1 thế kỷ, ở nước ta Đông Y đã nắm giữ nhiệm vụ bảo vệ sức khoẻ cho dân chúng, khắp nơi từ kinh thành dân cư đông đúc nào nhiệt đến các thôn xóm hẻo lánh xa xôi đều có sự hiện diện của thầy thuốc cổ truyền khả kính, dùng y thuật của người Trung Hoa phối hợp với kinh nghiệm của chính bản thân mình hoặc do ông cha truyền lại, để xoa dịu những nỗi đau đớn của bệnh nhân gây ra bởi bệnh tật, họ rất được dân chúng kính trọng và gọi là cụ Lang 1 hoặc đôi khi là cụ Điều 2. Các thầy thuốc đó không phải qua một kỳ thi tốt nghiệp nào cả, vì ngày xưa nhà vua không mở trường đào tạo 3 và cũng thường không tổ chức kỳ thi để tuyển chọn y sĩ 4. Thầy thuốc giỏi là người chữa được những bệnh hiểm nghèo, có nhiều người tới xin điều trị tức được dân chúng tin nhiệm, hầu hết danh y đều xuất thân từ giới nho sĩ và đa số y gia đều thông hiểu nho học. Sau đây là các nguyên nhân chính đưa đến sự học thuốc:

— Những người tinh thông nho học lẫn Phật học nhưng không đi thi để tiến thân, hoặc không ra làm quan mặc dù đã đỗ đạt cao, vì chán cảnh đua chen danh lợi, lui về ẩn dật nơi thôn dã học nghề thuốc mục đích cứu giúp mọi người khi đau ốm như: Tuệ Tĩnh 5, Lãn Ông 6.

— Những nho sĩ lận đận trường ốc thất bại trên đường công danh khoa cử, trong số này có cả người đã đỗ Tú Tài hoặc Nhất, Nhị trường, không muốn đi dạy học, nên khi quay về học nghề thuốc để vừa mưu sinh vừa hợp với lòng ước vọng cứu nhân độ thế

như: Nguyễn-thế-Chuẩn 7, Bùi-thức-Trình 8.

— Những vị đã thành công rực rỡ trên quan trường, hoặc đường công danh hoàn toàn mỹ mãn, nhưng vì sự ham chuộng nên vẫn nghiên cứu về thuốc, thường trị bệnh cho thân tộc, hoặc

1. Lang do chữ lương (lương y = thầy thuốc giỏi) đọc chệch ra.
2. Điều hộ, đời Nguyễn chức Điều hộ không được lương bổng. Cũng nên biết những thầy thuốc làm ở Thái-y-viện, chữa bệnh cho vua và hoàng tộc được hưởng lương bổng gọi là Ngự Y.
3. Dưới thời thuộc nhà Minh (1414-1427); Hoàng Phúc mở trường dạy thuốc ở các phủ, châu, huyện.
4. Đặc biệt năm Thiệu Long thứ 4 (1261) đời Trần Thánh Tông và năm Hồng Đức thứ 4 (1473) đời Lê Thánh Tông có mở khoa thi tuyển lựa thầy thuốc vào Thái-y-viện.
5. Sống vào đời Trần dự Tông (1341-1369) tên thật là Nguyễn bá Tĩnh, người làng Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng, phủ Hạ Hồng, tỉnh Hải Dương; đỗ Thái-học-sinh, không ra làm quan, thích nghiên cứu về thuốc, trị bệnh và đi tu tại chùa Hộ Xá huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; soạn ra cuốn Nam dược và là tác giả bài Nhân thân phú.
6. Tên thật là Lê hữu Huân (có sách chép là Lê hữu Trác) hiệu Hải Thượng Lãn Ông, người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng tỉnh Hải Dương, sinh ngày 12-11 năm Giáp Thìn (1724), mất ngày 15-1 năm Tân Hợi (1791), bỏ quan về nghiên cứu thuốc, ẩn cư tại xã Tĩnh Diệm, Huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, được giới Đông Y ngày nay tôn làm Y tổ; soạn ra bộ Y tông tâm lĩnh.
7. Hiệu Đức Khê, thụy Thanh Trai, người làng Mỹ Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, sinh năm 1794, mất năm 1843, học từ Phạm đình Hồ, đi thi nhiều lần không đỗ quay ra học thuốc, sau nổi tiếng là danh y, ngụ ở phố Hàng Bún Hà Nội.
8. Sống vào đời Thành Thái (1889-1907) Duy Tân (1907-1916) và Khải Định (1917-1925), hiệu Anh Xuyên, thường gọi là Nhất Trung, người làng Quần Anh, huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định, đi thi nhiều lần nhưng chỉ đỗ Nhất trường, tinh thông y học, mở trường dạy thuốc; soạn ra các bộ Sơ thí, Vệ sinh yếu chỉ và Hội Anh.

bạn bè trong giới quyền quý như Phan phủ Tiên 1, Nguyễn gia Phan 2.

— Những người được gia đình đề cử học thuốc ngay từ nhỏ, đề gìn giữ nghề nghiệp tổ tông, đó là trường hợp cha truyền con nối làm nghề thuốc; hoặc đề sau này chữa trị cho họ hàng làng xóm vì nơi cư ngụ không có thầy thuốc.

Đối với nho sĩ đã thấu triệt nho học, họ tự đọc lấy sách thuốc, tìm hiểu y lý, rồi đến một vị danh y xin học đề trau dồi kinh nghiệm, thường 2-3 năm sau, nếu chuyên cần học tập họ có thể chuẩn mạch bốc thuốc; còn những người chỉ biết vẽ vẽ Hán tự cùng trẻ con phải theo thầy học từ 10-15 năm, hoặc từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành mới dám hành nghề, mấy năm đầu họ bắt buộc phải học chữ Hán, và sau đó ngoài sách thuốc thầy còn dạy xen lẫn thêm các sách của nho giáo.

Thông thường vị danh y mở trường ngay tại nhà để dạy con cháu mình hoặc mấy người ở làng xóm lân cận, rồi từ tiếng tăm của thầy mà học trò các nơi đến xin thụ giáo nhiều hay ít; theo lời thuật của vài vị Đông-Y-sĩ lão thành hiện nay, trường cụ Nhất Trung ngày trước lúc nào cũng 30-40 người đến ngồi nghe giảng sách.

Sự học thuốc không giới hạn tuổi tác, bao nhiêu tuổi học cũng được, có người râu tóc bạc phơ cùng học với thanh niên trai tráng. Khi xin học chỉ cần thầy chấp thuận không phải làm lễ khai tâm như mới đi học chữ nho, việc đóng tiền bạc quà cáp thi tùy tâm, không bắt buộc, thường chỉ phải thực hiện những khi có giỗ chạp ở nhà thầy hoặc ngày tết, khác với thầy đồ sự chi dụng của thầy thuốc không trông vào học trò vì đã có bệnh nhân thân nhũ.

Nếu đông người thì 1 gian nhà được dành riêng làm lớp học, học trò chia ra làm 3 loại tùy theo trình độ học vấn.

1 — Mới học qua chữ nho cùng các học trò nhỏ.

2 — Tinh hiểu nho học và đọc được sách thuốc.

3 — Người đã qua hai thời kỳ trên và những nho sĩ nghiên cứu về thuốc từ trước.

Mỗi tuần 4-5 buổi sáng hoặc chiều, thầy khăn đóng, áo dài, ngồi trên sập hay phản, giảng giải y lý, hoặc ý nghĩa thâm thúy của lời văn trong sách cho học trò lớn thuộc loại 2 và 3; học trò ngồi trên chiếu hay hai chiếc phản kê hai bên chằm chú lắng tai nghe lời thầy dạy, ghi chép lại những điều cần thiết. Đối với học trò thuộc loại 1, thường ở luôn nhà thầy, để khi gặp việc khó khăn thầy có thể dạy bảo ngay cho tiện, nếu ở gần thì chỉ bữa ăn và tối mới về nhà nên thời giờ học không ấn định rõ ràng, rảnh lúc nào thầy dạy lúc ấy, mặt khác học trò lớn cũng tiếp tay với thầy trong việc chỉ bảo lớp đàn em.

Chương trình học theo sự phân biệt trên chia ra:

★ Loại 1:

1. Tự Tín Thân, hiệu Mặc Hiên, người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Đỗ Thái-Lạc-sinh khoa Bính Tý (1396) đời Trần Thuận Tông, năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) đời Lê Thái Tổ lại đỗ khoa Minh kinh, giữ chức Quốc tử Bác sĩ tại Quốc-tử-giám; thích nghề thuốc, soạn ra cuốn Bản thảo thực vật toàn yếu.

2. Tên cú là Thế Lịch, hiệu Dưỡng Hiên, người làng Yên Lũng, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông, sinh năm 1749 mất năm 1829, con của Xứng thọ Hầu Nguyễn thế Xứng, năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) đời Lê Hiền Tông đỗ Đồng Tiến Sĩ, rất giỏi nghề thuốc, giữ chức Lại Bộ Thượng Thư đời Quang Trung nhà Tây Sơn, từng chữa bệnh cho vua Quang Trung và Gia Long, soạn ra sách Lý âm phương pháp thông lục, Tiểu nhi khoa, Thái sản điều lý phương pháp.

Học Hán tự, danh từ liên quan đến y dược, sơ lược được tính, các bài thuốc thông dụng.

Bài học đặt thành thơ hoặc phú, có vần điệu cùng đối nhau, cho học trò dễ học như:

*Ma hoàng thang trung dụng quế chi
Hạnh nhân cam thảo từ ban nhi
Phát nhiệt ở hàn thân thể thống,
Tu tri nhất phục hãn lâm lý¹*

hoặc một đoạn phú về tính dược:

«Bách ban thảo mộc, vạn chủng cầm trùng, âm dương chi khí tự biệt, thượng hạ chi phẩm bất đồng.....

Gián hữu bạch truật bồ tỷ, nhân sâm dưỡng vị, phục thần tự khả ninh thần, viễn chí nguyên năng định trí, Toan táo ninh tâm ôn đởm, đa miên dụng sinh, bất miên dụng sao; đương qui ích tồn phủ hư, bổ huyết dụng thân, phá huyết dụng vĩ².

Ngoài sự học lý thuyết, học trò phải thực tập: lựa chọn nguyên liệu, bào chế được liệu và được phẩm, xếp thuốc, thái thuốc thành phiến, cân thuốc³. Thầy chỉ bảo sơ qua bằng miệng rồi học trò trông nhau mà làm.

★ Loại 2:

Bắt đầu dạy về sự biến hóa của âm dương, thuyết ngũ hành, vận khí, cơ nguyên của bệnh, thủy hỏa vấp vè, cách thức chuẩn đoán bệnh, phép xem mạch, sơ lược kinh lạc, ngũ tạng lục phủ, nguyên nhân cùng phép trị bệnh nhất là thương hàn, được tính, luận về các bài thuốc. Cũng như trên đề học trò học cho dễ nhớ, thường thường vị y sư trích những bài thơ hoặc bài phú trong sách của cổ nhân dùng làm bài học.

Thi dụ:

Một đoạn bài Nhân thân phú⁴.

Nguyên phù ngũ hành phạm thể, nhị khí thành hình, đầu tượng thiên nhi túc tượng địa, khí vi vệ nhi huyết vi vinh. Thủ đắc huyết nhi năng nhiếp túc đắc huyết nhi năng hành, tả thủ túc bất như hữu thủ túc chi kiện; nhĩ đắc huyết nhi năng thính, mục đắc huyết nhi năng thính, hữu nhĩ mục bất như tả nhĩ mục chi minh.....

Lục vị tư tả thận chân âm, tả hỏa giáng nhĩ xỉ phát vị chi kiên cố; Bát vị tráng hạ nguyên tượng hỏa, tỳ thổ ôn nhĩ hình hải lại dĩ vinh xương.....⁵ hoặc một đoạn toát yếu nói về bệnh thương hàn⁶.

1. Trong bài Ma-hoàng-thang dùng quế chi, hạnh nhân, cam thảo, ma hoàng 4 vị đó. Trĩ chứng phát nóng sợ lạnh thân thể đau nhức. Nên biết một khi uống mồ hôi chảy ra từng giọt.

2. Trăm thứ thảo mộc, vạn giống cầm thú côn trùng, khí âm dương tự khác biệt, phẩm trên dưới không cùng... Thường có bạch truật bồ tỷ nhân sâm dưỡng vị (bào tử), phục thần tự nó có thể làm cho an thần, viễn chí vốn hay định trí. Toan táo an tâm ôn đởm, ngũ nhiều thì dùng sống, không ngũ phải sao chín; đương qui ích cho chứng tòn giúp chứng hư, bổ huyết dùng thân, phá huyết dùng vĩ.

3. Ngày xưa Đông-y-sĩ kiểm luôn được-sĩ, học trò học thuốc phải hiểu cả những vấn đề thuộc ngành dược.

4. Cửa sư Tuệ Tĩnh, nói sơ lược về thân thể người ta sự cư dưỡng, y lý, tác dụng bài thuốc.

5. Nay bắt đầu ngũ hành là khuôn thể, hai khí âm dương thành hình, đầu tượng trời, chân tượng đất, khí là vệ, huyết là vinh. Tay nhờ được máu mà có thể cầm, chân nhờ được máu mà có thể đi, tay chân bên trái không khoé bằng tay chân bên phải; tai nhờ được máu mà có thể nghe, mắt nhờ được máu mà có thể trông, tai mắt bên phải không sáng bằng tai mắt bên trái...

Bài Lục vị (thực địa, bạch linh, sơn thù, hoài sơn, đơn bì, trạch tả) tư bổ cho thân bên trái, thuận âm, làm giáng tả hỏa mà răng tóc vì thể vững bền; bài Bát vị (Lục vị gia nhục quế và phụ tử) tăng sức mạnh của tướng hỏa ở hạ nguyên, làm ấm tỳ thổ hình hải nhờ đó mà tươi tốt.

6. Trọng-Cánh Trương tiên sinh thương hàn toàn yếu (Y học nhập môn).

;..... Có dĩ lục kinh ngôn chi : Thái dương tắc đầu thống thân nhiệt tinh cương ; Dương minh tắc mục thống ty can bất miên. Thiếu dương nhĩ lung hiệp thống hàn nhiệt ầu nhĩ khẩu vi chi khô ; Thái âm phúc mãn tự lợi xích thốn trầm như tân bất đào yết. Thiếu âm thiệt can khẩu táo ; Quyết âm phiền mãn nang quyền.....¹.

Vời quan niệm .Bắt học Dịch bắt khă dĩ ngôn y² nên đặc biệt trong thời kỳ này có giảng một bộ sách triết học uyên áo của nho giáo, đó là kinh Dịch³; đem cái lẽ sinh hóa tồn vong cùng sự tiêu trưởng trong thuyết của Dịch vào khoa thuốc.

★ Loại 3.

Thầy lựa chọn một chương trong các sách: Nội kinh⁴, Nạn kinh của Bỉnh Thước⁵, Thương hàn luận cùng Kim quỹ yếu lược của Trương Trọng Cảnh⁶, Đông viên thập thư của Lý Cảo⁷, Đan Khê tâm pháp của Chu chấn Hanh⁸, Cảnh nhạc toàn thư của Trương giới Tân⁹, Y học nhập môn của Lý Diên¹⁰ Bộ Phùng thị của Phùng TriệuTrương¹¹ Trần tu viên y thư của Trần tu Viên¹² Y tông kim giám¹³ v.v..., dùng bút son sô hay khuyên vào những chỗ cốt yếu, tên bài thuốc hoặc ngắt câu ; giải thích các chữ khó hiểu, đôi khi bảo học trò về nhà đọc trước, tới ngày ấn định cùng nhau biện luận hoặc chỉ định người nào xuất sắc nhất phát biểu ý kiến rồi tự mình giảng lại; sách càng cổ ý nghĩa càng sâu xa, buổi học sẽ kéo dài nhưng mọi người đều thích thú, vì môn học này ví như ngàn sao lấp lánh trên bầu trời, càng xa bao nhiêu lại càng hấp dẫn và huyền bí bấy nhiêu,

Ngoài ra còn đàm luận về lẽ biến

của Dịch, chỉ bảo cho học trò đọc thêm các sách: Mạch quyết của Vương thúc

1. Hãy lấy sáu kinh mà nói : Bệnh ở Thái dương kinh thì nhức đầu mình nóng xương sống lưng cứng; Dương minh thì mắt đau mũi khó không ngủ. Bệnh ở Thiếu dương kinh thì điếc sườn đau nóng lạnh ỏi mà miệng đắng; Thái âm bụng đầy đại tiểu tiện lợi mạch xích thốn trầm mà tân dịch chẳng tới yết hầu. Bệnh ở Thiếu âm kinh lưỡi khô miệng ráo; Quyết âm phiền đầy túi chứa ngọc hành co rút.

2. Không học cái lẽ của Dịch thì không thể nói tới thuốc.

3. Tương truyền kinh Dịch khởi thủy do vua Phục Hy (4477-4363 trước TL) lập ra, khi trông thấy con long mã nổi lên trên sông Hoàng Hà, chỉ có hà đồ cùng tiên thiên bát quái. Sau vua Hạ vũ (2205-2197 trước TL) xếp đặt cửu-trừ gọi là lạc-thư; hơn 1000 năm sau Chu Văn Vương diễn lại đặt ra hậu-thiên bát-quái, viết thoán-từ; con Văn Vương là Chu Công Đán viết tượng-từ hay hào-từ. Đức Khổng Tử (551-479 trước TL) viết thoán-truyền, tự-quái tượng-truyền; đặt ra hệ-từ, văn-ngôn, thuyết quái, tự-quái; tạp-quái; xếp lại tạo ra 2 thiên kinh và 10 thiên truyện. Đó là bộ sách trọng yếu của nho giáo, bao gồm cả hai phương diện vũ trụ-quan và nhân-sinh quan.

4. Theo truyền thuyết vua Hoàng-Đế tức Hiên Viên (2697-2637 trước TL) cùng các bầy tôi như Kỳ Bá soạn ra bộ sách này.

5. Sống vào đời Chu (1134-256 trước TL) tên là Tân Việt, thụy Thần-ứng hầu, nổi tiếng chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo.

6. Tên là Trương Cơ, tự Trọng Cảnh sống vào đời Đông Hán (25-219), người đất Nam Dương, làm quan Thái Thú ở Trường Sa.

7. Tự Minh Chi, hiệu Đông Viên, sống vào đời Nam Tống (1127-1279).

8. Tự Ngạn Tu, người đất Nghĩa Ô, thường gọi là Đan Khê tiên sinh, sống vào đời Nguyên (1279-1368), Tác phẩm còn có Bản thảo diên nghĩa, Bô-di ngoại khoa, Cách-trị dư luận, Cục phương phát huy, Nhật dụng toán yếu, Thương hàn biện nghị, Tinh yếu luận.

9. Tự Huệ Khanh, hiệu Cảnh Nhạc, quê ở Sơn Âm tỉnh Chiết Giang, sống vào đời Minh (1368-1628).

10. Người quận Nam Phong, thường gọi là Lý Nam Phong, sống vào đời Minh Thần Tông (1573-1619).

11. Tự Sở Chiêm, người huyện Hải Diêm, giỏi về nhi khoa, sống vào cuối đời Minh đầu đời Thanh (1628.1660).

12. Tên thật là Trần niêm Tô, sống vào đời Thanh đang hưng thịnh (1644-1820).

13. Do vua Càn Long tức Thanh Cao Tông (1736-1795) sai các Thái Y hợp lại soạn ra, gồm 74 quyển, bản thảo đầu tiên do Ngô Khiêm biên soạn.

Hòa 1, Bản thảo cương mục của Lý thời
Trần 2, Bản thảo cầu chân của Hoàng
cung Tú 3, Y tông tâm lĩnh của Lãn
Ông v.v... để tăng thêm phần hiểu
biết.

Sau giờ học cùng những lúc nhàn
rỗi thầy thường kể lại kinh nghiệm trị
bệnh mà mình đã từng trải, những mẩu
chuyện vui buồn gặp phải trong lúc
hành nghề, khuyên răn học trò: hãy
qui mẩn đồng nghiệp, bỏ sự tị hiềm
lẫn nhau, gìn giữ y đạo, trau dồi y
thuật, bảo tồn âm đức, học thuốc là để
thi hành nhân thuật, lấy lương tâm mà
phục vụ nghề nghiệp, tính mệnh người
bệnh hoàn toàn nằm trong tay mình nên
chăm sóc họ hết sức cẩn thận, không
nên ham lợi mà trọng người giàu
khinh kẻ nghèo, nên có cử chỉ ôn hòa
thân ái với bệnh nhân vì lương y không
những là một vị lương tướng mà còn
được coi như từ mẫu 4; chính bởi lẽ
đó tình cảm giữa thầy thuốc và bệnh
nhân và thân nhân của họ xưa kia rất
sâu đậm, nhất là sau khi khỏi bệnh,
ngoài số tiền thù lao, nếu giàu có họ
đi lại biếu tết luôn, hoặc trái lại dù
nghèo khó cũng năng đi lại hỏi thăm
thầy, biểu lộ lòng biết ơn cùng sự kính
mến qua những cử chỉ và lời nói. Mỗi
vị y sư đặt ra một bài thơ khuyên nhủ,
bắt học trò thuộc lòng để làm phương
châm, bài Y gia thập yếu của Văn Lâm
thường được dùng nhiều nhất, học trò
học thuốc ngày xưa đều ghi nhớ:

Nhất tồn nhân tâm, nãi thị lương
châm, bác thi tế chúng, huệ trạch tư
thâm.

Nhị thông nho đạo, nho y thế bảo,
đạo lý quý minh, quần thư đương khảo.

Tam tinh mạch lý, nghi phân biểu
lý, chỉ hạ ký minh, trầm kha khả khởi

Tứ thức bệnh nguyên, sinh tử cảm
ngôn, y gia chỉ thử, thủy chi chuyên
môn.

Ngũ tri khí vận dĩ minh tuế tự, bỏ
tả ôm lương án thời xử trị.

Lục minh kinh lạc nhận bệnh bất
thác, tạng phủ đồng nhiên kim chi Biền
Thước.

Thất thức được tinh, lập phương
ứng bệnh, bất biện ôn lương khủng
thương tính mệnh.

Bát hội bào chế, hỏa hậu tương tể,
thái quá bất cập, an nguy sở hệ.

Cửu mạc lật đổ, nhân nhân hiếu
ố, thiên lý chiếu nhiên tốc đương hối
ngộ.

Thập vật trọng lợi, đương tồn

1. Sống vào đời Tây Tấn (265-317), giữ chức
Thái-Y lệnh. Tác phẩm còn có Mạch kinh và
Thương hàn phương luận.

2. Tự Đông Bích người ở Ký Châu, 30 năm
nghiên cứu soạn ra bộ Bản thảo cương mục gồm
52 quyển, con là Lý kiến Nguyên tiến sách lên
Minh Thần Tông, vua sai ấn hành năm vạn lịch
thứ 24 (1596).

3. Sống vào đời Thanh, sách này ông cùng thân
phụ soạn ra. Tác phẩm còn có Lý giải thể yếu
và Y học cầu chân.

4. Mẹ hiền.

nhân nghĩa, bản phù tụy thù được thị vô nhị. 1

Sự thực tập của học trò thuộc loại 2 nhất là loại 3, được thực hiện mỗi khi có người đến xin thuốc hoặc mời đi chẩn bệnh. Trong trường hợp bệnh nặng cùng ở xa, thân nhân bệnh nhân mang cáng tới, thầy đội khăn mặc áo dài the đen nằm trên cáng, một hai học trò lớn đi bộ đeo tay nải thuốc lưng thắt theo sau.

Lúc chẩn mạch kê toa học trò phải đứng cạnh quan sát, hoặc được chỉ định xem mạch cùng biện luận bệnh, thầy kiểm chứng lại và cho toa, tất cả đều được ghi chép sơ lược vào một quyển vở để khi về nhà làm thành y án. Nếu bệnh cần phải điều trị nhiều ngày, thầy có thể để lại một người học trò xuất sắc thay mình, dặn bảo cách thức trị liệu cho những ngày kế tiếp, thấy có biến chứng nguy hiểm phải báo cho thầy biết ngay để kịp thời đổi thuốc.

Sau khi bệnh khỏi, thầy thuật lại tỉ mỉ trạng chứng cùng mạch đi của bệnh nhân, luận về bệnh, giải thích căn cứ cho tất cả học trò biết cách xử dụng bài thuốc, để cùng lấy đó làm kinh nghiệm.

Thường một vị y sư cả đời chỉ đào

tạo được 2 hoặc 3 người trở thành thầy thuốc thực sự, khả dĩ nối được nghiệp mình. Số còn lại phần lớn tụy biết thuốc nhưng không hành nghề vì học chưa đến nơi đến chốn: một phần nhỏ chuyên về một khoa hoặc chỉ chữa được vài bệnh, tự xưng là thầy thuốc gia truyền, đôi khi gánh hồ bán thuốc hoàn tán mỗi khi có phiên chợ.

1.

1) Cần giữ lòng nhân, đó là phương châm tốt, rộng giúp mọi người, ơn huệ cho thắm nhuần sâu rộng.

2) Thông hiểu đạo nho, đạo nho và đạo thuốc trên đời rất quý, đạo lý quý ở sự sáng suốt, nên học các sách mà tham khảo.

3) Tinh về mạch lý, để phân biểu lý, dưới ngón tay đã rõ rệt, bệnh nặng cũng có thể khỏi.

4) Phải biết nguyên nhân của bệnh, dám nói sự sống chết, thầy thuốc tới đó mới gọi là chuyên môn.

5) Phải hiểu vận khí để rõ thứ tự của năm, xét tùy theo mùa làm thuốc bổ hoặc tả, ôn hoặc lương.

6) Biết rõ kinh lạc để nhận bệnh không lầm, tạng phủ tự nhiên cảm biết mới là Biện Thuốc thời nay.

7) Tinh được lý, lập phương thuốc phải ứng với bệnh, chẳng phân biện được thuốc ôn hoặc lương e sợ làm thương hại đến tính mệnh bệnh nhân.

8) Lãnh hội sự bao chế, biết rõ chừng mực của sự nấu nướng, thái quá hoặc chưa đủ, sự an nguy của bệnh nhân cũng liên quan tới đó,

9) Chớ đồ kỵ, nhân vì người ta ưa hay ghét, lẽ trời soi rõ, nên kịp hối ngộ.

10) Đừng trọng về lợi, nên giữ điều nhân nghĩa, giàu nghèo tuy khác nhưng thuốc không chia làm hai.

SUMMARY

Oriental medical teaching in the past
by Đỗ-đình-Tuân

The author calls up the medical training program and method of past centuries in Viet-Nam.

Although Sino-Vietnamese medicine suffered from a large number of charlatans who had no knowledge of basic sciences or even of Chinese characters, nevertheless its high ethical code and its efficiency were (and remain) indubitable and most of the physicians in earlier periods were very well trained.

A few typical extracts of the most famous Oriental medical classics are presented, parallelly with the biographies of some eminent figures of doctors and pharmacists of former times of Viet-Nam.

(Phương Đông, November 1972, 17)

TỦ SÁCH HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG

161, Yên-Đồ — SAIGON

Đã phát hành :

LE MOI QUI ME DÉPASSE SELON LE VEDÂNTA..., của Hoàng sơn Hoàng sỹ Quý, tiến sỹ Triết Ẩn, H.G.V.Đ. xuất bản

TRIẾT SỬ ẨN ĐỘ tập I, của Hoàng sỹ Quý, H.G.V.Đ. xuất bản

XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG, của Bác sỹ Hoàng văn Đức, H.G.V.Đ. xuất bản.

VẤN ĐỀ ĐỐI THOẠI TÔN GIÁO, của Hoàng sỹ Quý, Ra Khor xuất bản.

SAIGON ẨN QUÁN

CÔNG TY NẶC DANH VỐN : 20.000 000 000

35, Nguyễn-Đình-Chiều — SAIGON

Đ. T. : 22.208 — 22.498

**TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN MẠNH
NHỜ SỰ TÍN NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG TỪ 25 NĂM NAY**

Ung-thư và Đông-Y

□ TRẦN-VĂN-TÍCH

TRONG các thư liệu kinh điển của Đông Y, nhất là trong các thư liệu trước-tác từ đời nhà Thanh (1644-1911) về trước, khái niệm về ung thư có phần mơ hồ. Ung thư thường được mô tả bằng những danh từ hầu hết có tính cách phiếm xưng và khác hẳn với các tên gọi hiện đại: phục lương, tỳ khí khoan tiết, ế cách phiên vị tương đương với chứng trạng ung thư dạ dày; tạng độc, khí bành mô tả ung thư tử cung, ung thư gan; hà, trùng, tích, huyền, anh lỵ ... nhằm chỉ các loại u bướu ngoài da v.v... Tiền nhân phương Đông cũng đề xướng rất nhiều phương thang trong điều trị ung thư, mà y lý cổ truyền không liệt kê hẳn vào tứ chứng nan y¹.

Ngay trong Nội kinh đã thấy nêu ra một khuôn vàng thước ngọc cho hậu thế về vấn đề trị liệu ung thư: câu trả lời của Kỳ-Bá, đáp câu hỏi của Hoàng-đế, có lẽ là phương-châm cổ xưa nhất liên-hệ đến ung-thư không những đối với Trung-Y, mà đối với cả kho-tàng thư-liệu y-khoa thế-giới: «Không nên dùng châm-cứu để trị u bướu»².

Người y-sĩ đầu tiên dùng phương-pháp giải phẫu chữa trị các loại bướu đường như là Du Phụ (2698-2592 trước TCGS). ít nhất là theo truyền thuyết.

Đời Hán, Thương Công trình bày một y án chi tiết về ung thư bao tử, đây chắc chắn là y án đầu tiên về

loại này trong y sử.

Trương trọng Cảnh, trong bộ Kim Quỹ, đã đề cập đến chẩn đoán và trị liệu ung thư sinh dục nữ giới (142-220 sau TCGS).

Thực ra thì chữ nham mà Trung Y hiện đại dùng để chỉ ung thư có lẽ xuất xứ từ Triều Tiên: lần đầu tiên chữ nham xuất hiện là vào năm 1435, trong cuốn Hương Dược Tập Thành Phương của Cao ly.

Và lại, các bộ sách Đông Y bảo giám của Hứa Tuấn (1597-1611 sau TC), Y Phương tân giám, Phương Dược hợp biên đều có liệt kê nhiều thang phương trị ung, và những thang phương Đại Hàn này cũng có ít nhiều dị biệt so với các phương tể đồng loại của Trung Quốc.

Đa số các trường hợp ung thư được tổ tiên chúng ta mô tả là những u bướu hoặc lở loét ở bì phu. Đối với tạng phủ, ung thư nhũ hoa, ung thư tử cung, ung thư phổi và ung thư vị trường cũng thường được đề cập đến.

Chứng phế ung chẳng hạn đã được trình bày khá chi tiết trong thiên Phế ung của bộ Kim quỹ yếu lược. Các bậc tiền y Đông phương cho rằng phế ung là do cảm phải gió, nóng bên ngoài (ngoại cảm phong nhiệt), hoặc uống rượu

1. Bài này cũng được viết trong cùng một tinh thần tổng quát, đề cập đến mọi loại u, bướu, lở, loét, chứ không hạn hẹp lấy đối tượng là ung thư chính hiệu, tức là ung thư hiện theo Tây Y.

2. Nguyên văn của Nội Kinh dùng hai chữ tức tích để chỉ u bướu.

hiều quá, huyết ú nhiệt tắc, rồi thành nhọt, thành ung.

Vì phạm vi bài khảo luận không cho phép, chúng tôi chỉ xin trình bày — đề làm mẫu — về một loại ung thư, ung thư ruột, mà Trung Y gọi là trường ung, đã được khảo sát tường tận trong kho tàng sách thuốc cổ truyền. Bài viết quá nặng về chuyên môn, và do đó, rất khô khan. Nhưng người viết rất tiếc không thể tinh lược hơn nữa, vì nếu không đề cập đến sinh lý bệnh lý ung thư chẳng hạn thì không thể trình bày các phương pháp trị liệu. Và lại, giới Tây y sĩ chắc cũng muốn biết quan niệm của Đông Y về bệnh nguyên học nam khoa.

CÁI SÀNG NÀY CÁI UNG

Trường ung là chứng bệnh mọc ung ở ruột, bất cứ ruột non hoặc ruột già. Kim quỹ yếu lược đã ghi chép rất sớm về trường ung. Theo Đông Y, ung thư ở ruột tuy rằng tương đối nặng, nhưng vẫn chữa được, và nhìn chung, ung thư ruột già nhẹ hơn ung thư ruột non, cho nên đau ở đại trường dễ chữa hơn đau ở tiểu trường. Ngoài ra, vì trên chứng trạng biểu hiện những đặc điểm không giống nhau, nên lại có những tên gọi như súc cước trường ung (ung ruột co chân), bồn trường ung (ung ruột chảy máu). Tuy nhiên, danh xưng dầu có khác nhau, nhưng trị tắc vẫn là một.

Về nguyên nhân gây ra ung thư ruột, y lý Đông phương mô tả ba loại nguyên nhân chính.

Trước hết, vì ruột thuộc chức năng tiêu hóa, nên nguyên nhân thứ nhất là ăn uống bữa bãi, không dè dặt.

Phòng thị cầm nang ghi nhận: «Trường ung là do những thức cao lương tích nhiệt gây ra» Trần thực Công cũng nhận định: «Đói no thất thường, nhọc mệt thương tổn, đội vác nặng làm cho tổn thương trường vị... hoặc ăn thức ăn sống lạnh, trở ngại đến khí huyết, thấp đọng sinh đàm, phần nhiều làm cho trường vị đầy tắc, vận hóa không thông, khí huyết ngưng trệ mà sinh ra». Nói cách khác, tiền nhân quan niệm rằng vì ăn uống bữa bãi không có điều độ nên ruột bị đầy tắc, không vận hóa được, khiến khí huyết ngưng trệ, uất kết thành nhiệt, chứa đọng lại không tan nổi, đưa đến huyết nhục mục nát rồi hóa thành mù.

Nguyên nhân thứ hai là lao lực tổn thương quá độ, thất tình uất kết, vui buồn tức giận quá mức bình thường, hoặc vấp ngã chấn thương, nên hậu quả là kinh lạc khí huyết bị ngưng trệ. Chẳng hạn bộ Ngoại khoa chính tông chép: «Chạy nhảy vội vàng, làm cho trường vị truyền tống không được khoan khoái, bại huyết trọc khí ủng tắc lại mà gây nên (ung thư)». Chúng ta cùng có thể đan cử lập trường của bộ Ngoại khoa y kinh:

«Trèo cao nhảy xuống, nhảy bị đụng chạm hoặc bị đánh, bị ngã, làm cho khí huyết ngưng đọng trong ruột nên sinh ra trường ung». Tóm lại, nguyên nhân này chú trọng đến sự kiện lao lực tổn thương, vì vấp ngã, hoặc tình chí uất kết, khiến khí trệ huyết ngưng, uất đọng lâu ngày, gây nên chứng ung.

Nguyên nhân thứ ba là một nguyên nhân độc đáo, liên hệ đến các chứng trạng hậu sản. Trần thực Công chẳng hạn, quan niệm rằng: «Đàn bà sau khi đẻ, người yếu hay nằm, ngồi

dậy không được hoặc khi dễ khó khăn, dùng sức quá nhiều, sau khi dễ rồi không trục huyết ứ, làm cho bại huyết chứa đọng ở trường vị, kết trệ lại mà gây ung». Giới Đông y sĩ cho rằng phụ nữ sau khi lâm bồn, ở âm đạo thường chảy ra một chất nhớt, trong chất nhớt này có cả huyết dịch (Đông Y gọi là ác lộ hay chất phân bí). Ác lộ chẳng qua chỉ là hậu quả của tình trạng sau khi sanh nở huyết xấu không tiêu, vừa bị tổng xuất ra ngoài qua âm đạo, vừa kết chứa lại ở trường vị rồi sinh chứng trường ung.

Như vậy, nhìn chung, trong bệnh lý-học trường ung, tiền nhân phương Đông chủ xướng rằng nguyên nhân chứng này không ngoài thấp nhiệt (âm nóng) và ứ huyết, mà điển hình là danh ngôn của Trần thực Công « Chứng trường ung là đều do thấp nhiệt ứ huyết chảy vào trong tiểu trường mà sinh ra ».

Trên lâm sàng, trường ung do thấp nhiệt thường phát triển nhanh chóng, tiến trình của bệnh dồn dập, các triệu chứng xuất hiện đầy đủ trong một thời gian ngắn ngủi. Trái lại, nếu ung ruột do hàn tà và ứ huyết đưa tới mà chuyển hóa thành thấp nhiệt thì tiến trình của bệnh kéo lê, bệnh cảnh lâm sàng tuần tự, mỗi ngày mỗi thêm phong phú, và các triệu chứng lần lượt xuất hiện trong một thời lượng tương đối dài lâu.

Về triệu-chứng-học, Đông Y mô tả ba giai đoạn trong chu kỳ biến hóa của trường ung: giai đoạn ung chưa nung mủ, giai đoạn ung đã nung mủ và giai đoạn vỡ mủ.

Đối với hai giai đoạn trước, Kim quỹ yếu lược nói rất rõ ràng: « Trường ung sinh bệnh, mình nổi vảy, da bụng căng, ấn vào mềm, như thề trạng chứng thũng, bụng không tích tụ, người không sốt, mạch sắc, đó là trong bụng có ung mủ ». Và còn bổ túc thêm: « Chứng trường ung thời bụng dưới sưng đầy, ấn vào đau như chứng lâm¹, tiểu tiện điều hòa, thường thường phát nóng, tự ra mồ hôi, lại sợ rét. Nếu mạch trĩ hoặc khản là ung chưa nung mủ, nên hạ², sẽ có ra huyết; nếu mạch hồng sắc là đã nung mủ, không nên hạ ».

Sau khi đã nung mủ và vỡ mủ, nhiều triệu chứng rầm rộ, trầm trọng có thể xuất hiện, như rốn chảy mủ, quanh rốn mọc mụn, đại tiện ra máu mủ, rốn lõm bụng trương, trở mình nghe có nước v.v...

Về chẩn đoán giám biệt, y lý Đông phương chủ yếu nhấn mạnh đến sự phân định giữa ung thư ruột non và ung thư ruột già, vì tương lai người bệnh hoàn toàn khác biệt tùy theo loại bướu: tương đối lạc quan trong ung thư ruột già, bị đe dọa nặng nề trong ung thư ruột non. Có hai điểm cơ bản để chẩn đoán phân biệt giữa đại trường ung và tiểu trường ung: nếu là ung thư ruột già thì xung quanh huyết Thiên khu bị sưng đau, chân phải của người bệnh không co duỗi được; trong khi ung thư ruột non sẽ khiến sưng đau xung quanh huyết Quan nguyên và khiến chân trái người bệnh không co duỗi nổi.

1. Lâm là tiểu tiện nhỏ giọt đau buốt.

2. Hạ là dùng thuốc mạnh để tống tà độc ra ngoài, theo đường đại tiểu tiện.

TRỊ LIỆU VÀ PHƯƠNG THANG.

Ung thư ruột già và ung thư ruột non, nhìn chung đều do hỏa độc và phong nhiệt, cho nên phương pháp trị liệu tương đối gần giống nhau. Nhưng như đã nói ở trên, phần nhiều ung thư ruột non nặng hơn ung thư ruột già, do sự kiện vị thể ruột non nằm trên ruột già, cho nên ruột già dễ tả mà ruột non khó tả. Về đại cương, nguyên tắc chữa không ngoài cách thanh nhiệt tiêu thấp (làm nhẹ nóng làm hết ảm), trừ ứ trệ, thông đại tiêu tiện.

Nếu ung mới phát chưa thành mủ, thang phương phổ thông là Đại hoàng mẩu đan bì thang (Đại hoàng, Mẩu đan bì, Đào nhân, Quạ tử, Mang tiêu) dùng để hạ; hoặc Hoạt huyết tống ứ thang (Xuyên khung Quy vĩ, Xích thực, Tô mộc, Đan bì, Chỉ xác, Lâu nhân, Đào nhân, Tân lang, Đại hoàng) có công năng điều hòa và thông lợi, giúp đại tiêu tiện dễ dàng.

Nếu thể bệnh có vẻ hòa hoãn, thầy thuốc xét không cần công hạ, thì Đông Y khuyên dùng Thanh trường ẩm (Kim ngân hoa, Đương qui, Địa du, Mạch môn, Huyền sâm, Cam thảo, Dĩ nhân, Hoàng cầm). Ngoài ra, bài Trường ung đơn phương của Trương Cảnh Nhạc cũng rất đặc dụng: trước tiên, dùng một lượng Hồng đẳng, lấy hai bát rượu ngon, nấu còn một bát, uống một lần vào buổi sáng, say nằm ngủ. Buổi chiều dùng một lượng Tử hoa địa đinh, cũng nấu uống như lần trước, sau khi uống, thấy chứng đau nhẹ bớt dần là hữu hiệu.

Nếu bệnh nhân đến trễ, bệnh đã

không được ngăn ngừa hoặc chữa kịp thời, đến nỗi ung thành mủ, thì về phương diện phục dược, người xưa chủ trương phải kiêng công hạ mà lại nên lấy hoạt huyết phá ứ tiêu thũng làm chủ yếu, tức là cố gắng giúp máu huyết lưu thông, tấn công các khối huyết xấu đang tích kết và tiêu hủy phù thũng.

Trong trường hợp thành mủ lâu ngày không vỡ, y sĩ có thể dùng Ý dĩ phụ tử bại tương tống để lấy sức nóng của thuốc giúp huyết lưu thông (Phụ tử, Ý dĩ, Bại tương thảo). Nhưng nếu chần mạch, thấy mạch chạy hồng sắc, thể bệnh có vẻ cấp hơn, thì nên lương huyết phá ứ (làm mát máu, phá huyết đọng) bằng phương Ý dĩ nhân thang (Ý dĩ nhân, Thục dược, Ma hoàng, Quế chi, Đương qui, Thương truật, Cam thảo, Sinh khương).

Khi gặp thể bệnh kéo dài, đã phát triển đến thời kỳ vỡ nú sẽ xuất hiện những hiện tượng hư. Nếu nhấn thấy bụng mềm, đau, mủ chảy thường xuyên, lương y sẽ dùng Mẩu đan bì tống (Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đan bì, Bạch thực, Phục linh, Ý dĩ nhân, Đào nhân, Bạch chỉ, Đương qui, Xuyên khung, Cam thảo, Quan quế, Mộc hương). Nếu mủ ứ từ rốn ra, bụng trướng, ăn uống kém, sắc mặt trắng nhợt, tinh thần mỏi mệt, chứng tỏ khí huyết đều hư, thì phải cố gắng thu góp chút sức lực đang suy tàn, đồng thời bồi bổ nguyên khí chẳng hạn bằng bài Bát trân thang gia Hoàng kỳ, Nhục quế, Đan bì, Ngũ vị tử (Đương qui, Thục dược, Xuyên khung, Đại hoàng, Nhân sâm, Cam thảo, Bạch truật, Phục linh).

Tóm lại, về cách chữa trị trường ung, Đông y chủ trương nên phân biệt ung có mủ hay không có mủ, đã vỡ mủ hay chưa vỡ mủ, có thể dùng trừ ú công hạ. Nếu đã nung mủ rồi thì phải kiêng hạ, nên xử dụng những phương pháp hoạt huyết phá ú tiêu thũng. Nếu mủ đã vỡ, thường phần nhiều xuất hiện hình trạng hư, cần phải bổ hư, giải độc, thúc mủ.

DƯỢC THẢO KHÁNG UNG

Con người đã ghi nhận được khả năng của cây cỏ ngăn cản sự phát triển các tế bào từ rất lâu đời. Ngay những ngày xa xưa, khi mà tiền nhân chưa hề có một ý niệm nào về tế-bào-học, người ta đã nghiệm thấy rằng dùng một vài thứ cây cỏ đập rít vào các u, các bướu có thể khiến những u, những bướu ấy ngưng phát triển và teo quắt dần dần.

Hartwell trong một công trình biên khảo¹ công phu, đã thâm cứu hằng ngàn tài liệu để liệt kê các giống loài thực vật được y giới xử dụng qua thời gian và không gian trong trị liệu ung thư. Với tài liệu này, chúng ta thấy đơn-cứ từ Dioscoride, Thần Nông, Đào hoàng Cảnh, Rhazes cho đến những tác giả hiện đại. Chúng ta cũng thấy đề cập đến các nền y học dân gian của Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Ấn độ bên cạnh những kinh nghiệm quần chúng Nam Mỹ, Bắc Phi v.v... và dĩ nhiên cả Việt Nam nữa.

Riêng ở phương Đông, các tài liệu y khoa tối cổ đã đề cập đến những dược thảo và phương thang được mô tả như là có công năng kháng ung.

Thần Nông bản thảo chẳng hạn đã kể đến Xạ can *Belamcanda sinensis*

(L.) DC trong điều trị các bướu thanh quản và thực quản; Hạ khô thảo *Brunella vulgaris* L. trong trị liệu các ung loét; các vị Đông qua tử và Đông qua bì *Benincasa hispida* (Thunb.) và Phòng kỷ *Cocculus* sp. trong chiến đấu chống các loại bướu, u nói chung.

Đào hoàng Cảnh (452-536 sau TCGS) khuyến dùng vị Glóí bạch *Allumbakeri* Regel dưới hình thức thuốc xoa bóp để làm teo quắt các bướu lồi.

Công năng của Duyên vĩ *Iristectorum* Max. của Tục đoạn *Dispacus japonicus* Miq. (trong điều trị ung thư vú), của Mộc phù dung *Hibiscus mutabilis* L. cũng được tán dương trong Bản thảo cương mục của Lý thời Trân (1518-1593 sau TCGS).

S. Kim² trên tờ Tỏi tân Y học, sau khi tổng kết các thư liệu cổ truyền của Đông Y, đã sắp xếp như sau, theo thứ tự thông dụng, các dược liệu thường được dùng trong điều trị ung thư: Hải táo, Côn bố, Trần bì, Bán hạ, Đương qui, Thanh bì, Nhân sâm, Mộc hương, Xuyên khung, Hoàng liên, Hải cáp, Phụ tử, Nhũ hương, Hoàng cầm, Thược dược, Phàn thạch, Bạch liêm, Phục linh, Bối mẫu, Sinh địa, Đại hoàng, Bạch chi, Hương phụ, Thái bạch, Can khương, Quế tâm, Thần khúc, Hải phấn, Chi thực, Cam thảo, Thông thảo, Long đởm, Đan sâm, Hồ phách, Ngô phù du, Hoàng bá,

1. Công trình biên khảo này đăng trên tờ tạp chí y khoa *Lloydia* các số 30, tr. 397-346; 31, tr. 71-170; 32, tr. 79-107; tr. 153-205, tr. 247-296; 33, tr. 97-194; 34, tr. 204-255 và vẫn còn tiếp tục được đăng tải dưới tiêu đề: "Plants used against cancer. A survey". (1969-1972).

2. Kim S.— Đông Dương tam quốc y thư. Dương thống kháng thủy dương tể khảo sát. Tỏi tân Y học, tập 10, số 11, tháng 11-1967, tr. 56-87.

Nam tinh, Sa nhân, Ngõ công, Toàn yết, Hải phiêu tiêu, Sơn từ cô, Quát lâu, Tê hoàng, Xạ hương.

Tuy nhiên Đông Y vốn quan niệm các loại bứu nói chung, ung thư nói riêng như những trường hợp bệnh kéo dài, phần lớn thuộc hư, nên nguyên khí không nhiều thì ít cũng bị hao mòn, và do đó, nguyên tắc căn bản vẫn là phải bồi. Vì vậy, chúng ta thấy rằng những dược liệu đã được S. Kim liệt kê thực ra không phải tất cả đều là những khí giới kháng ung của y lý cổ truyền, mà một số lớn là những dược liệu giúp phục hồi chính khí, nâng đỡ tổng trạng, tăng sức đề kháng.

Cho nên Hải tảo chẳng hạn — Hải tảo là một loài rong biển, *Sargassum fusiforme* (Harv.) Setch. — được tiền nhân phương Đông quy kinh vào ba kinh vị, can và thận, có vị đắng, mặn, tính hàn, thường được sử dụng trong điều trị các loại bứu cổ, tràng nhạc, thủy thũng, do ở công năng tiêu đàm, làm mềm chất rắn, lợi thủy hạ khí. Và điều này thì Tây Y cũng hoàn toàn đồng ý, vì khoa học đã phát giác trong Hải tảo sự hiện diện của iôt, của anbumin, của chất sắt v.v tức là những chất rất hữu hiệu trong đối phó các loại bứu cổ, đặc biệt là iôt. Nhân sâm, Phục linh, Hoàng kỳ... cũng là những loài thuốc bổ kinh điển của Đông phương.

Ở các quốc gia Đông Nam Á khác như Nhật Bản, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, cây cỏ cũng thường được sử dụng trong điều trị các loại ung thư u bứu. Rất nhiều loài cây, thuộc đủ các họ thực vật, đã được khảo sát, dựa vào những dữ kiện do

dân gian hoặc kinh nghiệm kế thừa cung cấp.

Tại Việt Nam, các tài liệu y khoa Pháp và ngoại quốc ghi nhận rằng nhân dân ta vẫn dùng một số cây cỏ thổ sản của quê mẹ để điều trị các loại bứu, u, ung, loét. Chúng ta có thể kể cây Vông nem *Erythrina Indica* Lam¹ hoặc cây Vông đồng *Erythrina fusca* Lour² cùng các cây tương cận; Hoàng bá *Pterocarpus flavus* Lour³; cây Sóp⁴ *Ficus pumila* L⁵; cây Cỏ trói gà⁶ *Drosera Indica* L. Riêng cây sau này thì được Pételot tường trình là đồng bào chúng ta ở vùng Thanh Nghệ rất hay dùng để đắp trên các mụn cóc, mụn chai⁷.

Loureiro⁸, cách đây gần 200 năm,

1. Crévoit C. et Pételot A. — Catalogue des produits de l'Indochine. Plantes médicinales. Bulletin économique de l'Indochine. N° 32, p. 1-35; p. 119-170; p. 277-367; p. 491-585; 1929.
2. Perrot E. et Hurrier P. — Matière médicale et Pharmacopée sino-annamites. Travail du Laboratoire de Matière Médicale de l'École Supérieure de Pharmacie de Paris. Vol 5 (2^e partie) p. 1-292, 1907.
3. Chuyên Vũ-văn. — Contribution à l'étude micrographique de quelques poudres officinales de la Pharmacopée sino-vietnamienne. Eight Pacific Science Congress. 4A. Botany. Symposium on Medicinal Plants. P. 56-94, 1954.
4. Cây Sóp tức là Trâu cò của Trung Y, cũng có khi gọi là Bì lệ, là Mộc liên.
5. Foucaud A. — Contribution à l'étude des plantes médicinales du Nord Viet-Nam. Travail du Laboratoire de Matière Médicale et de Pharmacie Galénique de l'École de Pharmacie de Paris. Vol 38, 1^{ère} Partie, p. 1-206, 1954.
6. Cây cỏ trói gà được Trung Y gọi là Trường diệp Mao cao thất.
7. Pételot A. — Les plantes médicinales du Cambodge, du Laos et du Viet-Nam. Archives des Recherches Agronomiques et Pastorales au Viet-Nam. Imprimerie d'Extrême-Orient. Saigon. No 18, Vol 2, p. 81-89, 1953.
8. de Loureiro J. — Flora Cochinchinensis. Lisbon. 745 tr. 1790.
(Tài liệu do (US) National Library of Medicine cung cấp).

trong một công trình biên khảo có thể xem như là bước đầu căn bản của môn thực vật học y khoa ở Việt Nam, cũng đan cử sự xử dụng các cây Ké hoa vàng *Sida acuta* Burm, vị Bạch đàn hương *Dysoxylum loureiri* Pierre, cây Gấc *Momordica cochinchinensis* (Lour) Spr.

Thực ra thì quần chúng Việt Nam, qua kinh nghiệm đấu tranh chống lại bệnh tật, qua thực tiễn lâm sàng hằng ngày, qua lịch duyệt trong lao tác nông vụ, đã thu góp đề áp dụng một số vị thuốc cây thuốc, được đồng bào ta tin tưởng là có khả năng tiêu độc, thông khí, hành huyết, khiến khí huyết lưu thông dễ dàng, tà độc bị đẩy lui, hủy diệt, do đó, đưa đến kết quả là chữa trị được các loại bứu. Những vị thuốc dùng trong mục đích ấy: chữa u, trị bứu, trừ sang độc, tiêu ung nhọt của đồng bào ta rất nhiều và rất dị biệt.

Đối với những vị thuốc thuộc loài động vật, chúng ta có thể kể con Bọ hung (Khương lương), con Nhện (Bích tiền), Ong bầu đen, Sáp ong (Hoàng lạp), Tồ ong (Lộ phòng phong), Xác rắn (Xà thoái) v.v..

Những loại cây cỏ thông dụng là Bùng bực (đồng bào miền Nam gọi là Lá cám), Chùm bao (Đại phong tử), Gấc (Mộc miết), Kiến cò (miền Nam gọi là Bạch hạc), Lim, Máu chó, Mo nang tre, Nghê rần, Ráy đại, Thầu dầu (Tỳ ma), Xương rồng v.v..

Hàn the (Băng sa), Hồng đơn, Hùng hoàng, Vôi đá (Thạch khô) v.v.. là một vài đại biểu của đội ngũ được liệu khoáng vật.

Những dược phẩm vừa kể được nhân dân ta dùng trong ngoại

khoa — ngoại khoa hiểu theo nghĩa là khoa chữa các chứng bệnh bên ngoài — và chủ trị những trường hợp ung loét, lở nhọt, sang độc, ác sang, tràng nhạc, hủi phong, sưng vú, sài đen, hắc lao¹ ngoan cổ v.v.. Những chứng trạng này có thể bao gồm các trường hợp ung thư da, ung thư vú, mà người bình dân dĩ nhiên không thể nào chẩn đoán xác định được, nhưng những ca thuộc loại ác tính, nếu có, chắc chỉ là thiểu số, so cùng những trường hợp lở loét thông thường.

Lối dùng thuốc phổ thông ở đây là đắp rịt hay bôi xoa, sau khi đã giã nát, đâm dập hoặc sao tồn tính² rồi tán bột và pha trộn với một vài tá dược như băng phiến, dấm thanh, dầu mè v.v.. Rất ít khi dùng sắc uống, có lẽ vì đồng bào ta cũng hiểu rõ rằng phần lớn những vị thuốc xử dụng đều có độc chất, không nhiều thì ít.

NHẠM KHOA TRONG ĐÔNG-Y HIỆN ĐẠI

Lãnh tụ Trung Cộng Mao Trạch Đông vẫn thường hô hào rằng ung thư chỉ là cọp giấy³. Và để đối phó với con cọp ung thư tuy chỉ là cọp giấy nhưng vẫn gây kinh hoàng cho bệnh nhân và thất vọng cho thầy thuốc, y giới Trung Hoa lục địa, trong đường

1. Đồng bào miền Nam gọi là «lác».

2. Sao tồn tính — cũng còn gọi Hắc sao — là một lối bào chế thuốc của Đông Y: dùng lửa già, chảo thật nóng, cho dược liệu vào đảo đều đến khi bên ngoài cháy đen, nhưng bên trong còn màu vàng cũ là được. Phương pháp này có mục đích thêm tác dụng tiêu thực hoặc làm thay đổi tính chất của thuốc, và được áp dụng chẳng hạn đối với các vị Hương phụ, Địa du, Bắc kinh giới...

3. Urban G. — The miracles of Chairman Mao. Tom Stacey Ltd. London 1971.

hướng Trung Tây Y đoàn kết, đã trình bày, qua các tạp chí y khoa, một số trường hợp ung thư được mô tả là đã chữa khỏi bằng y lý cổ truyền, sau khi đã dùng y học tân tiến để chẩn đoán xác định.

Trong điều trị ung thư tử cung, C.C Lu¹ đã xử dụng Hoàng kỳ, Cam thảo, Phá cố chỉ, Mạch môn đông, Hoắc hương, Nhục quế và đã chữa lành cả ba bệnh nhân được điều trị.

Trong điều trị ung thư huyết, P.W. Ch'in² cùng các cộng sự viên đã cho uống Hoàng kỳ, Lô hội, Mạch môn đông, Hậu phác, Đinh lịch.

Cùng chiều hướng điều trị u, bướu với y lý cổ truyền Nikonov³ đơn cử Thanh đại, Mật môn hoa, Tam lăng trong khi Wallnöfer⁴ rất lưu tâm đến Tang căn.

Trong Bản thảo dụng pháp nghiên cứu, Cao lương Châu⁵ đề cao các vị Sơn từ cồ, Tảo hư, Đông quí và nhất là Bối mẫu, Hồ đào, Hoàng cầm, Ở được dùng đối phó với ung thư nhũ hoa và bướu giáp trạng, cùng lập trường với K.M. Yang⁶ và một số tác giả Nga xô⁷ và Đức quốc⁸.

Một số thang phương kinh điển được nghiên cứu kiểm tra lại và ủy thác cho ngành Tân dược trình bày dưới hình thức được dụng hiện đại, thông thường là bào chế thành thuốc viên. Phổ thông nhất có lẽ là Thần Nông hoàn, Tướng Quân hoàn, Tề Hoàng hoàn, Kim Ngân Hoa và Thủ Cung Phần. Tướng Quân hoàn và Thần Nông hoàn chúng tôi thấy có bán trên chợ trời Thủ đô, do một xưởng được ở Vũ Hán sản xuất.

Ngoại trừ Thần Nông hoàn không

thấy ghi thành phần dược liệu, các sản phẩm đặc chế khác đều có minh định công thức bào chế. Tướng Quân hoàn chẳng hạn — còn gọi là Đại Hoàng hoàn — gồm có Đại hoàng, Mang tiêu, Hắc đậu bì, Chi xác, Ngưu bàng tử, Đương qui, Xuyên khung và Cam thảo. Tề Hoàng hoàn sẽ được đề cập đến sau.

Kim ngân hoa — *Flos loniceræ* — là hoa của cây Kim ngân *lonicera japonica* (Thunb.) var. *sinensis* Baker cũng còn có tên là Nhãn đông, mọc hoang hay được trồng ở nhiều địa phương trong nước ta, nhiều nhất có lẽ là ở Cao bằng. Vị thuốc này rất đặc dụng trong điều trị mọi loại bệnh ngoài da như nhọt độc, ghẻ lở,

1. Lu C.C. — Studies on the treatment of uterine cancer. Chinese Medical Journal (Peking). Vol 6, p. 396-397, 1960.

2. Ch'in P.W., Li Y.L., Chao C.C., and K'ang Y.P. — Preliminary studies with traditional Chinese medicine in the treatment of leukemia. Zhong Neike Z. Vol 8, n° 5, p. 419-422, 1960.

3. Nikonov G.K., Lou T., Ch'u C., Ma L., Tung L., Ming C., Huo T., and Lo Y. — Materials in the study of drugs from Chinese folk medicine used for the treatment of hypertension, nephritis, diabetes and cancer. Aptekhnos Delo (Moskva). Vol 10, N° 2, p. 71-83, 1961.

4. Wallnöfer H. — Der goldene Schatz der chinesischen Medizin. Schuler Verlag. Stuttgart. 74 tr. 1959.

5. Châu Cao-lương. — Bản thảo dụng pháp nghiên cứu. Trung Quốc thư quán. Thượng Hải 961 tr. 1951.

6. Yang K.M. — Preliminary observations on the treatment of five tumors with Chinese traditional medicine. Chinese Medical Journal (Peking). Vol 3, p. 177-188, 1960.

7. Baliski K.P., Vorontzova A.L. and Kerpukhina A.M. — Medicinal plants in therapy of malignant tumors. Zdorovia. Kiev. 1966.

8. Schramm G. — Chinesische Arzneiverordnungen der klassischen Medizin zur Behandlung des Mammacarcinoms. Die Pharmazie N° 11, p. 730-732, 1956.

mẩn ngứa, dùng sắc uống hay bôi thoa bên ngoài.

Công thức của Thủ cung phần gồm ba vị : Cáp giới (tắc kê), Ngõ công (con rết) và Đản phần.

Ở Đài loan, quần chúng rất tin dùng cây Dưỡng—Trung Y gọi là Chử đào thụ — trong chữa bệnh ung thư, trong khi nhân dân lục địa lại trọng vọng vị Qua lâu, vị Đản sâm, vị Mộc thông.¹

Dân tộc Phù tang thì lại thiện dụng Thiên kim đằng¹ trong cùng một mục đích. Người Nhật cũng thấu đạt được ít kết quả khiêm tốn với những dược thảo thô sản chẳng hạn Hatomugi, Kumozasa, Karahanaso, Hlahi, Fuji, Akogeahi².

Y giới Trung Hoa lục địa và Hương cảng đang quảng bá một thứ thuốc được mô tả là hữu hiệu đối với nhiều loại ung thư. Thuốc bán rất đắt, và theo lời truyền tụng, thì đã cứu thoát một số bệnh nhân đồng

bào ta. Tên của thuốc là Nham Khoa Vạn linh Đơn do Thiên Đức Đường Đại Dược Xưởng chế tạo và phát hành tại Hương Cảng. Không thấy ghi thành phần dược học, và đây là một điểm gây nghi ngờ thắc mắc rất lớn vì các loại thuốc đặc chế khác của Đài loan hay Trung Cộng, dựa vào phương thang kinh điển và được trình bày hoặc theo những dạng thuốc của tân dược hoặc theo những hình thức bảo chế cổ truyền, đều luôn luôn có ghi công thức. Người viết bài này, qua trung gian của các đồng nghiệp Hoa Kỳ, đã gửi một ít thuốc cho (US) National Cancer Institute để nhờ thí nghiệm trên súc vật. Nhưng kết quả không đi đến dân, vì sự nhầm lẫn địa chỉ do lỗi của người Hạ sĩ quan Mỹ phụ trách hành chánh : thay vì gửi cho Viện Ung Thư, anh ta lại gửi cho Thư Viện Y Khoa Quốc gia Hoa Kỳ ! Lại phải nhờ mua ở Hương Cảng một hộp thuốc khác, và đến nay thì vẫn chưa mua được !



Hộp thuốc Nham Khoa Vạn Linh Đơn

Các nhật báo và tài liệu y khoa Trung Hoa lục địa cũng như Hương Cảng còn quảng cáo một toa thuốc thời thượng về ung thư mà một vị lương y đã cho phổ biến trên một nhật báo Sài Gòn.

Tài liệu ghi nhận rằng tám trường hợp ung thư gan đã được

chữa lành, theo hai phương¹thang

1. (US) National Cancer Institute, central files.

(Tài liệu do (US) National Library of Medicine cung cấp).

2. Tên khoa học của những vị này là Mayuen romoln Stalt, Sasa palmata L., Humulus lupulus L., Tropa japonica Flerov., Wisteria floribunda Willd, và Quercus octa L.

dưới đây.

Thang phương thứ nhất gồm :

Bạch hoa xà thiệt thảo 8 lượng
(dùng sống)

Bạch mao căn 8 lượng (dùng sống)

Thiết thọ điệp 8 phiến

Hồng táo 10 trái

Băng đường 10 cục (bằng ngón tay cái)

Tất cả các vị trên rửa sạch cho vào nồi, đổ 13 tô nước lã, dùng lửa than đun trong 5 giờ, sắc còn lại một tô. Uống thuốc lúc vừa nguội, còn hơi ấm. Sau khi uống thuốc, phải dùng tiếp 5 chỉ Cao ly sâm để hồi phục sức khỏe. Mỗi ngày hoặc mỗi hai ngày uống một thang, tối đa 5, 6 thang.

Tiếp theo là phương thang thứ hai gọi là Tế Hoàng hoàn gồm :

Tê hoàng	3 chỉ
Xạ hương	3 chỉ
Nhũ hương	4 lượng
Một dược	4 lượng

Bốn vị tán nhỏ, dùng mật ong và bột gạo viên thành hoàn bằng hạt đậu xanh, phơi khô. Mỗi ngày uống ba lần, mỗi lần một trăm viên với nước muối, uống trước hay sau bữa ăn.

Suốt trong thời gian điều trị, phải luôn luôn ăn uống các thực phẩm bổ dưỡng. Chúng tôi sẽ trở lại với các thang phương này trong một tiết mục sau.

THƯ CẦU VIỆN ĐẾN DAELS, ĐẾN TSCHIRCH..

Tây Y chưa giải thích được ôn

thoả nguyên nhân phát sinh ra ung thư, nhưng đã phát minh được một vài vị thuốc chữa trị ung thư tương đối hữu hiệu.

Ngoài ra, nhiều quốc gia tiên tiến ở khắp thế giới đều đang tận lực nghiên cứu tác dụng của các thành phần trích khai từ thảo mộc trên những loại bướu thực nghiệm. Trình bày thật giản dị, y giới tiến hành như sau : gây nhiều loại ung thư cho loài vật và quan sát tác dụng của những được phẩm khác nhau, để ước định công năng kháng ung.

Trong chiều hướng này, y giới Nhật bản chẳng hạn đã chứng minh tầm hữu hiệu của Sơn đậu căn và Khổ sâm đối với sự phát triển của những loại bướu Sarcoma 180 và bướu gây bưng nước Ehrlich trên loài chuột¹. Ở Đài loan, loại bướu Ehrlich cũng tỏ ra « chịu » hai hoạt chất ricin và abrin, chất thứ nhất lấy từ vị Tỳ ma, chất thứ hai trích khai từ những dây Tương tư thảo². Chitnis³ cùng các cộng sự viên báo

1. Kojima R., Fukushima S., Ueno A. and Saiki Y.— Antitumor activity of leguminosae plants constituents. I.— Antitumor activity of constituents of *Sophora subprostrata*. Chemical Pharmaceutical Bulletin. Vol 18, No 12, p. 2555-2563, 1970. Các phần kế tiếp của tài liệu này đến nay vẫn chưa thấy ấn hành.

2. Lin Y.L., Tserng K.Y., Chen C.C., Lin L.T., and Tung T.C.— Abrin and ricin : New anti-tumour substances. Nature. Vol 227, p. 292-293, 18.7.1970. Tỳ ma tức cây Đu đủ tía, cây Thầu dầu của ta. Tương tư thảo được đồng bào Việt Nam gọi là dây Cam thảo, dây Cườm cườm, dây Chu chi, Cườm thảo đỏ.

3. Chitnis M.P., Khandalekar D.D., Adwanekar M.K. and Sahasrabudhe M.B.— Anticancer activity of the extracts of root, stem and leaf of *Ervatamia heyneana*. Indian Journal of Experimental Biology. Vol 9, p. 266-270, 4.1971.

cáo khả năng của cây *Ervatamia heyneana* L., thuộc họ Trúc đào, khi thực nghiệm trên các loại ung thư máu L 1210 và P 388 v.v..

Tuy nhiên, một điểm cần nêu ra trước tiên là Tây Y đã chứng minh rằng bệnh ung thư có thể tự nhiên thuyên giảm hoặc khỏi hẳn. Đây là một vấn đề mà y học tân tiến đã khẳng định là có thực, tuy rằng vẫn còn bí mật, không giải thích nổi. Cách đây hằng chục năm, J. Fauvet¹ và các cộng sự viên đã thu góp hằng trăm trường hợp ung thư được mô tả là tự nhiên lành, với những cứ liệu rất vững chắc.

Như vậy, điểm tiên khởi cần nêu lên là một nghi vấn: những ca ung thư được y lý cổ truyền phương Đông trình bày là đã chữa lành, phải chăng cũng bao gồm một số có thể là không nhỏ những trường hợp tự nhiên thuyên giảm? Điều này không phải là vô đoán vì lẽ những trường hợp ung thư được xem như do Đông Y chữa lành đều là những ca lẻ tẻ, rời rạc, và nhất là chưa hoặc ít được tài liệu y học hiện đại kiểm chứng.

Một con số đáng kể có lẽ là số tám ca ung thư gan do y giới Trung Hoa đưa ra và được nhật báo Thành Công đăng tải, với biện pháp trị liệu là thang phương gồm các vị Bạch hoa xà thiệt thảo, Bạch mao căn, Tế hoàng, Xạ hương v.v... đã nói đến trên kia.

Vì vậy, chúng tôi đã cố gắng sưu tầm các tài liệu khoa học liên can đến những dược liệu cấu thành hai thang phương nêu trên. Đây là một việc rất khó khăn, và riêng đối với vị Thiệt thảo điệp, kẻ viết đành thức thủ, không

tìm ra tài liệu nào liên quan cả.

Bạch hoa xà thiệt thảo cũng không có tên trong các tài liệu định danh Đông dược mà chúng tôi hiện có. Tuy nhiên, trên một tài liệu khác liên quan đến một dược phẩm trị tế thấp sản xuất ở Trung Hoa lục địa, sau những câu tán dương Trung Y, chúng tôi đã tìm thấy một tia sáng khi đọc được câu: «Một trong những phát giác vĩ đại nhất (của Trung Y) là sự hữu hiệu của vị Bạch Hoa Xà Thiệt Thảo (*Oldenlandia diffusa* Willd Roxb.) trong điều trị ung thư gan, phối hợp cùng các dược thảo khác.»²

Như vậy, bước đầu — và là bước khó nhất — kể như đã vượt qua: tên khoa học của dược thảo đầu vị trong phương thang kháng ung đã xác định được. Không mất thì giờ đến thư viện của các Trường Y Khoa và Dược Khoa Sài Gòn để tìm tài liệu liên hệ đến vị thuốc (vì biết chắc mười mươi là không làm gì có), chúng tôi lại phải liên lạc với Thư Viện Y Khoa Quốc Gia Hoa Kỳ.

Các chuyên viên quản thủ thư viện Mỹ, được yêu cầu «viện trợ» các dữ kiện khoa học cần thiết, đã sốt sắng nhờ máy IBM tìm kiếm giúp³.

1. Fauvet J., Campagne J., Chavy A. et Piet G. — Guérisons, régressions et rémissions spontanées des cancers. *Revue du Praticien*. N° 22, p. 2319-2384, 9.1960.

2. Nguyễn văn: «One of the greatest discoveries was the effectiveness of Pak Fah Sieh Shieh Ch'ao (*Oldenlandia diffusa* Willd Roxb.) in curing liver cancer with other herbs.»

3. Không thể dùng nhân lực vào việc tìm kiếm thư liệu tham khảo vì mỗi năm thư kho y khoa của Mỹ tiếp nhận thêm khoảng chừng 200.000 tài liệu. Trong trường hợp đọc giả minh định được xuất xứ của tài liệu thì sự cung cấp dễ dàng hơn.

Kết quả máy móc điện tử tìm ra được sáu tài liệu tham khảo, gồm 3 tài liệu về... sốt rét ở Việt Nam, một tài liệu về thử nghiệm ung thư trên... chuột Tàu và hai tài liệu về trị liệu ung thư bằng hóa chất ở Đài loan; tóm lại đúng là những tài liệu có liên hệ đến y lý phương Đông, không ở lĩnh vực ung thư thực nghiệm thì thuộc phạm trù sốt rét ác tính, không ở Việt Nam thì ở Đài Loan, không dính đến người Giao Chỉ thì nói đến chuột Trung Quốc, tất cả không hề chạm ra khỏi y học và Đông phương. Nhưng điểm sinh tử là dữ kiện về cây thuốc được hỏi đến thì tuyệt nhiên chẳng hề thấy! Phải chăng đây cũng là một kinh nghiệm hữu giá góp thêm vào những nhận xét khác về tầm giá trị của phương pháp phân tích Tây phương trong công tác học hỏi nghiên cứu y lý Đông phương?

Lại phải quay về cùng các thư liệu phương Đông. Và tìm tòi mãi, người viết phát giác được một dữ kiện bổ ích. Trung Quốc được dựng thực vật đồ giám (Thượng Hải giáo dục xuất bản xã, 1960) ghi nhận một thứ cây có tên khoa học là *Oldenlandia corymbosa* L., thuộc họ Cà phê (*Rubiacaceae*), mà Hán văn gọi là Vương thái tô, là Tán phòng hoa nhĩ thảo, là Đơn thảo. Đây là một loại cỏ nhỏ, mọc hằng năm, lá mọc đối, hình mọc hẹp dài, hai đầu nhọn, mép nguyên. Mò mẫm tìm thêm nữa, té ra đây là một thứ cây mọc hoang khắp nơi ở nước ta, thường hay gặp nhất ở hai bên đường xe lửa hay ở nơi râm mát. Ngoài ra cây còn mọc ở nhiều nước nhiệt đới khác thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Riêng tại Trung Hoa, cây là thảo sản của các tỉnh miền Nam. Đồng bào ta gọi là cây Lưỡi rắn, có địa phương gọi là Cóc mần. Nhưng về công dụng thì không thấy

các tài liệu ghi chép gì về khả năng kháng ung.

Tóm lại, ta thấy có nhiều sự liên hệ rất mật thiết:

— Thang thuốc căn bản chữa ung thư ghi là Bạch hoa xà thiệt thảo (cỏ lưỡi rắn).

— Tên khoa học là *Oldenlandia diffusa* Willd Roxb.

— Cây Vương thái tô có tên Việt Nam là lưỡi rắn và cũng thuộc giống *Oldenlandia*.

Kết luận: Phải chăng đầu vị của bài thuốc trị ung thư đang được y lý Đông phương áp dụng là một thứ cỏ mà ở Việt Nam ta chỉ cần đi dọc theo đường xe lửa là tìm thấy hằng hà sa số?

Đối với các vị khác — ngoại trừ vị Thiệt thọ điệp-công tác truy tầm căn cước không đến nỗi gian nan như với vị Bạch hoa xà thiệt thảo. Bạch mao căn¹ là rễ cây cỏ tranh, Hồng táo² là loại táo đỏ, Băng đường là đường phèn, Tê hoàng³ là sỏi mật con tây ngưu, Xạ hương⁴ là chất bài tiết trong hạch ở sát dương vật của một loài cây hương đực, Nhũ hương⁵ là một thứ nhựa cây có mùi thơm, và Một dược⁶ cũng là một thứ nhựa cây khô đóng thành từng khối.

Xét riêng về công năng từng vị thì Bạch mao căn là thuốc làm bớt nóng, lợi tiểu tiện, tiêu ứ huyết; Tê

1. *Rhizoma Imperatae cylindrica* P. Beauv.
2. *Ziziphus* sp.
3. *Calculus Rhinoceri*.
4. *Moschus*
5. *Pistacia lentiscus* L.
6. *Commiphora myrrha* Engler.

hoàng có khả năng giải độc, tiêu đàm định kinh; Xạ hương thông kinh lạc thông khiếu; Nhũ hương có tác dụng hoạt huyết, điều khí và Một được tán huyết, thông kinh mạch, tiêu sưng. Băng đường và Hồng táo có thể xem như là những vị thuốc phụ, những tá dược.

Nếu chúng ta trở lại với lập trường của Đông Y về nguyên nhân gây ung thư, về sinh lý bệnh lý nham khoa, thì chúng ta thấy rằng việc xử dụng những dược liệu này là hợp lý: bởi ung thư là do huyết ứ nhiệt tắc, trường vị vận hóa không thông, kinh lạc bị ngăn trở, nên, về nguyên tắc dùng thuốc, thang phương phải kết hợp những vị tiêu huyết, phá sưng, giải độc, thông kinh lạc... Như vậy, tưởng cần nghiên cứu thêm về toa thuốc khá độc đáo này, càng đáng nghiên cứu thêm nữa vì trong những vị cấu thành thang phương, không có vị nào thuộc các bảng độc dược A, B của Tây Y, dấu rằng vị Xạ hương ngày xưa có được Tây Y dùng nhưng ngày nay đã loại bỏ vì tính chất kích thích quá mạnh.

oOo

Dường như cho đến ngày hôm nay, Đông Y vẫn chưa tìm ra được dược liệu chuyên biệt để trị ung thư. Những dược phẩm đặc chế, do Trung Hoa lục địa tung ra thị trường và hiện đang được xử dụng trong nham khoa, vẫn chưa chứng tỏ được chân giá trị và tầm hữu hiệu thực sự của mình. Mặt khác, y học tân tiến cũng chưa có dịp được hân hạnh (và hạnh phúc) góp phần kiểm nghiệm một cách khoa học và khách quan các

thành quả đầu sao cũng còn rời rạc của y lý Đông phương trong phạm trù trị bấu.

Và lại, nếu Đông Y quả đã phát giác ra những dược phẩm kháng ung hiệu nghiệm, thì một thắng lợi vĩ đại như vậy chắc hẳn phải được giới thiệu với y giới quốc tế, mà dịp giới thiệu thuận tiện và khích động nhất là những chuyển viếng thăm lục địa Trung Hoa của các y sĩ Hoa Kỳ vào tháng 9 năm rồi, trong trường hợp đặt giả thuyết là không thể dùng phương tiện báo chí y khoa để truyền thông thành quả, vì các ấn phẩm chuyên môn đều phải tạm ngưng xuất bản sau ngày Cách Mạng Văn Hóa.

E. Grey Dimond, một trong những y sĩ Mỹ may mắn được viếng thăm quê hương Hiên Kỳ, đã được hướng dẫn quan sát châm thuật gây tê¹, thấy người Trung Hoa dùng cây Thông thiên điều chế nerlufolin thay thế digitalin². Người khách phương xa cũng nghe những đồng nghiệp nước chủ khoe về vấn đề xử dụng một

1. Dimond E.G. — Acupuncture anesthesia. Western Medicine and Chinese Traditional Medicine JAMA Vol 218, No 10, p. 1558-1563, 6 Dec 1971.

2. Dimond kể lại sự kiện trích khai nerlufolin từ cây Thông thiên *Thevetia peruviana* K. Schum như là một thành công độc đáo và mới mẻ của Hoa lục. Nhưng thực ra thì y giới Trung Cộng (và cả Bắc Việt) đã xúc tiến công việc này từ lâu, nhằm mục đích dùng cây cỏ địa phương thay thế các dược phẩm nhập cảng quá đắt. Thông thiên và nhất là Trúc đào *Nerium oleander* L. đã được miền Bắc Việt-Nam tân dụng trong điều chế các glucosid trợ tim. (*Đổ tất Lợi*. — Công tác nghiên cứu và khai thác dược liệu trong 15 năm vừa qua, Y học Việt Nam, số đặc biệt 3-4-5, tr. 40-44, 1960; và *Vũ đình Hải*. — Chứa suy tìm bằng nerlolin, một hoạt chất của Trúc đào. Y học thực hành, số 153, tr. 17-20, 1968)

được thảo cổ truyền khác đề tinh chế một alcaloid được mô tả là hữu hiệu trong điều trị các chứng bại liệt mãn tính kể cả và nhất là trong bệnh ấu liệt, một căn bệnh đang gây thống khổ cho biết bao nhiều trẻ em trên khắp thế giới¹. Các thành quả này, Dimond thuật lại rất rõ ràng trong những bản tường trình đề giới thiệu một vài đường nét Trung Y hiện đại với y giới quốc tế, nhưng lại chỉ dành có một giọng đề nói về ung thư ở Trung Cộng, mà lại nói về một phương pháp nghiên cứu trị liệu ung thư theo Tây Y chứ tuyệt nhiên không đề cập đến khả năng trị ung của y lý cổ truyền². Ngoài ra trong câu chuyện hàn huyên của một khách biên đình khác, Victor W. Sidel, hai nguyên nhân chính gây tử vong cho người dân Hoa Lục hiện nay, ít nhất là người dân Thượng Hải, vẫn là ung thư và các bệnh tim mạch³.

Hơn nữa, ngay tại Hoa Kỳ, những người Mỹ gốc Trung Hoa, vì hiểu rằng ung thư không thể chữa khỏi bằng Đông Y cũng như bằng Tây Y, nên đã không ngần ngại cầu viện đến cả hai hình thức trị liệu tân tiến và cổ truyền, mà vẫn không tuyệt đối tin tưởng vào một nền y học nào cả^{4,5}.

Nhưng biết đâu trong tương lai, y giới sẽ chẳng tìm ra một chất trị ung hữu hiệu, bằng vào các thang phương kinh điển của phương Đông? Điều này không phải là không thể xảy ra. Y học chính thống đã tìm ra quinine, đã phát giác cây *Rauwolfia* do học hỏi, nghiên cứu lễ lối trị bệnh dân gian của nhiều dân tộc. Và lại, một trong những loại thuốc trị liệu

ung thư được xem là hiệu nghiệm nhất hiện nay là một dược liệu lấy từ thảo mộc : đây là chất vincleucoblastine hay vinblastine⁶ mà tân dược trích khai từ cây *Vinca rosea* L^{7,8}, tức cây Dừa cạn của Việt Nam⁹.

Cây dừa cạn là một cây thảo sản của ta, và các sách báo ngoại quốc về Dược liệu học đều mô tả một cách khao khát kho tàng quý giá còn hồi tàng của đất mẹ Việt Nam khi nói đến cây này¹⁰. Trên một bình diện

1. Alcaloid được Dimond đề cập đến là *securinine*, và vị được thảo liên hệ được Dimond ghi tên khoa học là *Securinega suffruticos* (?) mà người viết chưa xác định được tên Đông dược tương ứng.

2. Dimond E.G. — Medical education and care in People's Republic of China. *JAMA* Vol 218, No 10, p. 1552-1557, 6 Dec 1971.

3. (Newsfeature). Mao's thought shapes medical care in China. *Modern Medicine*, p. 74-79, 21 Feb 1972.

4. Shiang E. and Li F.P. — The yin-yang (cold-hot) theory of disease. *JAMA* Vol 217, p. 1108, 1971.

5. Frederick P. Li. — Traditional Chinese Medicine in the United States. *JAMA* Vol 220, p. 1132-1135, 1972.

6. Farnsworth N.R. — The Pharmacognosy of Periwinkles: *Vinca* and *Catharanthus*. *Lloydia* No 24, p. 105-138, 1961.

7. Chasseigne P., Cruveillier J., Georges-Janet L. et Mary F. — Action thérapeutique des alcaloides de *Catharanthus roseus* (*Vinca rosea*) sur la maladie de Hodgkin et la leucose aiguë. *Thérapie*, No 19, p. 1037-1046, 1964.

8. Van Os F.H.L. — Les plantes à caractère cytostatique. *Rivista Sintetica* (Ed. Scient Farmaco) Vol 25, p. 455-483, 1970.

9. Paris R. et Girre L. — Sur les variations concomitantes des acides aminés et des alcaloides chez les *Pervenches* indigènes. *Comptes Rendus de l'Académie des Sciences*. No 268, p. 62-69, 1969.

10. Paris R.R. et Moysse H. — Matière Médicale, Tome III. p. 88-93, Masson et Cie Edit. Paris 1971.

khác, cây lười rắn, như trên kia đã nêu nghi vấn, cũng là một cây cực kỳ phổ thông trong đám kỳ hoa dị thảo của nước nhà.

Dừa cạn là nguồn lợi thiên nhiên để tân dược điều chế thuốc trị ung thư. Lười rắn là đầu vị của một thang phương nham khoa thời

thượng theo y lý cổ truyền. Duyên nợ của cây cỏ Việt Nam đối với ung thư liệu pháp kê cũng thật nồng nàn, nặng tình, khăng khít. Những ngày mai tươi đẹp nào nữa còn chờ đợi mỗi lương duyên này?

Thủ-đó. 03. 09. 72.

SUMMARY

Etiology and management of tumors in Oriental medicine
by Trồn-văn-Tích

Pathogenesis of bowels neoplasms according to Oriental medicine is described in order to give a quick glimpse of tumor etiology conceived by the traditional medicine which insists particularly on the endogenous theories in oncogenesis.

Even though there was no scientific classification of tumors, prescriptions for antineoplastic drugs are seen in many classical books.

Major Oriental herb drugs which have been frequently prescribed for the purpose of conservative treatment of cancer are reviewed. Although there has been a great deal of experimental treatments for tumors, no specifically effective medicines have been found yet.

Recently, some (Mainland) Chinese herb doctors have reported that a few cancer cases scientifically diagnosed based on the modern method were treated effectively by administering phytotherapy, however, these facts must be confirmed by scientific objective analysis.

It is presumed premature to make conclusion that the traditional drugs are really antineoplastic, because even though some cases have been cured, one still must take into consideration that there may be cases of spontaneous regression.

One might be still inclined to believe that there have not been disclosed truly effective traditional Oriental antineoplastic drugs until to-day, but hope is expressed that the future will surpass the past.

(Phương Đông, November 1972, 17)

Phải chăng Cao Hoang có khả năng sát trùng và trị được bệnh lao ?

□ TRẦN-TIỀN-HY

PHẦN DUYÊN KHỞI

Hồi tưởng lại khoảng thời gian 1933-1935 nhân được nghe nói tới huyết Cao hoang với chung quanh nó khá nhiều huyền thoại, tôi quyết tâm tìm hiểu mục đích không chỉ nhằm thỏa mãn tính tò mò mà còn hòng tự tay mình thí nghiệm ngay trên cái huyết tương truyền có khả năng chữa khỏi được cả trăm thứ bệnh, kể cả hủ lao ấy 1, xem kết quả nó đem lại, có đúng như truyền thuyết không.

Sẵn có một ít chữ Hán, tôi bèn đọc *Châm cứu đại thành*, một trong những pho sách mà ông cụ tôi đã để lại. Nhưng càng đọc càng hoang mang với những danh từ chuyên môn khó hiểu, tôi đành phải tìm đến các ông thầy cứu 2 để chất vấn.

Huyết Cao hoang, theo lời của một ông thầy cứu gia truyền quê ở Đồng Hới, một ông thầy cứu khả kính nhất trong số những thầy cứu mà tôi đã gặp, tuy có khả năng vẫn hồi được ngay cả những trường hợp «bệnh nhập Cao hoang» 3, song thiết ra chẳng có mấy thầy giám dùng đến, ngay như Y Hoãn, một danh y ở bên Tàu mà cũng còn phải tránh né nữa là !

Tôi hỏi về lý do thì được ông giải thích : «Con tà trước đó ẩn núp bên trong huyết Cao hoang, làm le báo hại bệnh nhân, nay có thầy đến châm hay cứu tại đó, bệnh tuy có thể khỏi được đấy, song ngược lại, ông thầy (hay nếu không thì vợ con ông thầy ấy) thế nào cũng bị báo thù...»

Bất mãn trước lối giải thích đầy mâu thuẫn ấy, tôi bèn viết thư qua Văn Nam cho người em họ tôi (lúc bấy giờ từng sự tại tòa lãnh sự Pháp) nhờ mua giùm cho một ít sách Châm cứu.

Sáu bộ sách được gửi về là *Tuyên châm tam yếu tập*, *Châm cứu tặc*, *Châm cứu thông luận*, *Châm cứu dị học*, *Châm cứu bí thọ toàn thư*, *Tăng đính Trung quốc châm cứu trị liệu học*, tuy đã khai thông cho tôi được một phần nào, song vẫn chưa đủ để làm tôi hết e ngại.

Tiếp đó, may mắn được đọc tờ «Vu» của Lucien Vogel, thấy bài của Soulié de Morant nói về châm cứu, tôi liền viết thư nhờ tòa soạn của tạp chí ấy làm trung gian để liên lạc với tác giả. Ít tháng sau đó, mua được *Précis de la vraie acupuncture chinoise* với kim Souteyrand, và nhất là bức thư của tác giả (có kèm tấm ảnh, hiện nay vẫn còn) giải tỏa cho nhiều điều thắc mắc, lúc ấy là mùa thu năm 1935, tôi mới thực sự vững tâm để thực hiện những cuộc thí nghiệm đầu tiên.

Tôi tự bảo thầm : «Nếu các sách xưa như Châm cứu đại thành chẳng

1. Xem Loại Kinh Đồ Dược của Trương cảnh Nhạc, Lĩnh quang Phú và Ngọc long Phú.

2. Vào lúc đó danh từ châm cứu chưa được thông dụng, người làm nghề chích, lẽ thường được gọi thầy lễ, duy người có biết chữ Hán, hiểu rõ công năng và vị trí của từng huyết và nhất là biết chọn huyết để cứu tùy theo bệnh chứng mới được gọi là thầy cứu.

3. Theo Trung quốc thành ngữ đại từ điển thì thành ngữ này là để chỉ những trường hợp bệnh nặng, cơ hồ hết phương cứu chữa, khoảng cách giữa sống và chết chỉ còn trong gang tấc.

hạn, đều có dành riêng một mục để nói về những giờ cấm châm cứu, tính theo bát quái, theo can chi, theo mùa và những ngày cấm riêng cho đàn ông và những ngày cấm riêng cho đàn bà v.v... cho đó là một vấn đề quan trọng, thì những sách châm cứu kể ra đời từ 1930 đến giờ lại chẳng cuốn nào nhắc nhở tới vấn đề ấy, phải chăng việc kiêng kỵ Cao hoang cũng có thể được coi như vấn đề nói trên?

Hay là vì hậu quả đen tối có thể đến với châm y không phát sanh tức khắc lại cũng chẳng đồng đều nên phần đông mới coi thường?

Cũng như ảnh hưởng của mặt trời và tinh tú hay là ảnh hưởng của thời tiết đối với sức khỏe của con người, nếu một thiếu số cảm nhận và ý thức được thì, đại đa số lại cho là mơ hồ khó tin, mãi cho đến hậu bán thế kỷ 20 này, các nhà bác học Tây phương như Linh mục Théophile Moreux, bác sĩ Maurice Faure, các giáo sư Pasteur Vallery Radot và Tchi-jevsky v.v...sau nhiều năm quan sát, đối chiếu, suy tư và nhất là dùng những máy móc tinh vi để đo lường, ghi nhận, họ mới bắt đầu công nhận¹ rồi đề nghị thiết lập ra những môn được gọi là Cosmobiologie hay là Astrobiologie, Météoropathologie hay là Agressologie, cho đó là những đề tài mới mẻ. Họ không ngờ rằng cái Astrobiologie của họ đã được nói tới trong Thiên văn học Trung hoa và đặc biệt là trong vận khí học đã có 5.000 năm lịch sử của Đông y. Còn Agressologie² thì tuy đã được đề cập tới một cách rời rạc ở trong Nội kinh, học thuyết này phải đợi đến năm 200 sau Thiên chúa giáng sinh mới được hệ thống hóa ở trong hai pho sách *Thương hàn luận* và *Kim quỹ yếu lược* của Thánh y Trọng Cảnh.

Trong lịch sử quả địa cầu đã có một thời hầu hết sự vật đều có vẻ huyền bí nhưng rồi thời gian, sự tiến bộ của khoa học và nhất là sự cố gắng tìm hiểu đã giúp cho chúng ta vén được cái màn bí mật từng bao phủ trên những di sản quý báu cần thiết để giúp cho nhân loại sống còn.

PHẦN HUYỀN THOẠI Theo sách *Tả truyện* thì ngày xưa, vua Tấn-Cảnh-Công lâm phải bệnh nặng, hầu hết thầy thuốc ở trong nước, kể cả ngự y đều thúc thủ, buộc lòng người phải phái một số viên chức qua Tấn để cầu danh y. Vị Tấn Bá liền cử Y Hoàn thì, trong khi ông này đang còn độ một ngày đường nữa mới thấu, vua nằm chiêm bao thấy bệnh của người nó hiện thành hai đứa trẻ chúng bàn tán với nhau, một đứa nói: "Ông ấy là một danh y tao e chúng mình không

1. Xem *L'homme et son milieu*. Dr. J. Poucel, Guérin 1-1950, *Les taches solaires et épidémies*, Dr. P. Sava, Guérin 8-1950, *Votre santé sous votre étoile*, R. Tocquet, Guérin 12-1955 và tầm quan trọng của *Thiên văn học đối với Trung hoa* của BS Nguyễn Văn Thọ tạp chí *Phương Đông*, tr. 135 và 136.

2. Les Orientaux, ici comme partout, nous ont précédés par l'intuition. Ils ont pressenti le rôle immense des phénomènes météorologiques sur l'état physiologique et sur le psychisme de l'individu. Et, quelques milliers d'années après eux, nous commençons à démontrer, avec nos appareils enregistreurs et toute notre science mécanique qu'ils étaient dans la vérité...

...Actuellement, d'après ces travaux, on envisage une action associée de réactions neuro-psychiques, endocriniennes, tissulaires, vaso-motrices, en présence de toute agression extérieure. Ces différentes actions possibles conduisent à la définition d'une nouvelle voie de recherche : L'Agressologie...

(*L'énergie humaine en médecine chinoise* của 2 Bác sĩ Chamfrault và Nguyễn Văn Nghi tr. 186 và tr. 134).

3. ... on a publié qu'à un moment de l'histoire de la planète, tout a paru ésotérique et c'est le temps, le progrès et surtout l'information qui ont permis de soulever le voile bariolé marquant des trésors pour la survie de l'humanité. Dr. Bor-sarello, L'acupuncture vérifiée par l'électronique (*Science et Vie* 11-1971.)

khỏi bị hại, âu là đi trốn vậy » Đứa kia đáp : «Thì phải núp ở trên Hoang và ở dưới Cao, tao chắc họ sẽ không làm gì mình được».

Hôm sau Y Hoàn đến và xem bệnh cho vua xong, ông liền tâu : «Bệnh của bệ hạ không còn có cách gì chữa được, bởi vì nó đã nằm ở trên Hoang và ở dưới Cao, dù có dùng kim để châm hay dùng thuốc để uống cũng không sao đạt tới đó được ».

Vua nghe xong, khen là thầy thuốc giỏi, ban cho hậu lễ và cấp cho xe và ngựa để về Tần.

Qua câu chuyện trên đây, phải chăng người xưa muốn nhân đó để ngụ ý rằng tâm và phế, vì phải làm việc không phút nghỉ ngừng nên dễ đã mắc bệnh ắt không phải là dễ trị nữa, và có lẽ cũng vì thế mà tạo hóa đã phú cho chúng một cái lồng xương sườn để làm bức tường che chở!

Căn cứ theo *Từ nguyên* và *Từ hải* thì hai chữ Cao hoang là một bộ vị trong thân thể con người, khoảng giữa tâm tạng và hoành cách mó, và như vậy, há không phải là ám chỉ tâm và phế hay sao!¹.

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁC Y GIA ĐỒNG PHƯƠNG

Theo Trạch Điền Kien, một châm y trứ danh người Nhật Bản (đã quá cố) thì thể tục, mỗi khi người ta nói «bệnh nhập Cao hoang», đó là người ta ám chỉ bệnh tình đã tiến tới thời kỳ thứ ba, bởi vì bệnh khi còn ở thời kỳ thứ nhất thường phản ảnh ở trên đường thứ nhất nó xuyên qua huyết Ky-trúc-mã (do châm y họ Trạch phát minh), đường thứ nhất này chạy dọc 2 bên, cách xương sống mỗi bên độ một bề ngang của ngón tay út. Bệnh của thời kỳ thứ hai phản ảnh ở trên đường thứ hai, cũng chạy dọc từ trên

xuống dưới cách xương sống mỗi bên hơn một lòng tay, đường này xuyên qua những huyết như Phế du, Thận du. Bệnh của thời kỳ thứ ba phản ảnh trên đường thứ ba (tức là đường thứ hai của Bàng quang kinh), xuyên qua những huyết như Phách lộ, Cao Hoang 2 bởi thể phạm bệnh phát hiện ở Cao hoang đều coi là bệnh thời kỳ cuối cùng 3 dù châm cứu hay là uống thuốc cũng phải khó lắm mới thu hoạch được kết quả như ý muốn.

Danh y Tôn-tư.Mạc ở đời Đường, tác giả sách *Thiên kim Phương* đã từng có lời than phiền «...chỉ tiếc vì người đời kiến thức thô lậu, không hiểu được huyết này sở dĩ nên mới phải khoan tay trước những bệnh khó. Phải chi họ chịu khó học hỏi, tìm cho được huyết này mà cứu thì bệnh chi mà chẳng lành!» 4.

Lời than phiền của danh y họ Tôn, tuy cũng có phần quá đáng song không ngoài mục đích khuyến khích kẻ hậu học nên cố gắng tìm hiểu cách tìm cũng như cách xử dụng huyết này, ngõ hầu giúp ích một cách đặc lực cho những ai mang phải những bệnh chứng trầm kha.

1. Y sư Du Thiên Nông ở trong *Tề nhĩn liệu pháp* (Bắc Kinh 1956) cũng nói Cao hoang có công hiệu tác dụng đối với bệnh ở tâm, phế...

2. Huyết quan hệ nhất của đường thứ ba này.

3. Xem Châm cứu chân tủy của Đại Điền Văn chỉ.

4. Theo *Châm cứu du huyết học* (1964) thì huyết Cao hoang trước kia vốn chỉ là kinh ngoại kỳ huyết và mãi tới đời Đường, vị thánh y Tôn Tư Mạc nhận thấy hiệu năng của nó quá đặc biệt mới quan trọng hóa nó ở trong 2 tác phẩm của ông là *Thiên kim phương* và *Thiên kim dục phương* bằng những lời như trên, và công từ đó nó mới sát nhập vào *Bồ đổng quang kinh*. Về sau này y sư Ung Tinh cũng nói : «Cao hoang là chỗ ở của thần minh, tà khí mà phạm vào, đương sự sẽ yếu mệt, ốm gầy. Đến đây nếu được minh sư cứu cho ở đó tức bệnh nhân sẽ mạnh khoẻ và an nhiên vô sự (châm cứu ca phú tuyền giải).

Gần đây các y sư Trư Hựu Khải Nham, Liễu Cốc Tố Linh, cũng như các bác sĩ Châu Liên và Vương Tuyết Đài đều công nhận huyết Cao hoang có công năng bồi bổ khí huyết, trị được các bệnh ở phổi và ở ngực, đặc biệt là phế lao, cũng như các bệnh dây đưa lâu ngày làm cho con người mất sức cùng thần kinh suy nhược, ngày học mau quên, đêm thì đi tinh mộng tỉnh... Riêng Y sư Liễu Cốc Tố Linh lại nhấn mạnh về tác dụng dự phòng bệnh tật của huyết này.

Ngoài ra sách *Châm cứu du huyết học* của Trung y học viện Thượng hải (1964), căn cứ vào lâm sàng thực nghiệm, đã đúc kết hiệu năng của Cao hoang như sau đây :

Bổ phế, kiện tỳ, trị lao, bồi sửa các sự hao tổn, làm yên được tâm làm mạnh được thận, phò chánh khí và sát trùng.

HUYẾT CAO HOANG QUA SỰ NHẬN XÉT CỦA CÁC NHÀ BÁC HỌC TÂY PHƯƠNG.

Bác sĩ G. Dano sau khi đã dùng huyết Cao hoang để châm trị cho một số trẻ con bệnh hoạn đã phải công nhận không những huyết này thay đổi tình trạng của huyết dịch mà còn đem lại sinh khí cho cả toàn thân, kể cả hệ thống nội tuyến 1.

Sau đó một thời gian, B.S. De la Fuye lại chứng minh tác dụng sinh huyết của Cao hoang một cách cụ thể hơn: trên những bệnh nhân bị thiếu máu, 24 giờ sau khi được châm bổ ở Cao hoang và châm tả ở Túc tam lý, hồng huyết cầu thường tăng lên từ 500.000 đến 1.800.000. Ngoài ra đã có lần ông châm Cao hoang và Túc tam lý như trên cho một bệnh nhân (dưới sự kiểm soát của bác sĩ Arthus ngay

tại phòng thí nghiệm của B.S. này, thuộc bệnh viện Saint Jacques), ông đã nhận thấy là hồng huyết cầu của bệnh nhân ấy, trước khi chưa châm chỉ có 3.700.000 ấy thế mà mười phút sau đã tăng lên đến 8.000.000.

Ông lại còn nhấn mạnh về chỗ kết quả thu được sau khi châm Cao hoang cho những người bị thiếu máu, không phải chỉ tạm thời mà tương đối bền dai hơn với bất cứ huyết nào khác 2. Nhưng nếu B.S. De la Fuye đã chứng minh được hiệu năng sinh huyết của Cao hoang bằng cách đếm số lượng của huyết cầu, thì một đồng nghiệp của ông, B.S.P. Morange lại căn cứ vào khá nhiều tài liệu, đồng thời cũng câu nệ vào chỗ Bàng quang kinh chuyên quản trị phần nước trong cơ thể con người, để khác nào như người mù sờ voi, đưa ra ức thuyết là: «Châm cứu ở Cao hoang phần nước ở trong máu được voi bắt đi, do đó mà số lượng của huyết cầu tăng... 3»

1. ... mais comment interpréter l'action du Kao-Roang qui, non seulement modifie le milieu sanguin, mais déclenche une véritable poussée de vitalité, laquelle retentit sur tout l'organisme et sur tout le système glandulaire. Dr. G. Dano. (*Acupuncture et troubles de croissance, Revue internationale d'acupuncture* số 3 (1949).

2. Le Laboratoire et l'acupuncture (*Traité d'acupuncture* của Dr. De la Fuye (1956)).

3. «... Nous sommes donc autorisés à penser que Kao-Roang agit essentiellement sur le métabolisme hydrique. Le malade dont l'état réclame l'excitation de ce point se trouve physiologiquement dans les mêmes conditions que les animaux d'expérience dont nous parlions plus haut: c'est un anémique par défaut de concentration auquel un haut degré de dilution sanguine ne permet plus un réchauffement normal. La piqûre ou le moxa, en diminuant l'hydrémie (peut être par action sur la diurèse), provoquent simultanément une augmentation relative du nombre de globules rouges et une meilleure résistance au froid... La polyglobulie ne sera plus alors qu'un des signes de l'équilibre humoral rétabli».

Dr. P. Morange, *A propos du mode d'action du Kao-Roang* (Bulletin de la Société d'Acupuncture số 15 (1955)).

Và tiến sâu hơn nữa, nhà châm y bậc thầy, đã có công lớn đem lại sanh khí cho phong trào học tập châm cứu ở Âu Châu là S. de Morant đã cho biết trong tập 3 của bộ sách khổng lồ của ông (gồm cả thầy là 5 tập) những điều như sau đây :

«Sau nhiều cuộc thử máu của một số bệnh nhân [được châm bõ ở Cao hoang (và cố nhiên là có tã thêm ở Túc tam lý) người ta thấy tất cả các loại kích tố (hormones) đều được phân bí ra một cách quân bình và điều hòa, và ngoài sự hồng huyết cầu (globules rouges) cũng như huyết sắc tố (hémoglobine) đều được tăng gia, trong máu còn được sản sinh một cách liên tục, một chất khả dĩ giúp cho con người được miễn nhiễm đối với hầu hết bệnh tật (immunité générale) » 1

Về vấn đề miễn nhiễm, 3 bác sĩ người Roumanie là N. Gheorghiu, Cr. Dragomeresco và Fl. Dunitresco, sau nhiều cuộc thí nghiệm thực hiện dưới nhiều khía cạnh, đã chứng minh một cách cụ thể là châm cứu thật sự có hiệu năng kích phát và tăng cường sức chống trả tự nhiên của cơ thể đối với vi trùng, và trong những huyết họ đã dùng thí Cao hoang phối hợp với Túc tam lý đã tỏ ra là có hiệu quả hơn hết 2

Nhưng, chống trả với vi trùng theo bác sĩ J. Kalmar cũng chưa đủ. Chúng ta hãy đọc phần nhận xét của bác sĩ ấy như sau đây :

«...Không phải như khoa chữa như bệnh lao bằng thuốc hóa học của Tây y hiện đại, họ trừ diệt một cách hội lý là trực tiếp tiêu diệt vi trùng Koch, huyết Cao hoang ngoài việc tăng cường sức mạnh của con người và khai triển sức chống trả tự nhiên của cơ thể, còn giúp cho cơ thể bài tiết được

bệnh độc, đồng thời giúp cho cơ thể phục hồi sự quân bình của các quan năng cũng như năng lực của cả toàn thân.....»

Tuy vậy, bác sĩ J. Kalmar không phải chỉ đơn độc ý lại vào Cao hoang mà còn phối dụng các huyết khác tùy theo mạch, chứng của từng bệnh nhân¹. (Xem *La pratique de l'acupuncture* của ông trang 175, 176)

Những kinh nghiệm rút ra được sau mấy mươi năm hành nghề.

1. Điều cho trúng Cao hoang đối với người có kinh nghiệm thì chẳng có gì là khó khăn cả, song đối với kẻ sơ học, nếu không có thầy truyền dạy ắt không khỏi sai lầm, ngay như bác sĩ Laevrgn trong tập *Précis d'acupuncture*

1. Les analyses de sang faites en grand nombre montrent une production équilibrée et harmonieuse de toutes les hormones en plus des augmentations de globules rouges et d'hémoglobine, et de la présence consécutive dans le sang d'un élément donnant une immunité générale (*L'acupuncture chinotee*, tome III ; *Physiologie de l'énergie*, page 349).

2. Les effets favorables de l'acupuncture dans les diverses affections microbiennes locales et générales que nous avons vérifiées en clinique sur un grand nombre de cas, nous ont suscitées à effectuer des expériences sur les animaux, afin de provoquer, par l'acupuncture, le déclenchement des réactions de défenses organiques vis à vis de l'agression microbienne... Les points qui ont donné les meilleurs résultats sont : 39e Vessie en tonification, couplée avec 36e Estomac.

Modifications sanguines de la fonction de défense organique obtenues par l'acupuncture (*Revue internationale d'acupuncture* n° 56, 1961).

1. L'influence tonifiante sur l'état général de ce point explique son efficacité sur la Tuberculose, non par une action directe antibactérienne sur le Bacille de Koch comme se le propose illogiquement la chimiothérapie physiologique récente, mais en contribuant à développer dans l'organisme les réactions de défense naturelle, en assurant l'élimination toxinique, en aidant à la rééquilibration des fonctions organiques et de l'Énergétisme général.

pratique, vô tình đã cho thấy là chính ông cũng đã điếm trệt hết một xương.

2. Điếm Cao hoang có nhiều cách :

a) Nếu là người có đủ sức để ngồi thì hãy chọn cho họ một tư thế thích nghi hoặc để họ ngồi trên giường hai chân xếp dưng, hai tay ôm lấy đầu gối đồng thời lưng cũng phải hơi gù xuống một tý, cốt để cho 2 xương bả vai mở rộng ra được để tìm huyết. Sở dĩ phải làm như thế là vì trong những lúc ta đi, đứng, nằm, ngồi huyết Cao - hoang thường bị hai xương bả vai bao phủ.

b) Ta lại cũng có thể cho họ ngồi trên ghế, hai tay ôm choàng ra sau cổ nhưng lưng cũng phải hơi gù xuống một tý. Cách điếm này đã được Y sư Trần Tôn Nhơn Giám đốc Trung quốc châm cứu học viện ở Hương Cảng chọn để dạy các môn sinh.

c) Nếu bệnh nhân quá yếu không ngồi dậy được, ta phải bắt bàn tay phải của họ bỏ qua vai bên trái của chính họ rồi khiến họ vói ra sau lưng mà tìm huyết nơi mé trong của xương bả vai, chỗ mà măt ngón tay giữa đạt tới được, và bấm xuống có sừng đó là huyết. Phương pháp này (được nói tới trong *Kiến minh châm cứu y học*) là để lấy chứng, châm y trước khi châm hay cứu còn phải kiểm soát lại đã.

d) Chọn cho bệnh nhân một tư thế thích nghi, hai xương bả vai mở rộng, châm y phải đo từ Đốc mạch ra mỗi bên 3 tấc (tức là bề dài lòng tay giữa của ngón tay giữa hơn 3 lần), huyết nằm ở dưới xương sườn thứ tư và trên xương sườn thứ năm, bên cạnh mé xương bả vai, bấm tay vào bệnh nhân cảm thấy đau thốn cả ra lồng ngực, có khi thấu cả ngón tay giữa.

3/ Điếm huyết rất chính xác đành là rất cần, song vận dụng không đúng phép hay không đúng lúc cũng tai hại lắm.

Người xưa mỗi khi nói tới Cao hoang thường hay kèm thêm một chữ cứu, thậm chí có sách nói Cao hoang chỉ cứu chứ không nên châm. Đã thế trong học khóa về châm cứu Y sư Trần-Cur-Lâm còn dạy : «Châm hữu nhất nguyệt chi công, cứu hữu nhất niên chi hiệu» làm cho một số người ngộ nhận, gặp ai xanh xao ốm yếu cũng đề nghị cứu Cao hoang chẳng cần biết đến mạch, chứng của họ là như thế nào. Nếu gặp người dương hư, mạch đi trầm vi hay là tề hoãn thì kết quả cố nhiên là đủ để cho họ tự đắc.

Ngược lại, nếu gặp người dù mắc phải «Cao hoang bệnh»(1) nhưng mạch lại hồng sắc cộng thêm với những chứng miệng khô, khát nước và ra mồ hôi trộm thì cứu Cao hoang cho họ chẳng khác gì thêm dầu vào lửa đỏ. 4/ Trong những trường hợp như vừa nói trên, nếu muốn châm bổ Cao hoang, trước đó phải dùng qua các huyết tư âm thanh nhiệt thì kết quả mới có thể được như ý muốn. *BÁCH CHỨNG PHỮ* có câu : «*Lao sải truyền thi, xu Phách hộ, Cao hoang chi lộ*» nghĩa là đã mắc chứng phế lao tức phải dùng đến hai huyết Phách hộ và Cao hoang.

Về cái huyết có tên Phách hộ, chúng ta có thể hiểu ngay nó có liên hệ mật thiết với phổi, bởi vì Nội kinh có dạy : «Can tàng hồn, phế tàng phách». Nhưng còn chữ hộ chẳng hay cổ nhân muốn ngụ ý gì đây? *TIỂU U PHỮ* có câu : «*Thế nhiệt lao thấu nhĩ tả Phách hộ*», nghĩa là phế lao mà

1. Danh từ mà người xưa thường quen dùng để chỉ bệnh lao phổi có vi trùng (*Trung quốc y học đạt từ điển*).

minh nóng thì phải tả Phách hộ. Như thế, hộ đây có nghĩa là cái cửa để nhiệt tả phát tiết ra vậy.

Phép chữa bệnh của Đông y bằng thuốc cũng như bằng châm cứu, thường hay có các lối bổ, tả kiêm thì. Ở đây bổ chánh với Cao hoang thì lại tả tả bằng Phách hộ vậy.

5/ Tuy vậy, nếu gặp trường hợp khó khăn hơn, ta không thể không bổ thêm Phế du, đồng thời tả hai huyết Đào đạo và Thân trụ như sách *Căn khôn sanh ý* đã dạy : «Cao hoang Đào đạo, Thân trụ, Phế du vi trị hư tổn ngũ lao, thất thương khản yếu chi huyết » v.v.

6/ Đối với trẻ con như cô nhân đã dạy là «thuần dương chi thể» tuyệt đối không được cứu Cao hoang. Sách *Tuần kinh khảo huyết biên* nói : «Thanh niên chưa đủ 20 tuổi mà cứu ở Cao hoang, dù cho có tả Túc tam lý, hỏa củng cú đồn lên thượng tiêu mà gây nên nhiệt bệnh».

7/ Hầu hết các sách châm cứu đều dạy Cao hoang đều trị được các chứng di tinh, mộng tinh, nhưng nếu không biết chọn huyết mà phối dụng cho thích nghi thì Cao hoang với cái tố tính hay kích thích của nó, sẽ làm cho bệnh chứng nói trên càng nặng thêm lên. Ngay như các lão ông 60 tuổi mà cứu Cao hoang xong, đêm ngủ phần đông cũng không khỏi có những giấc mơ hoa. Bởi thế cô nhân đã phải có lời : «Cứu bổ Cao hoang xong, dương khí thể nào cũng vượng lên, nhưng hãy cố gắng mà thanh tâm tĩnh dục để bảo toàn thân mạng cũng như hiệu lực của sự cứu trị ấy».

8. Những người đang bị ngoại cảm có nghệt mũi hay là sổ mũi, và nhất là ôn độ đang lên cao, trong những lúc này, nếu thấy họ có triệu chứng phổi

yếu mà bỏ ở Cao hoang dù là bằng kim, ngoại tà cũng sẽ bị trôi lại làm cho bệnh chứng càng thêm khó gỡ.

9. Tất cả các sách châm cứu, tại mục nói về «bệnh ngược» đều nói là muốn trị sốt rét kinh niên thì phải lấy Cao hoang và Tỳ du làm huyết chủ yếu, nhưng Cao hoang ở đây cũng phải biết dùng cho đúng lúc thì mới mong thắng được bệnh. Nếu nhẹ lúc đang lên cơn mà châm Cao hoang thì không giải quyết được gì đã đành mà còn làm cho bệnh ấy càng thêm khó chữa.

Tuy vậy, châm đúng phép và đúng lúc cũng có trường hợp phát sanh phản ứng. Năm 1960 một vị kỹ sư công chánh đến nhà chúng tôi khám để chữa cho ông về một vài bệnh vặt. Nhân hỏi về quá khứ được ông cho biết vốn có bệnh sốt rét ngã nước nhưng nhờ uống nhiều thuốc Tây nên đã vãng cơn, tuy vậy người vẫn không được khỏe. Chúng tôi trắc định kinh lạc theo phương pháp Xích vũ thấy con số tỷ của ông khá lớn, mà nước da của ông lúc bấy giờ cũng không có huyết sắc, chúng tôi bèn châm bổ Cao hoang thì châm xong, ông cảm thấy khoan khoái. Nhưng đêm ấy cơn rét lại nổi lên dùng dùng làm ông sợ trốn thẳng. Năm sau đó một Pháp kiều nhân viên hãng Eiffel kỹ sư G. Letessier, được nhiều Pháp kiều khác giới thiệu đến nhà chúng tôi chữa cho về bệnh phong thấp. Nhân hỏi về lịch sử, chúng tôi được biết ông vốn bị sốt rét rất nặng và cứ tái đi tái lại hoài suốt mười mấy năm qua, mãi đến sau này nhờ uống nhiều Camoquin và Flavoquin thì bệnh mới chịu dứt. Tuy vậy tháng nào ông cũng có uống một vài liều đề đề phòng tái phát.

Chúng tôi trắc định kinh lạc thấy con số tỷ có vẻ khả nghi, hơn nữa bấm huyệt Chương môn cũng đau rõ rệt, chúng tôi không thể không châm bổ Cao hoang và châm xong tuy có phần dễ chịu song tối hôm ấy ông cũng bị phản ứng y hết như vị kỷ sư V.N kia.

Nhưng, lòng đầy tin tưởng, ông vẫn đến cho chúng tôi theo dõi để điều trị : Và nay mặc dầu đã đổi qua làm việc ở Mã đảo (Madagascar) ông vẫn viết thư về thăm và cảm ơn chúng tôi đã chữa cho ông khỏi cả phong thấp lẫn sốt rét.

Ngoài ra, cũng có một vài người mặc dầu châm cứu đã nhiều lần bệnh vẫn không hết, sau đó được họ cho biết là đi bệnh viện B.S khám bảo có vi trùng *Plasmodium falciparum*.

10. Các sách châm cứu đều dạy là Cao hoang trị được khái nghịch (ho dội lên) song nếu bệnh nhân là người thượng thiệt hạ hư, đầu nóng chân lạnh, đồng thời mạch cũng thốn cường xích nhược thì phải coi chừng ! Nếu không biết chọn huyệt mà điều chỉnh âm dương thì kim mới đề vào Cao hoang, cơn ho sẽ sẵn sàng đề dội lên làm cho cả thầy lẫn bệnh đều không khỏi hoảng hốt. Lúc đó có tả Túc tam lý cũng không đủ đề cứu vẫn được tình hình.

11. Các châm y đều thuộc nằm lòng là hễ đã bổ Cao hoang tức phải tả Túc tam lý, và đều hiểu rằng nếu không làm vậy tức bệnh nhân sẽ bị nóng cổ, khô miệng, đỏ mắt hoặc vung đầu v.v...

Nhưng tại sao với các huyệt khác thì không cần tả Túc tam lý mà chỉ riêng Cao hoang mới phải tả sự như vậy ? Xin đáp : Khi ta bổ Cao hoang tất cả sinh lực đều tập trung về tâm và phế,

không những đề tăng cường tác dụng của dinh vệ (thường quen đọc là vinh vệ) và gián tiếp hỗ trợ chánh khí, mà còn nâng đỡ ngũ tạng theo quy luật ngũ hành tương sinh.

Như trên đã nói, sinh lực tập trung về tâm phế làm cho cả hai tạng này đều mạnh, thì phế kim có mạnh thì mới sanh được thận thủy (tiên thiên) tâm hỏa có mạnh thì mới sanh được vị thổ (hậu thiên). Nhưng phế khí bản tính của nó là đi xuống song khốn thay ! vị thổ trong trường hợp này nhờ tâm hỏa tiếp sức nên mạnh lên mà vị thổ đã mạnh ắt chỉ đi lên gây trở lực cho sự đi xuống của phế. Tả Túc tam lý trong dịp này chính là để làm dịu vị thổ, vị thổ đã dịu rồi thì mới có thể sanh được thận thủy, mà vị thổ đã dịu tức sẽ đi xuống đề cho tỷ khi thăng lên. Danh y Diệp Thiên Sĩ đã từng nói : « Tỷ năng thăng tắc kiện, vị năng giáng tắc hòa » chính là đề chỉ cái trạng thái này, cái trạng thái mà Đông y dựa theo Dịch lý thường gọi là « Địa thiên thái ».

Xem đó ta thấy, bổ Cao hoang là để tạo nên một sự «chưu dư cần thiết» tại thượng tiêu (thuộc dương) bởi vì theo dịch lý thì bất cứ ở lãnh vực nào, «Dương» bao giờ cũng phải được quý trọng hơn «Âm». Hơn nữa, theo Nội kinh thì dương khí trong con người cũng như mặt trời ở giữa vũ trụ (tức tự nhiên giới) mà không có ánh sáng và sức nóng của mặt trời thì vạn vật sẽ không sao sanh tồn được¹. Trong con người cũng vậy, dương khí mà suy thì sức đề kháng sẽ giảm sút, bệnh tật

1. Dương khí đã nhược thiên dữ nhật, khuyết kỳ sở tác chiết thọ nhi bất chương (Nội kinh Tố Vấn) và

.....Sans ces atomes de soleil que les feuilles capturent dans leurs filets et qui, par leur extrémité viennent s'incarner en nous, adieu toute animalité, toute humanité, toute vie ! Dr J. Poucel
Du soleil à l'homme par la chlorophylle.

sẽ dễ dàng phát sanh mà sanh mạng của con người cũng không khỏi yếu chiết.

Bởi thế bỏ Cao hoang là cốt đề cho «*đương sanh*» tả Túc tam lý là đề tạo điều kiện cho «*âm trưởng*». Như vậy là cái sự mất quân bình lúc ban đầu sẽ không còn nữa.

Tuy nhiên đó chỉ mới là công thức thông thường, còn như đối với những người mà phần âm quá hư thì trước khi hay là sau khi tả Túc tam lý, ta không thể không chọn một vài huyết trên Nhâm mạch như Quan nguyên, Trung cực hoặc Khí hải để châm hoặc cứu bỏ nửa thì mới có thể tạo được sự quân bình cần thiết, mà sự quân bình đã vắng thì tật bệnh không còn cơ duyên để phát sinh ra nữa.¹

12/ Về khả năng của huyết Cao hoang, các sách đều hết lời tán dương cho nó là có thể chữa khỏi được cả trăm thứ bệnh, thậm chí nhà châm y Nhật bản là Thạch Bản Tôn Triết 2, quá cao hứng, đã giáng nói : «*Chẳng có bệnh gì mà Cao hoang không chữa được*». Nhưng căn cứ vào thực tiễn lâm sàng, chúng tôi đã nhận thấy qua nhiều năm kinh nghiệm là những người :

1. Xanh xao, bạc nhược
2. Hơi thở ngắn, làm việc mau mệt
3. Bị mất sức vì lao tâm lao lực
4. Yếu phổi dễ bị cảm nghẹt mũi, mỗi khi gặp thời tiết thay đổi
5. Đã có những dấu hiệu đầu tiên của phế lao
6. Đã dùng nhiều Streptomycine nhưng bệnh phổi không dứt hoặc tái đi tái lại hoài.
7. Đã từng bị sốt rét kinh niên v.v
8. Đau nặng môi bứt, muốn được chóng bình phục

9. Trẻ con vằng vặc

10. Bị suyễn kinh niên, phổi đã bị yếu suy

11. Thần kinh suy nhược hay quên trước, quên sau, bồn thần do dự, hay ưu sầu, hay chán nản v.v... là những người mà Cao hoang sẽ là huyết không thể thiếu sót để phục hồi sức khỏe và đem lại niềm an vui cho họ. Điều đáng lưu tâm là tại vị trí huyết Cao hoang của hạng người nói trên, đề ý mà nhìn ta sẽ thấy là thật ở đó thường hơi khuyết, nước da ở đó cũng có vẻ thiếu sanh khí, thậm chí khi chích, châm y cảm thấy rịn rịn như chích kim vào miếng da đã phơi khô, mà đó là chưa kể cái điều mà phần đông các châm y đều biết là bấm vào đó, bệnh nhân cảm thấy đau thốn một cách đặc biệt ra tháu cả lồng ngực

PHẦN KẾT LUẬN :

Qua những điều đã được trình bày trên đây, ngoại trừ 1 thiếu số có thành kiến không mấy tốt đẹp đối với khoa châm cứu như B.S Crouzet, tác giả sách *L'acupuncture devant le bon sens* chẳng hạn, thiết tưởng không ai có thể phủ nhận khả năng hiển nhiên và rộng lớn của Huyết Cao hoang.

Một bằng chứng hùng hồn nhất là các châm y thời xưa cũng như các châm y cận đại, mọi người làm việc tại một phương trời riêng biệt, ấy thế mà sự nhận xét của họ về cái huyết nói trên, đại khái đều tương đồng, có khác nhau chăng bất quá cũng chỉ khác về ngôn từ mà thôi.

1. Selon la tradition chinoise, l'état de santé de l'individu dépend de l'équilibre de toutes ses fonctions biologiques, équilibre qui conditionne les défenses et permet de réagir à toutes les agressions

Dr Quaglia Senta, *L'acupuncture chinoise* (1969)

2. Tác giả sách *Châm cứu thuyết ước* (Nhật Bản)

Độc đến đây hẳn không khỏi có người thắc mắc: « Nếu Cao hoang quả có hiệu năng thần thánh như vậy, tại sao còn có người đi hết thầy này đến bác sĩ khác mà rốt cuộc vẫn tiền mất tật mang! ? »

Xin đáp: « Hiệu năng của một huyết châm cứu cũng như hiệu của một vị thuốc 1 hay là của một phương pháp nào khác, không bao giờ có thể tuyệt đối cả, xem như Péniciline từng được coi là thần dược, nhưng kết quả nó đem lại đâu có phải bao giờ cũng tốt đẹp như nhau cả! Thực tế đã cho ta thấy là thỉnh thoảng nó lại làm cho bác sĩ có trách nhiệm phải điền đầu vì cái mà thể tục thường gọi là « Tô trác », 2 mà đó là chưa kể những trường hợp tương đối hy hữu hơn nữa, bệnh nhân trước đó đang còn lái xe được thể mà khi tiêm một mũi thuốc thần ấy, Y sĩ phải chứng kiến một cách đau lòng, sự chấm dứt cuộc đời của thân chủ mình 3. Nhưng cũng may là ngoài một ít nhiều chứng có thể xảy ra do sự học hành chưa đến nơi của châm y (những nhiều chứng này, may thay đều có thể gỡ được bởi một châm y có nhiều kinh nghiệm) Cao hoang chẳng bao giờ gây nguy hại đến mức như đã xảy ra với Pénicilline.

Đến như vấn đề hiệu năng thì việc dùng Cao hoang còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố mà có những kết quả mau, chậm, khó, dễ không đồng nhau. Bác sĩ Niboyet trải qua nhiều năm kinh nghiệm đã nhận thấy những người:

- 1- vừa mới bị rọi quang tuyến X.
- 2- trong mình vốn có nhiều độc tố (les intoxiqués)
- 3- mà vì nhu cầu trị liệu bác sĩ đã phải mở cắt rẻ thần kinh của họ

(radicotomie, résection sympathique) châm cứu cơ hồ không có được mấy kết quả nếu không nói là hoàn toàn vô hiệu lực.

Thật vậy đối với người dương hư nhưng bên trong không có đàm hỏa quá nhiều cũng như âm hư nhưng không có thấp nhiệt hay phong hỏa vọng động ở bên trong 4, thì chỉ châm ở Cao hoang (và lẽ dĩ nhiên có phối thêm một ít huyết đề tăng cường hiệu năng hoặc bổ âm hoặc bổ dương) cũng đủ để đem lại cho những bệnh nhân ấy cái sức khỏe mà họ đã mất. Ngược lại, nếu trong mình họ vốn bị phong đàm hay là thấp nhiệt quá nhiều (ta nên hiểu đàm và thấp là những danh từ bệnh lý dùng để chỉ những độc tố còn ẩn tàng trong cơ thể, còn phong và nhiệt là hiện tượng gây nên bởi sự phản ứng tự vệ của cơ thể) thì châm Cao hoang dù có kết quả thì kết quả ấy cũng chẳng được bền lâu nếu không có huyết giải độc, trừ phong khác trợ lực. Điển hình nhất là trong số những bệnh nhân bị xuyên nặng mà chúng tôi đã gặp, ước chừng có độ 10% họ cho biết là nếu có phong lở phát ra ở ngoài da thì bệnh xuyên của họ không còn đáng sợ nữa, và cơn xuyên chỉ phát lên dữ dội khi những đám phong ấy lặn đi. Để đối phó với

1. Nous ne sommes pas tous égaux devant les médicaments của D. Belloy, Science et Vie, Août 1971.

2. La pénicillinothérapie a des déboires, xem Les accidents provoqués par la Pénicilline Maladies médicamenteuses của C. Albahary trang 336.

3. Xem Le Risque thérapeutique của Guy Duchesnay trang 32 và Maladies médicamenteuses trang 339.

4. Thiên hư đi bổ dã, dương khí hư nhược thì vô đàm hỏa chi tương tập, hư bất thổ bổ dã âm hư hỏa động hoặc hư thấp nhiệt chi kiêm công (Y học nhập môn của Lý Đình)

những trường hợp này, ngoài một vài huyết trừ phong và sát trùng khác, chúng tôi thường phải dùng Tam lăng châm để xuất huyết Ủy trung và xuất huyết xong đa số bệnh nhân đều thấy cơn suyễn hạ dịu xuống một cách rõ rệt¹. Tuy vậy để cho được lành hẳn bệnh nhân phải được tiếp tục châm cứu thêm nhiều lần và nếu là trường hợp bệnh nặng, bệnh nhân còn phải uống thêm thuốc nữa.

Ngoài ra theo kinh nghiệm riêng của chúng tôi thì :

1.— Đối với những bệnh nhân có dấu hiệu phổi hư thật đấy, nhưng đã nhiều ngày qua không biết thêm ăn, cử chỉ khôn ngoan của một châm y có kinh nghiệm không phải là bỏ Cao hoang ngay mà trước hết dùng Thất tinh châm gõ trên những vị trí đã chọn lựa của Tỳ kinh hay Vị kinh².

2.— Nếu bệnh nhân vì có nhiều nỗi buồn phiền uất hận mà tâm phế bị đưa lên đến chỗ suy hư, châm y chỉ có thể thành công nếu biết phối hợp Cao hoang với những huyết thư can, giải uất và an thần³.

3.— Đối với những người bẩm sinh trí độn hay đã dùng quá nhiều thuốc hóa học, đặc biệt là thuốc an thần (tranquillisant) của Tây y, châm cứu theo lối thông thường, khó đem lại kết quả như ý muốn, châm y có thể khai thác những tiến bộ về kỹ thuật dùng chút ít Extrait placentaire làm thủy châm⁴ vào Cao hoang, kết quả thường rất tốt đẹp.

4.— Đối với những bệnh nhân thể chất quá mẫn cảm cũng như trẻ con nhất gan, dễ thấy kim là sợ, châm y có thể dùng các loại máy điện tử như Flexmètre của Pháp Tobiscope của Nga hay là Elektropunkteur của Đức mà làm Salvapuncture⁵.

Tại Pháp, người ta còn có cách dùng siêu âm ba (Ultrason) vào huyết với máy Ultratone. Sách Điện châm cứu trị liệu học cho biết tại Trung quốc, người ta cũng dùng siêu âm ba và xác nhận phương pháp này cũng có hiệu lực trong một số trường hợp.

Riêng về phương pháp dùng âm thanh dưới hình thức nhạc điệu để truyền vào huyết thay thế cho kim của BS J. LAMY (xem Acupuncture-Phonophorèse, édit. Maloine) thì một đồng nghiệp ở Pháp BS BORSARELLO trong bức thư mời gửi cho chúng tôi ngày 16. 6.72 vừa rồi có cho biết : « ý kiến thì hay song kỹ thuật chưa được hoàn hảo. »

Tuy nhiên, gặp lúc máy móc không sẵn, châm y có thể dùng ngay ngón tay của mình với những thủ thuật bỏ, tã để thay thế cho kim. Nữ Bác sĩ Châu Liên cũng có dùng phép chỉ châm này để bỏ huyết Cao hoang⁶. Đây là một phần của Ấn — Ma liệu pháp mà Bác sĩ NAMI KOSHI mùa hè năm 1971 đã

1. Xem luận án Y khoa Tiến sĩ về bệnh SUYỄN của Bác sĩ Lê văn Bằng (1971)

2. Xem Acupuncture par battement trong Stimulothérapie cutanée của Dr Daniaud.

3. Xem luận án Y khoa Tiến sĩ về Trị liệu Tâm bệnh theo Đông Y của Bác sĩ Đoàn văn Quỳnh (1971)

4. Thuốc có thể dùng để làm thủy châm có nhiều thứ nhưng theo Bác sĩ G. Armelin thì đến nay OZONE là thứ có công hiệu nhiều nhất.

5. Thay vì dùng kim, người ta dùng electrode punctiforme đi vào huyết rồi tùy theo nhu cầu mà cho điện bỏ hay điện tã vào. Tại bốn viện chúng tôi thường dùng máy Manaka, máy Noiro Mecter và máy Noistrom của Nhật bản. Các loại máy này còn có nhiều công dụng khác nữa. Tháng 3 năm 1971 một nhóm bác sĩ từng học tập châm cứu tại bốn viện có mượn máy Noistrom để dạy điểu huyết tại Y khoa Đại học Huế trước sự hiện diện của BS Khoa trưởng họ Bùi, thầy trò ai nấy đều hân hoan phấn khởi khi thấy máy ấy điểu huyết rất chính xác.

6. Xem Tán châm cứu học của Châu Liên trang 65.

quảng cáo rùm beng trên báo chí cũng như trên Tivi Nhật bản dưới danh xưng là Áp Chỉ liệu pháp. Gần đây, châm y J.LAVIER có cho ra cuốn *Micro massage chinois* chuyên luận về phương pháp này¹.

Nói tóm lại Cao hoang là một huyết châm cứu có hiệu năng rộng lớn, vừa trị được nhiều bệnh thuộc phạm vi thể chất, vừa gây được ảnh hưởng tốt ở trên lĩnh vực tâm linh, và trái với câu mà bạn Lưu ly ở trong Văn nghệ Tiền Phong số 670 đã dịch từ một tạp chí ngoại quốc : «...khoa châm cứu không chữa được các bệnh cơ thể thuần túy mà chỉ làm bớt được thôi.», Cao hoang còn trị được phế lao bằng cách tăng cường sức đề kháng của cơ thể, gián tiếp làm cho vi trùng lao không còn có điều kiện để sinh tồn được. Điều này, một Bác sĩ Pháp và ba Bác sĩ Lỗ đã xác nhận qua những lời mà chúng tôi đã trích dẫn trên đây.

Riêng kẻ viết bài này, vào năm 1912 có một thân nhân ở Pháp về sức khỏe bị giảm sút một cách đáng ngại buộc lòng họ phải đi bệnh viện. Bác sĩ giám đốc bệnh viện bài lao lúc đó là HOANG SỬ khám bảo phổi bị nấm, cho thử đàm thì đã có vi trùng Koch. Nhưng nước nhà lúc bấy giờ bị quân Nhật chiếm đóng (thuốc tây ngoài Panxylon, Cinnozyl, và Biocholine không còn gì khác hơn đề trị phế lao), thuốc men cực kỳ khan hiếm, bệnh nhân đành phải ý lại vào Đông y.

Chúng tôi mặc dù có cho uống thuốc Bắc song đặt kỳ vọng nhiều hơn ở châm cứu trong đó có Cao hoang. Chữa như vậy luôn ba tháng bệnh nhân lên cân và mạnh khỏe hẳn lên, qua bệnh viện bác sĩ H.S. khám lại bảo phổi đã trắng mà đàm cũng không có vi trùng Koch nữa.

Gần đây nhất, vào năm 1971, một vị quận trưởng ở Gia hội nhân cảm thấy bần thần, uể oải và đau lưng, tìm đến bốn viện để nhờ chúng tôi săn sóc. Nhân vận dụng tứ chẩn bát cương, biết ông ấy phế thận suy hư, chúng tôi định châm cứu xong sẽ cho phái, nhưng châm xong (cổ nhiên là có châm Cao hoang) ông cho biết người rất khoan khoái, và nếu trước kia tri não bần thần không muốn hoạt động thì bây giờ đã thấy sáng suốt và vui vẻ yêu đời.

Tuy nhiên, đề khởi ngộ nhận, tưởng độc giả cũng nên hiểu là khác với Tây y, xây dựng trên khoa học phân tích, Đông y lại là một nền y học tổng hợp đặt nền móng trên quan niệm chính thể (conception unitaire), bởi vậy một Đông y sĩ xứng đáng với danh nghĩa ấy, luôn luôn có một cái nhìn tổng quát, khi xét bệnh thường vận dụng tứ chẩn, bát cương, mà khi trị bệnh cũng còn phải kết hợp những kiến thức về tạng tượng, về kinh lạc, về âm dương ngũ hành để chiết trung mà tìm ra một hoàn cảnh riêng biệt, quyết không có cái lối «đầu thống y đầu, cườc thống y cườc» như những thời y, mới đọc được một trang sách hay là nghe lóm được một nhận xét chưa hẳn là đúng, đã vội múa gậy vườn hoang như : «Phê hư thì bổ Thái nguyên, Phế thiệt Xích trạch ra liên tả ngày» hay là thấy suyễn thì chủ trương dùng Chiên trung, tưởng tượng một cách hơi hợt rằng huyết này «nằm ở giữa ngực, điều khiển được thượng tiêu chủ về hô hấp» ắt có thể chữa khỏi bất cứ loại suyễn gì, không hiểu rằng theo tạng tượng học

1. Il est employé non seulement par les spécialistes mais aussi par les acupuncteurs qui, devant un enfant ou un malade pusillanime qui refuse les aiguilles, traitent ainsi les dermatoses indiquées par le cas.

J. LAVIER *Le micro — massage chinois*, édit Maloine (1970).

thuyết thì «phế vi khí chi chủ, thận thiệt vi khí chi căn» như Cụ Hải thượng đã thường nhắc nhở. Như gặp trường hợp hư suyễn, hạ tiêu hư khuỵ không liễm nạp được nguyên khí, nếu không trọng dụng Quan nguyên, Khí hải, Thận du đề củng cố hạ tiêu mà cầu nệ «Chiên trung điều khiển được thượng tiêu, chủ về hô hấp» thì thiệt chẳng khác gì cây sắp bị lòi gộc mà cứ lo mức nước đề tưới ngọn.

Hơn nữa suyễn chỉ là cái tên vấn tấ của hạo suyễn, mà hạo có hàn hạo và nhiệt hạo, suyễn có hư suyễn thiệt suyễn và suyễn do phong độc nội công (xem luận án về bệnh suyễn của BS Lê văn Bàng); lúc lâm chứng một châm y có thực học không thể không vận dụng tứ chẩn bát cương cộng thêm với những kiến thức về tạng tượng và kinh lạc, đề nhận định cho sáng suốt, khác hẳn với những châm y không có căn bản văn hóa, chỉ được huấn luyện cấp tốc trong 2, 3 tháng, chỉ biết áp dụng một cách máy móc Chiên trung đề trị bệnh suyễn, Y hy đề trị sốt rét rừng v.v., châm lia châm lịa, không cần biết có trúng huyết hay không bởi vì châm xong họ còn cho uống thuốc trụ sinh được thay đổi hình dạng, hoặc hoàn, tán, cao, đơn đã được loại bỏ toa nhãn như chúng tôi đã thấy. Trong số những châm y này có độ trên mười người tự thấy không thể tự đối và đối người mãi như vậy nên có đến xin thụ huấn với chúng tôi, nhưng rất tiếc lúc này chúng tôi tuổi đã già không còn đủ sức để dạy cho những người tự xưng là châm y mà chữ Hán đọc không đi, chữ Pháp thì mù tịt và nhất là họ chỉ đòi học thực hành, muốn biết huyết gì hay về bệnh này huyết gì có công hiệu rõ rệt đối với bệnh kia chứ không chịu học lý thuyết.

Còn như phối hư cũng vậy, không

phải lúc nào cũng có thể bổ Thái uyên cả, ví dụ vi tỷ vị yếu suy ăn uống không tiêu, thổ không sinh được kim thì bổ Túc tam lý (hợp thổ) trong trường hợp này tức là gián tiếp bổ phế vậy¹. Ngoài ra như đại trường bị thọ độc mà phế bị ảnh hưởng xấu thì trong trường hợp này tả Khúc tri cũng là một phép bổ phế nữa vậy. Đến như trường hợp can hỏa vượng, một châm y có học thức không thể không áp dụng tinh thần của điều thứ 75 trong nạn kinh «Kinh ngôn : Đông phương thiệt (can vượng) tây phương hư (phế hư) tả nam phương (tâm hỏa), bổ bắc phương (thận thủy) ...» Thật vậy, can hỏa vượng mà tả tâm hỏa chính là áp dụng nguyên tắc «thiệt tắc tả kỳ tử», phế hư mà bổ thận tức là áp dụng nguyên tắc «tử năng linh mẫu thiệt» vậy v.v...²

Những điều vừa kể trên đây chúng tôi đã dùng máy Lương đạo lạc (tức Nihon Neuro Meter Words) của Bác sĩ Trung cốt Nghĩa Hùng để kiểm soát thì thấy kết quả hoàn toàn đúng với quy luật âm dương ngũ hành, và do đó, độc giả cũng có thể suy diễn mà hiểu rằng Cao hoang cũng như mọi huyết khác, nó chỉ có thể phát huy hiệu năng khi nó hội đủ điều kiện về mạch chứng³

Sách Bioénergétique et médecine Chinoise của ba bác sĩ Borsarello, Duron, và Méry có nói : «Một châm y

1. Xem Kinh lạc trị liệu giảng thoại của Bần gian Trường Bạch (y đạo Nhật bản xã).

2. Những nguyên tắc «hư, tắc bổ kỳ mấu; thiệt, tắc tả kỳ tử, tử năng linh mẫu thiệt, mẫu năng linh tử hư» v.v... đều có giảng trong Trắc tu Viên y thư thất thập nhị chủng tại mục ngũ hành điển đảo.

3. un point ne devient actif qu'en fonction du trouble, du déséquilibre de l'énergie que présente un malade à un moment déterminé. Autrement dit, un point n'est pas un médicament et n'agit qu'en fonction de la réunion de conditions d'efficacité bien déterminées. Dr Nibovet (Traité d'Acupuncture).

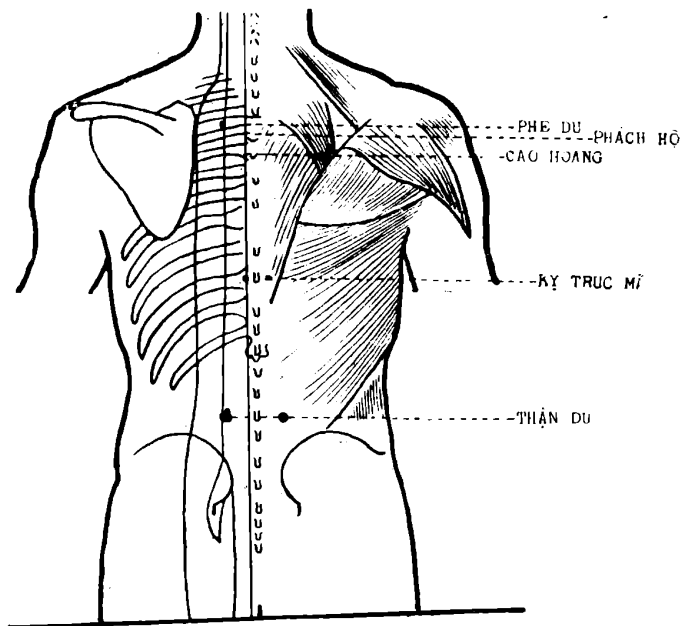
ở thời đại này không thể là hạng người chỉ áp dụng một cách mù quáng những phương thức cố định, mà trái lại phải dùng một kỹ thuật hợp lý dựa trên nhiều dữ kiện...»¹

Và cách đây đến những mấy mươi thế kỷ về trước, sách Nội kinh Linh-xu tại thiên Cửu châm thập nhị nguyên cũng đã có câu : «phạm dạy châm tất tiên chẩn mạch» (với hai chữ chẩn mạch đây, cổ nhân muốn chúng ta phải hiểu ngầm rằng đã là châm y tất phải biết âm dương, ngũ hành, kinh lạc, tạng tượng, v.v... là những điều đã được dạy trong Châm kinh và trong Mạch học).

Danh y Dụ-gia-Nhôn nhân thấy nhiều người vì không hiểu kinh lạc và tạng tượng mà phạm nhiều lỗi lầm nên đã phải thốt ra cái câu bất hủ : «Bất tri tạng phủ kinh lạc ; khai khẩu động thủ tiện thác».

1. Sách *Biénergétique et médecine chinoise* do ba bác sĩ Borsarello, Duron và Mery hợp soạn và do nhà xuất bản Maisonneuve ấn hành, sẽ ra mắt độc giả vào cuối năm 1972 này. Vì tình quen biết bác sĩ Borsarello đã gửi bản thảo cho tôi đọc trước, do đó mới có phần trích dẫn dưới đây :

«Le praticien acupuncteur doit être de nos jours non pas celui qui applique inconsidérément des recettes empiriques de formulaire, mais une technique raisonnée qui tient compte d'un grand nombre de paramètres...»



NHỮNG TÀI LIỆU ĐÃ THAM KHẢO

Phần Hán Văn :

1. Hoàng đế Nội kinh Tổ vấn dịch thích (Nam Kinh 1960)
2. Châm cứu Đại thành của Dương kế Châu (Cầm chương đồ thơ quán Thượng Hải)

3. Y học nhập môn của Lý Đình
4. Tạng đình Trung quốc châm cứu trị liệu học của Thừa Đạm Am (Giang tô)
5. Trung quốc y học đại từ điển của Tạ Quan (Thượng Hải)
6. Kiến minh châm cứu y học của Thần tình văn Long (Nhật Bản 1937)
7. Cao đẳng châm cứu học giảng nghĩa của Trư Hựu Khải Nham (Nhật Bản)
8. Châm cứu chân tủy của Đại điển văn chí (Nhật Bản 1958)
9. Tân châm cứu học của Châu Liên (Bắc Kinh 1954)
10. Tuần kinh khảo huyết biên của Nghiêm chấn Thức (Thượng Hải 1960)
11. Châm cứu ca phú tuyển giải của Trần bích Lưu (Bắc Kinh 1960)
12. Châm cứu kinh huyết khái yếu của Liễu cốc Tố Linh (Nhật Bản 1960)
13. Châm cứu du huyết học của Thượng Hải Trung y học viện (1964)
14. Châm cứu học thủ sách của Vương Tuyết Đài (Bắc Kinh 1967)
15. Điện châm cứu trị liệu học của Phùng thiên ẩm (Thượng Hải 1970)
16. Nạn kinh của Biền Thước
17. Trần tu Viên y thư thất thập nhị chủng của Trần niệm Tô
18. Kinh lạc trị liệu giảng thoại của Bồn giang Tường Bạch (Y đạo chi Nhật bồn xã)
19. Kinh lạc học đồ thuyết của Lục siêu Yển (Thượng Hải 1959)

Phần Pháp Văn :

1. La pratique de l'acupuncture của Dr J. Kalmar
2. Précis de la vraie acupuncture chinoise của S. de Morant.
3. Bulletin de la Société d'acupuncture số 15 (1955)
4. Traité d'acupuncture của Dr De la Fuye (Paris 1956)
5. Revue internationale d'acupuncture số 3 (1949) và số 56 (1961)
6. Acupuncture chinoise của Soulié De Morant (Laffite Paris 1957)
7. L'acupuncture chinoise của Dr Quaglia Senta (Maisonneuve 1969)
8. Stimulothérapie cutanée của Dr Daniaud (Maloine 1964)
9. Association Acupuncture et Ozonothérapie của Dr. G. Armelin (Maloine 1970)
10. Le micromassage chinois của J. A. Lavier (Maloine 1970)
11. L'énergétique humaine en Médecine của 2 bác sĩ A. Chamfrault và Nguyễn văn Nghi (Angoulême 1969)
12. Guérir 1-1950, 7-1950, 8-1950 và 12-1955
13. Le Risque thérapeutique Dr Guy Duchesnay (Doin Paris)
14. Maladies médicamenteuses của Dr C. Albahary (Masson Paris)
15. Science et Vie Août 1971 và Novembre 1971
- 16 L'acupuncture devant le bon sens của B.S. J. Ph. Crouzet (Vigot Paris)

17. Traité d'acupuncture Dr Niboyet (Maisonneuve 1970)
 18. Bioénergétique et médecine chinoise của 3 bác sĩ Borsarello, Duron và Méry (Edition Maisonneuve 1972)

SUMMARY

Kao Roang, a disinfectant and anti-TB acupuncture point ?
 by Trần-İiễn-Hy

The author, an acupuncturist practicing in Huế (Center Viet-Nam), presents a precise study of a traditional acupuncture point, i. e. Kao Roang.

After an etymological analysis of the term Kao Roang, some pertinent Western references are furnished, insisting particularly on the hematopoietic and/or immunogenic actions of the Cao Roang point.

The author's personal experiences are then described, covering point-locating techniques, indications, contraindications, side effects and results.

Some cases of TB cured by acupuncture are finally related.

(Phương Đông, November 1972, 17)

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

HIẾN CHẾ — SẮC LỆNH — TUYÊN NGÔN

+ BẢN DỊCH MỚI của Phân Khoa Thần Học PIÔ X. Đàlạt.

- * theo bản chính thức La ngữ.
- * với phần nhập đề tổng quát.
- * với các ghi chú, lời giới thiệu và chú thích cho từng văn kiện,
- * với bản trích dẫn Thánh Kinh, bản phân tích chủ đề, bản mục lục chi tiết các văn kiện.

+ SÁCH dày 1.150 trang, khổ 14 x 20, kỹ thuật ấn loát tinh vi...

+ PHÁT HÀNH vào tháng 10/1972. Giá 1.200\$.

Địa chỉ liên lạc :

- LM Phil. Gomez, S.J., Giáo Hoàng Học Viện, H.T. 88, Đàlạt.
- LM Ant. Vũ hùng Tôn, Trường Suối Nhạc, Nhà thờ Ngã Sáu Chợt.
- Tòa báo Phương Đông.

Một tài liệu lịch sử Y-học

NGUYỄN-ĐỒNG-DI

Khảo cứu ông Trương-Trọng-Cảnh Lúc sanh và khi chết ở thời nào

TIỀN nhân biên chép các y thư đều nói « Ông Trương-Trọng-Cảnh là người đời Hậu Hán », còn việc Ông sanh vào lúc nào, chết vào thời nào không sách nào dẫn thuật rõ ràng. Thật là một việc sơ suất đáng tiếc. Nay căn cứ theo các sách đề khảo cứu, lược liệt những chỗ đáng tin cậy, cống hiến bạn đọc một thiên tài liệu, có lĩnh cách quan hệ với lịch sử y học như sau :

Căn cứ theo Sách Thái Bình Ngự Giải dẫn thuật lời Biệt truyện của Ông Hà Ngung nói: « Ông Trương-Trọng-Cảnh lúc còn chưa chóp đến học thuốc với Ông Ngung, Ông Ngung đoán biết Ông Trọng-Cảnh sau này sẽ trở thành bậc danh y ». Lại nữa, tra cứu sách Hán Thư truyện Ông Hà Ngung nói: Ông Ngung thuở nhỏ du học ở đất Lạc Dương, tuy tuổi còn thơ ấu, mà giao du với Ông Quách-Lâm-Tông và Ông Giả-Vi-Tiết rất thân mật. Xét Ông Quách-Lâm-Tông chết vào niên hiệu Kiến Trung năm thứ 2, lúc chết Ông được 42 tuổi. Thế mà Ông Ngung đối với Ông Tông thì thuộc về hàng hậu tấn, lẽ dĩ nhiên Ông Ngung phải nhỏ hơn Ông Tông mười mấy tuổi. Ông Ngung lại kêu Ông Trọng-Cảnh là đứa nhỏ còn chưa chóp, thì được biết Ông Trọng-Cảnh còn nhỏ hơn Ông Ngung mười mấy tuổi nữa.

Thế thì năm thứ 2 niên hiệu Kiến An, lúc ông Tông 42 tuổi, ông Trọng-Cảnh giỏi lắm là ngoài hai mươi tuổi. Do đây đề suy tính, thì được biết ông Trọng-Cảnh sanh vào năm đầu Vua Hán-Hế.

Cứ theo lời tựa Sách Giáp-Ất-Kinh của ông Hoàng-Phủ-Mật, ông Trọng-Cảnh tiếp kiến ông Vương-Trọng-Tuyên, lúc đó ông Tuyên trên hai mươi tuổi, tiên đoán ông Tuyên bốn chục (40) tuổi thì chân mảy rụng, nửa năm sau thì chết. Tra cứu Sách Tam-Quốc-Chí: Ông Trọng-Tuyên lúc 17 tuổi theo giúp ông Lưu-Biêu ở đất Kinh-Châu, chết vào mùa Xuân năm thứ 22 niên hiệu Kiến An nhà Hán, lúc chết ông được 41 tuổi. Lấy đây suy nghiệm, được biết ông Trọng-Cảnh tiếp kiến ông Trọng-Tuyên nhằm năm đầu niên hiệu Kiến An, lúc ông Trọng-Tuyên chết, ông Trọng-Cảnh đã trên năm mươi (50) tuổi, hai ông đồng ở đất Kinh-Châu.

Sách Hậu-Hán·Truyện Lưu-Y: Niên hiệu Kiến-An năm thứ ba, Quan Thái-Thủ đất Trường-Sa là Trương-Tiện làm phản, Lưu-Biêu đem binh đánh dẹp. Lời chú dẫn Truyện Anh Hùng Chí nói Trương Tiện vốn là người Nam Dương. Nay xét Trương Trọng Cảnh cũng là người Nam Dương, mà lại đồng tông với Trương Tiện. Cứ theo đoạn sau lời tựa sách Thương Hàn Luận gọi ông Trọng Cảnh là: Trường Sa Thái Thú, chưa biết rõ ông làm quan Thái Thú ở Trường Sa, trước Trương Tiện hay sau Trương Tiện? Trong lời tựa nói: Kỷ nguyên Kiến An chưa đầy mười năm, mà giòng họ ông chết non hai phần ba, hết bảy phần mười chết vì bệnh Thương Hàn! Do theo đây mà suy luận, thì sau niên hiệu Kiến An ba năm, ông Trọng Cảnh mới đắc nhậm đất Trường Sa. Người Nhật bản ông Đơn Ba và ông Ngươn Tiết Liêm Phu nói: Sau khi Lưu Biêu dẹp xong loạn Trương Tiện mới phong ông Trọng Cảnh đến thay thế, lời nói tuy không đủ bằng chứng, nhưng cũng có thể tin cậy được phần nào. Ông Trọng Cảnh viết Sách Thương Hàn Luận sau niên hiệu Kiến An mười năm, lúc ấy Ông đã thôi làm quan, trở về vườn cũng ăn dật ở đất Nam Dương, tuổi ông trên sáu mươi.

Ông Vương Bỉnh làm lời tựa sách Tổ Vấn nói: Nhà Chu có ông Tăn Công, Nhà Hán có Thuần Du Công, Nhà Ngụy có Trương Công, Hoa Công... Trương Công là chỉ cho Trương Trọng Cảnh, Hoa Công là chỉ cho Ngươn Hóa. Đất Nam Dương năm thứ 13 niên hiệu Kiến An, Lưu Tông đầu hàng Tào Tháo, vĩnh viễn làm vật sở hữu của Tào Tháo. Qua năm thứ 18 Tào Tháo tự lập làm Ngụy Công đến năm thứ 25 thì Tào Tháo chết. Tào Phi sáng ngôi, đặt quốc hiệu là Ngụy. Ông Vương Bỉnh gọi ông Trọng Cảnh là người nhà Ngụy, thì chắc chắn ông Trọng Cảnh chết vào năm đầu của Ngụy Hoàng Đế. Tính theo số năm thì ông Trọng Cảnh sống trên 80 tuổi, chết ở đất Nam Dương. Và tra Cứu sách Nam Dương Chí nói: Ngôi mộ ông cách Đông Thành bốn dặm.

Xét thấy ông Trọng Cảnh tuy ở trong đất Ngụy, nhưng ông ghét thâm xương cái thói gian hùng của Tào Tháo. Hơn nữa, Tào Tháo lại nhân tâm giết chết Hoa Đà! cho nên ông Trọng Cảnh ăn dật cầu an, không ra làm quan với Tào Tháo, xem bài tựa sách Thương Hàn Luận, bài xích thống mạ bọn tham lợi quên mình rất thống thiết, là lời nói có chỗ ám chỉ vậy. Và nói: những kẻ mình triết không nên vì lợi lộc mà xu phụ theo bọn quyền gian... sau chót lời tựa Thương Hàn Luận, ông biên năm tháng và tự xưng là Trường Sa Thái Thú, mà không biên niên hiệu (kỷ nguyên của nhà vua), là thấy rõ ông không kể có nhà Ngụy vậy.

Người nhà Thanh ông Tang Văn biên lời mộ chí cho Y Thánh Trương Trọng Cảnh nói: Tiên sinh là người xứ Niết Dương. Niết Dương xưa thuộc đất Du Uyển, cho nên biết chắc ông là người Quận Nam Dương. Trên đồi cao ở phía đông quận, ngôi mộ và nền nhà cũ của Ông vẫn còn.

Năm đầu niên hiệu Hồng Võ, sai ông Quách Văn dựng lại mộ bia, thì ngôi mộ ông Trọng Cảnh đã phẳng lì. Niên hiệu Sùng Trinh năm Mậu tuất, các sanh đồ ở đất Nam Dương có người tên Ưng Biết bệnh Thương hàn hấp hối, trong cơn hốt hoảng, nằm mộng thấy một vị thần nhờn lấy tay vỗ lên mình, bắt giắc cảm thấy thân thể nhẹ nhàng. Anh cung kính hỏi ông là ai ? Đáp : Ta là Hán Nam Dương Trương Trọng Cảnh, cách đông thành bốn dặm có đền thờ. sau đền thờ 77 bộ có ngôi mộ ta, vì lâu đời, nay đã lị phẳng hoang vu, hiện nay lại còn bị người ta đào một miệng giếng ngay trên mộ, lấp bằng miệng giếng này duy có người ! nói xong liền biến mất. Khi tỉnh dậy, bệnh anh dần dần khỏi, lúc thật mạnh, anh Ưng Biết đến Nam Dương, tìm đền thờ và mồ mả ông Trọng Cảnh, nhưng không gặp ; vào bái yết miếu Tam Hoàng, thấy có tượng đá ông trọng Cảnh, đi lần ra phía sau tìm ngôi mộ, nhưng vì ông từ giữ miếu đã dọn dẹp trồng phải để lập một vườn rau ở phía sau. Cách vài năm sau vì thiếu nước tưới vườn, nên phải đào một miệng giếng ngay giữa vườn, khi đào sâu xuống hơn một trượng, gặp một bia đá có khắc chữ « HÁN TRƯỜNG SA THÁI THỦ Y THÁNH TRƯƠNG TRỌNG CẢNH CHI MỘ » phía dưới tấm bia có thạch động sâu thăm thẳm, nhìn xuống tối om, và có tiếng sấm gió vang vọng, khiến kẻ đào giếng hoảng sợ, lật đặt lấp lại.

Đầu niên hiệu Thuận Trị, Ưng Biết làm chức Tư Huấn ở Côn Dương, khi vào quận, đi ngang qua ngôi mộ của Y Thánh, thì thấy ngôi mộ đã được lấp bằng, nhưng nền năm chưa được xây đắp đàng hoàng. Quan Phủ Thừa Uyên là Trương Tam Dực nghe kể chuyện, nhân vì tu bổ lại ngôi mộ và đền thờ. Sự tích này trích trong thiên Trọng Cảnh Từ Mộ Ký. Thấy ở sách Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành và Nam Dương Phủ Chí.

Tra cứu, trên mộ bia xưng tằng «Y Thánh» là do người đời Tống đời Nguyên sáng lập, bởi qua đời Tống mới tôn xưng ông Trương Trọng Cảnh là Y Thánh. Song căn cứ theo đây cũng đủ chứng chắc rằng : Từ đời Tống về trước nói ông Trương Trọng Cảnh chết ở Nam Dương là đáng tin cậy. Nay nhiều xứ có mộ ông Trương Trọng Cảnh, đó chẳng qua là việc tuyên truyền cho bona địa của họ vậy thôi.

NGUYỄN ĐỒNG DI

Đông Y Sĩ

SUMMARY

Chang Chung-Ching, his birthday and his death by Nguyễn-đồng-Di

Chang Chung-Ching, the foremost Chinese physician of the second century, known as the « Medical Sage », was the Hippocrates of China, and is thought to have lived under the later Han dynasty.

The author, compiling some data collected from different historic publications, tries to trace out the exact time and period in which Chang lived.

(Phương Đông, November 1972, 17)

Mụ vườn và lang vườn

BÌNH-NGUYỄN LỘC

NGUỆT san Phương Đông muốn thấy quan sát và nhận xét của một người không chuyên môn, về những người trị bệnh mà cũng không chuyên môn. Vì thế mới có bài này. Nhưng chúng tôi xin định nghĩa danh từ dùng ở đây để tránh gây ngộ nhận. Những ông thầy Đông y không được nói tới trong bài này, vì đa số xem họ là những nhà chuyên môn. Vậy các vị Đông y ở làng mà có không giỏi đi nữa, cũng được chúng tôi chữa ra. Những người mà chúng tôi nói đến, được dân miền Nam gọi là thầy thuốc Nam và phải hiểu rằng Nam ở đây, không có nghĩa là Nam Việt, mà là Việt, đối lại với thầy thuốc Bắc, mà ta phải hiểu là các thầy thuốc đại học y khoa của Trung hoa.

Nam = Việt

Bắc = Trung hoa

Cụ Hải Thượng Lãn ông, mặc dầu đã nghiên cứu riêng, đã phát minh riêng, nhưng theo lối hiểu trên đây, cụ là thầy thuốc Bắc, vì cụ đã hành nghề với căn bản y lý của Trung hoa. Đó là những vị đa số đã quen gọi là Đông y, nhưng chúng tôi gọi khác cũng cứ để tránh ngộ nhận. Ở Đông phương có hai nền y học lớn: y học Ấn độ và y học Trung hoa. Nhưng ta chỉ biết có một thứ thì gọi các ông là Đông y, hơi xô bồ. Tôi gọi quý vị đó là Y sĩ theo y lý Trung hoa.

Các thầy thuốc Nam, được tôi gọi là Việt y, vì họ tuyệt đối không biết y lý Trung hoa, và họ hành nghề theo hiểu biết riêng của dân tộc ta, khác hẳn cụ Hải thượng Lãn ông. Như thế, cho rằng họ không là nhà chuyên môn thì quá bất công, bởi dẫu giỏi, dẫu dở, họ cũng phải có học nhiều năm. Nhưng không ai coi họ là nhà chuyên môn, tôi cũng đành phải theo thói quen của đa số. Cái mà tôi gọi là Việt y, hơi lớn lối, vì chưa có một hệ thống y lý nào hết mà tất cả đều qui lại ở được phẩm. Tuy nhiên có những y lý không đúng thì cũng chẳng hơn gì là không có y lý; nên tôi cứ gọi cái đó là Việt y. Danh từ «thầy thuốc Nam» đã hơi dài, lại phải định nghĩa thành thử ở tên bài, chúng tôi tạm dùng danh từ Lang vườn, mặc dầu danh từ Lang vườn cũng được dùng để gọi các vị Đông y ở nông thôn. Nhưng xin không kể tên bài mà chỉ kể nội dung của bài mà thôi. Những gì chuyên môn, đã được các nhà chuyên môn nói đến ở phần đầu. Đây là giới thiệu một cộng đồng mà thị dân không biết là có, nhưng rất quan trọng đối với nông dân.

MỤ VƯỜN

Trên kia, chúng tôi đã nói đến những người không chuyên môn, nhưng riêng các bà mụ vườn thì chuyên môn thật sự và có học hẳn hoi. Cái học của họ, riêng chúng tôi thấy là không đúng, nhưng quả thật họ có học. Và cái

khoa mà họ đã học được, đã thành hệ thống, chứ không phải là họ hành động tùy hứng của mỗi cá nhân. Bà nào cũng làm y như thế cả. Có một điều này làm cho chúng tôi ngạc nhiên lắm là trong những câu chuyện mà quý vị Đông y nói với nhau về nghề nghiệp, quý vị không có đả động tới sản khoa, làm như đó là một ngành riêng, không dính líu tới Đông y.

Chúng tôi cũng nghe nói tới nhiều tên sách Đông y, như là bác sĩ Huard thì đã kê ra hết tất cả sách thuốc của Tàu từ cổ chí kim, với tên soạn giả, thời điểm sách được soạn, và nội dung của sách, nhưng tôi không nhớ là có thấy sách sản khoa trong quyền nghiên cứu đó.

Vài thứ thuốc mà các cụ vườn dưng thì đa số quý vị Đông y không biết, nhờ tìm tòi riêng, chứ không phải nhờ sách vở. Thuốc ấy hình như thuộc loại bí truyền.

Công việc đầu tiên. — Các bà cụ vườn miền Nam thường làm công việc này trước nhất, và hay lạm dụng, trong nhiều trường hợp không cần thiết Họ cho sản phụ uống thuốc «giục». Những thiếu phụ sanh con so luôn luôn chuyển bụng lâu lắm, lắm cô chuyển bụng 24 tiếng đồng hồ mà không sanh đẻ gì hết. Trong trường hợp ấy, người nhà của sản phụ sốt ruột và các bà cụ vườn thường cho uống thuốc giục, để lấy uy tín là mình tài thánh, cải thiên nhiên được. Đó là thuốc thật sự chứ không phải là bùa chú của thầy phù thủy, và là loại thuốc bí truyền mà có vài vị Đông y không biết. Theo cuộc điều tra của chúng tôi như thế này:

1/ Loại thuốc ấy có tác động trên cơ thể của con người không phù hợp với ý muốn của các bà cụ vườn và với gia đình của sản phụ. Thuốc làm cho người uống thuốc mắc rặn, kè cả đàn ông nữa, nếu họ uống lầm thuốc đó. Nhưng chỉ có thể thôi chứ không sanh đẻ gì hết. Một vài nhà chuyên môn mà chúng tôi hỏi ý kiến, họ có khám những sản phụ uống thuốc giục, rồi vì lẽ đó được đưa vào nhà thương.

2/ Nhà chuyên môn khám và thấy rằng cửa tử cung không có nở trong khi người uống thuốc cứ tiếp tục mắc rặn. Vậy đó là một dược chất mà tác động chỉ có nửa chừng, tức gây ra sự mắc rặn, mà không làm cho cửa tử cung nở. Như thế thì thiếu phụ uống thuốc, không đẻ được, không có gì đáng ngạc nhiên.

3/ Những người uống thuốc mà không đẻ được, khi được chở tới nhà thương, thường thì đã đuối sức vì sự rặn quá nhiều giờ, làm cho họ mệt.

4/ Nhưng đó là trường hợp ít xảy ra, bởi thường thì đẻ con so, không phải luôn luôn chuyển bụng suốt 24 tiếng đồng hồ, mà chỉ là 7,8 tiếng. Các bà cụ chỉ cho uống thuốc 3-4 tiếng đồng hồ sau khi sản phụ bắt đầu đau đẻ. Rồi thì tự nhiên các cô sanh, sau đó, và thuốc xem là hiệu nghiệm thật sự, nhưng nó chỉ là sự trùng phùng tình cờ của công việc tự nhiên với việc uống thuốc. Chúng tôi nghe nhiều vị Đông y không tán thành việc sử dụng loại thuốc bí truyền đó.

Món thuốc thứ nhì. — Món thuốc thứ nhì mà các bà mụ vườn thường cho uống, được toàn thể Đông y đều biết. Đó là vị Tỏi hồng hoa, một loại hoa của một thứ cỏ, có được tán làm cho lưu huyết (emménagogue). Các bác sĩ Tây y thường kêu trời vì hậu quả tai hại của Tỏi-hồng-hoa. Số sản phụ uống Tỏi hồng hoa được chở vào nhà thương có thể lên đến 30 phần trăm. Vì thuốc đó gây lưu huyết quá mạnh, sản phụ sanh đẻ tốt lành, bỗng hóa ra chứng lưu huyết một cách nhơn tạo, mà kẻ cho uống thuốc lại không biết thuốc cầm huyết lại. Trị liệu đó căn cứ trên một thành kiến lâu đời không biết rõ ở Trung Bắc ra sao, nhưng ở miền Nam thì như thế này: máu đẻ là máu độc cần phải cho nó lưu ra càng nhiều càng tốt, sau khi đưa hải nhi lọt khỏi lòng mẹ. Chúng tôi cho là thành kiến, là có ý kiến riêng của một kẻ không chuyên môn mà biết suy luận, chớ không rõ y học Đông phương nghĩ sao vì chúng tôi không có học khoa đó. Theo chúng tôi thì nếu quả máu đẻ mà có độc đi chăng nữa, thì phải trị bằng thuốc lọc máu, chớ trị như thế, còn gì sản phụ. Nhưng cũng cứ suy luận, chúng tôi thấy rằng không làm sao mà máu ấy lại độc được.

Trong các thứ Tỏi hồng hoa, có loại «Tây tạng hồng hoa» quá mạnh, bà mụ vườn nào dùng chất Tây tạng hồng hoa thì thường khi sản phụ được đưa vào nhà thương.

Công việc thứ ba. — Công việc thứ ba của các bà mụ vườn đúng hay sai, thì cũng chỉ có các nhà chuyên môn là có quyền cho ý kiến, nhưng nó làm cho chúng tôi kinh tởm hết sức.

Các bà mụ vườn thò tay vào tời họng của đứa trẻ sơ sinh, móc nhót từ trong đó ra, cho rằng đẻ đứa bé nuốt nhót ấy, ngày sau nó sẽ ngu dần. Nhưng tay các bà mụ không hề thấy được khỉ trùng bao giờ cả. Chúng tôi là một kẻ đã có con, đã thấy các bà đỡ làm việc. Công việc cấp bách mà các bà đỡ làm là săn sóc mắt của trẻ sơ sinh. Các bà giải thích rằng khi đi ngang qua âm hộ của người mẹ, trẻ sơ sinh có thể bị nhiễm độc ở mắt. Các bà đỡ không bao giờ móc nhót như các bà mụ vườn.

Cắt cuống rốn. — Miền Nam có một loại tre tên là nứa, vỏ mỏng nhưng rất bén. Một mảnh vỏ nứa to bằng ngón tay trở nên một con dao bén. Có bà mụ vườn cắt cuống rốn bằng dao nứa, bảo rằng kim khí kỵ với việc sanh đẻ. Điều đó không có gì hại. Nhưng ít có bà khỉ trùng dao nứa. Các bà đỡ cho rằng không khỉ độc, đứa bé sơ sanh có thể mắc phong đòn gánh.

Kỹ thuật cắt cuống rốn khác hẳn nhau ở hai phái chuyên môn. Các bà đỡ chữa lại một sợi cuống rốn ngắn có 6 phân tây, các bà mụ vườn chữa lại hơn vài tấc tây. Hai phe giải thích khác nhau hết; ai đúng, ai sai, cũng chỉ có các nhà chuyên môn là biết.

Các bà đỡ giải thích rằng đẻ dài có hại vì sự trì kéo thể nào cũng xảy ra thì lỗ rún dễ bị thương. Các bà mụ vườn giải thích rằng phải đẻ dài, đúng theo thước tắc đã được quy định từ lâu đời mới là đúng cách.

Một cuộc tra tấn kinh hồn. — Chúng tôi thấy các bà đỡ đề cho cái nhau tróc tự nhiên, bèn chỉ đợi. Khi nào nhau lâu tróc quá các bà mới can thiệp, nhưng không có gì làm cho ta kinh sợ cả. Các bà mụ vườn ở miền Nam thì thi hành hai biện pháp để thúc giục sự tróc nhau, cả hai đều khiến ta sang hoàng:

1/ Các bà nhét tóc vào miệng sản phụ để làm cho sản phụ nôn ọe, cho rằng hễ nôn ọe thì cơ thể bị động và nhau mau tróc. Nhau chậm tróc sẽ làm chết sản phụ.

2/ Các bà ngồi lên bụng của sản phụ và cựa quậy dữ dội, cũng cứ với mục đích nói trên, khi nào các bà không dùng tóc, hoặc dùng rồi mà không có kết quả.

Tôi thấy trong thôn ò, nhiều sản phụ sanh đẻ xong thì ba bốn hôm sau cái bụng chướng lên, sốt dữ dội rồi chết. Ta nói là sản hậu. Dĩ nhiên là sản hậu rồi đó. Nhưng cái gì sản hậu mới được chớ. Sản hậu là nói tắt «bệnh sản hậu» tức bệnh xảy ra sau khi đẻ. Nhưng là bệnh gì?

Tôi ghi nhận triệu chứng, kể lại cho các bác sĩ nghe thì quý vị này giải thích: việc lấy nhau nhơn tạo và hồi hủ, thường đề sót lại trong dạ con vài mảnh rở nhau. Chính những mảnh rở ấy sinh thúí lên, vì nó là chất hữu cơ đã chết, không còn được cơ thể tiếp tục nuôi dưỡng nữa. Chướng bụng là kết quả của sự sinh thúí của các chất hữu cơ đó, còn sốt là cơ thể của sản phụ bị nhiễm độc vì sự sinh thúí ấy. Các vị Tây y bảo rằng là cứu được. Nhưng ở thôn ò, đàn bà chết rất nhiều về chứng này, họ không biết là nhà thương có thể cứu khỏi.

THẦY THUỐC NAM

Hết các bà mụ vườn đến các ông lang vườn. Nhưng chúng tôi dùng danh từ khác thiên hạ. Thiên hạ đề cả các vị đông y hương thôn vào loại lang vườn. Chúng tôi gọi quý vị đó khác. Danh từ lang vườn của chúng tôi trở những người không theo hệ thống y học Trung hoa. Các vị đông y hương thôn có dờ đến đâu, cũng vẫn theo hệ thống y khoa của Trung hoa, nó có hệ thống hần hoi, hay hay dờ, đó là chuyện khác, nhưng có hệ thống về mặt y lý. Các ông lang vườn mà chúng tôi nói đến được gọi là thầy thuốc Nam. Theo chỗ chúng tôi điều tra thì thuốc Nam chẳng có hệ thống nào hết. Cụ Hải thượng Lân ông đã làm thuốc Bắc đó, chớ không phải là thuốc Nam đâu. Cụ phát triển, cải thiện y học Trung hoa, theo sự tìm tòi của cụ, căn cứ trên nền tảng có sẵn rồi là y học Trung hoa.

Khoa học của các ông thầy thuốc Nam quí lại chỉ là dược phẩm, không có một ý niệm về y lý nào hết, khác hẳn với cái mà thiên hạ gọi là Đông y mà chúng tôi gọi là y học Trung hoa. Dược phẩm mà các ông thầy thuốc Nam dùng cũng cứ là dược phẩm thật sự chớ không là bùa ngãi gì đâu. Các ông đã học gia truyền dược tánh của một số dược liệu, phần lớn thuộc về thực vật.

Thương tích chảy máu. — Đề cầm máu đang chảy từ các thương tích, các ông lang vườn, mặc dù biết nhiều được phẩm cầm máu, nhưng các ông thường dùng món này hơn hết: đó là một loại mạng nhện đặc biệt kia. Về phương diện giăng màn thì chúng tôi phân biệt hai hạng nhện. Một hạng giăng màn trên không trung, màn rất rộng lớn, nhưng chỉ màn rất thưa. Hạng thứ nhì chỉ giăng màn nhỏ chừng bằng ngón chân cái, ở xó kẹt nào đó, bờ rào, vách ván. Mạng nhện này rất nhặc, màu trắng đục, trong giống hệt bông hút nước. Nhưng các ông không dùng nó như dùng bông hút nước đâu, vì màng nhện đó có khả năng cầm máu thật sự, còn bông hút nước, chỉ hút máu mà không làm cho máu ngưng chảy. Tuy nhiên dùng loại thuốc này, các ông cũng đành bó tay trước các vết thương lớn, hay vết thương ở chỗ hiểm... Chúng tôi đã thấy hai trường hợp: Năm 1943, một người Tàu bị phi cơ đồng minh xạ kích trên một toa xe lửa. Viên đạn liên thính máy bay to bằng cổ tay trẻ con. Ông lang vườn được mời đến chẳng làm gì được hết. Lần khác, một anh đồ tề tự cắt cổ bằng dao chọc tiết heo. Ông lang cũng chẳng giúp ích gì được.

Ban. — Danh từ ban là danh từ Trung hoa, nhưng Trung hoa dùng để trở chuyện khác, chớ trong y học Trung hoa không có bệnh nào gọi là bệnh ban cả. Hình như ở đất Bắc cũng không có. Đó là y lý riêng của lang vườn và Đông y miền Nam.

Ban của Trung hoa là **lốm đốm trắng** trên một nền đen hoặc **lốm đốm đen** trên một nền trắng. Nhưng không có chỉ bệnh nào cả. Theo các ông lang vườn miền Nam và theo cả vài vị Đông y nữa thì ban là một bệnh ngang hàng với các bệnh khác, như đau gân, đau ruột, cảm mạo thương hàn. Theo các ông thì những cái mụn nhỏ màu trắng, như rôm, sởi, trên da người (nhứt là da trẻ con) là nguyên nhơn của bệnh ban. Bệnh đó được đặt tên là **Ban trắng**, để phân biệt với một bệnh có thật là ban đỏ (rougeole). Theo các ông thì bệnh ban, uống thuốc Tây là chết chắc, uống thuốc Bắc cũng dễ chết, chỉ có uống thuốc Nam mới là chắc sống. Chúng tôi có hỏi các vị Tây y thì các ông bảo rằng: đó không phải là bệnh, lại càng không là nguyên nhơn. Bất kỳ bệnh gì gây sốt nhiều, trong nhiều ngày, cũng cho mọc ra những hạt lấm tấm nhỏ ấy cả, và ban là bệnh không bao giờ có. Nhưng các ông thầy thuốc Nam thì hễ cứ có sốt đều cho là mắc bệnh ban.

Ban cua. — Ban của huyền hoặc hơn ban trắng, vì trong ban trắng ta còn thấy được. Những cái mụn lấm tấm, còn trong chừng ban cua, ta chẳng thấy gì cả. Các ông lang vườn quả quyết rằng thuốc Tây hay thuốc Bắc của Đông y đều giết chết con bệnh mắc chứng ban cua, giết chết mạnh hơn đối với ban trắng. Theo các ông thì nguyên nhơn là một con cua nhỏ như con cua đồng. Nó nằm ngay xương sống, ở dưới da, và đi từ ốt xuống tới eo người. Tới đó là con bệnh chết vô phương cứu chữa.

Chúng tôi đối chiếu triệu chứng của cái được gọi là bệnh ban cua thì thấy nó ăn khớp với cái mà Đông y gọi là bệnh thương hàn, nhưng Đông y

không có nói tầm ruồng về con cua nào hết mà nói là âm thanh dương suy cái đó ăn khớp với bệnh mà Tây y gọi là fièvre typhoïde.

Các ông lang vườn cho việc cắt giắc quan trọng hơn là cho uống thuốc, tuy các ông cũng có cho uống thuốc. Nhiều con bệnh cũng khỏi, nhưng bệnh đó, nếu con bệnh có cơ thể mạnh thì tự nhiên khỏi được. Chúng tôi đã mắc bệnh ấy vào thời chưa có trụ sinh. Chúng tôi không tin Đông y hay lang vườn, cứ chịu đựng và rồi cũng khỏi, chỉ nhờ một vị bác sĩ mỗi ngày tiêm cho một phát thuốc long não để khỏi lỵ tim, chỉ có thể thôi. Bệnh đó thuốc chưa có trụ sinh thường vật chết con bệnh đúng vào ngày thứ nhì mà họ hết sốt. Vì nhện đói quá hai ngày nên hết sốt rồi, họ thêm ăn, nhưng ruột họ đã hỏng, ăn vào là khó cứu khỏi chứng chảy máu ruột vì thủng ruột.

Kiết lỵ.— Các ông lang vườn trị kiết lỵ bằng hai dược liệu này : lá, òi, vỏ măng cụt. Đó là hai chất có tánh cách bóp chặt lại, có thể cầm đi tả được. Nhưng gặp chứng kiết lỵ do vi trùng gây ra thì phải bó tay, vì tả lỵ có được ngăn, cũng cứ còn bệnh.

Sốt rét rừng.— Các ông trị sốt rét rừng bằng rễ ớt. Cũng có hiệu nghiệm, nếu bệnh nhẹ, như sốt cách nhứt thì có đỡ. Nhưng gặp sốt liên miên và nhứt là gặp chứng vi trùng xâm nhập óc (accès pernicieux) thì rễ ớt cũng cứ đánh bó tay.

Bón táo.— Bón táo thì không cần phải là lang vườn cũng trị được, mà đôi khi chẳng cần thuốc men, chỉ ăn đu đủ là khỏi. Nhưng thường thì họ cho uống thuốc mà có hàng trăm thứ ai cũng biết nên xin không kể ra.

Mất ngủ. Các ông trị mất ngủ bằng lá ngô đồng, bằng hột tâm sen, bằng lá mơ mà miền Nam gọi bằng một tên rất xấu : lá thúi đít. Tất cả đều hiệu nghiệm và không thấy gây hại bao giờ.

Áp huyết cao.— Các ông trị bằng rễ nhàu, cũng có hiệu nghiệm, chỉ phiền là cân lượng thuốc men không có tiêu chuẩn gì hết, thấy mà bắt sợ.

Dời ăn.— Đây là bệnh lở da mà Pháp gọi là *zono*. Các ông trị bằng vỏ cây gáo nước, mài với tí nước lạnh rồi phết lên chỗ da bị lở. Quả có hiệu nghiệm.

Mất hột, mắt toét.— Hai chứng bệnh mắt, mất hột và mắt toét được trị bằng kẽm mài với tí nước. Đó là sulfate de zinc mà các ông biết từ hàng ngàn năm rồi. Đồng tiền kẽm đã bị Pháp phủ nhận giá trị từ năm 1859, nhưng nhiều gia đình cứ còn giữ. Họ dùng kẽm đó mà không dùng kẽm khác vì chính các đồng tiền lâu năm đã bị chất sulfate bao phủ sẵn rồi. Chúng tôi thấy Tây y trị bằng thanh phàn (sulfate de cuivre) không phải bôi lên mắt mà đi vào những cái hột trong mí mắt. Hình như là sulfate de zinc quá yếu nên ít người khỏi bệnh.

Cọp vồ.—Người Việt di cư vào Nam năm 1923 chết nhiều nhất vì ba cái nạn sau đây : sốt rét ngã nước, cọp vồ và rắn cắn. Người Cao miên nói ta

cướp đất của họ, chứ sự thật là ta khần hoang. 95 phần trăm đất đai miền Nam là rừng rậm hoang vu, nên ba cái nạn đó rất lớn. Vua chúa ta có biết tổ chức nhưng chắc không chu đáo lắm, không có Đông y đi theo đám di cư nên họ tự động phát minh y khoa riêng của họ. Đề trị rét rừng, họ đã có rễ ớt như đã nói.

Kẻ nào bị cộp xơi thì vợ con chỉ biết khóc. Nhưng kẻ nào bị cộp vồ mà thoát được thì các vết thương bị nhiễm độc và luôn luôn sẽ chết nếu không được điều trị. Các ông lang vườn điều trị bằng cách cho con bệnh ăn con tằm. Ăn sâu là một việc ghê tởm, nhưng con bệnh vẫn cố ăn, không thì chết. Và quả đã số đã thoát được. Chúng tôi có đọc một bài báo Mỹ, cho biết rằng có thể con tằm có sản xuất Pénicilline. Thế là dân ta đã biết trụ sanh từ nhiều ngàn năm rồi vì các ông lang ấy bảo rằng đó là trị liệu mà họ mang từ đất Bắc vào, chứ họ không phải là kẻ phát minh.

Thuốc rắn.— Thuốc cộp vồ thường hiệu nghiệm, còn thuốc rắn thì ít hiệu nghiệm, mặc dầu nhiều thầy thuốc rắn nói thánh nói tướng nghe mê lắm. Thuốc rắn thường có thành phần các chất nóng như thuốc lá, trầu, vôi và mỗi ông thầy đều có một vị bí truyền để thêm vào đó, không rõ là bịp hay có thật, nhưng số người chết nhiều hơn là số người được cứu sống. Chúng tôi tin rằng những người sống sót là nhờ nọc rắn yếu chứ không nhờ thuốc.

Lề mắt hột.— Các ông lang vườn biết lề mắt hột, y hệt như Tây. Họ dùng một mũi kim may áo khuy những hột ấy bỏ đi. Trị liệu này hiệu quả mười lần hơn trị liệu bằng tiền kẽm cõ mài với nước. Tây y không dùng kim mà dùng bàn chải, tức tẩy được nhiều hột mỗi lần. Thế nghĩa là Nam y tuy không có hệ thống y học như Trung hoa vẫn có những cái biết chắn chắn và hiệu nghiệm, thí dụ việc ăn tằm và lề mắt hột.

Đau dạ dày.— Trị liệu đau dạ dày cũng đúng và có hiệu nghiệm ở vài giai đoạn. Các ông trị bằng vỏ sò đốt chúng thành than và tán nhỏ trộn với đất sét. Tây y cũng có làm như thế. Về đất cao lạnh thì y như ta, còn về vỏ sò thì họ dùng thứ khác nhưng đồng được tánh. Họ dùng than của cây hêtre.

Ta thấy rằng các trí thức ta xưa, bạn học Hoa y nên không phát triển Việt y, chứ Việt y cũng đã có tìm tòi và tìm được rất nhiều thứ. Thuở bé tôi đã bị đầu độc bằng thạch lục (vert de gris). Nguyên vào dịp đám cưới chị tôi, các cô trong làng đua nhau làm bánh để khoe tài. Bánh màu. Có một loại bánh để xem chơi, chứ cấm ăn. Đó là bánh xanh, màu xanh do thạch lục, vì các cô không tìm được màu thảo mộc. Nhưng các cụ lại quên căn dặn tôi, thành thử tôi ăn và ăn rất nhiều. Tôi đã được một ông lang vườn cứu sống, nhưng tôi không biết đề mà hỏi. Lớn lên tôi quên mất... Giờ nhớ ra ông lang đã chết tám mươi đời rồi.

Trên đây, chúng tôi không hề nói đến những vị Đông y trong làng,

(Đông y là có học y khoa Trung hoa) mà chỉ nói đến những ông lang hoàn toàn không có học y học Trung hoa.

Bệnh Hydropisie, ascite. — Bệnh này ở nông thôn miền Nam gọi là Bị thư tức bị các tay phù thủy oán ghét ta dùng phép tà, đặt vào bụng ta một trái dừa khô, một bộ lư đồng chẳng hạn, nên bụng ta cứ chướng lên rồi thì ta chết.

Các ông lang vườn, mặc dầu không biết y lý, nhứt định không tin như vậy, vì dầu sao các ông cũng là ông lang, tức kẻ tin thuốc mà không tin bùa phép. Chúng tôi đã thấy các ông trị bệnh đó, đã làm gần y hết Tây y ở nhà thương, mặc dầu cả đời các ông không thấy mặt mũi nhà thương ra sao cả. tức đó là tìm tòi riêng của các ông. Các ông dùng một cái gai gai chanh, gai quít chẳng hạn rồi đâm thủng da bụng con bệnh độ chừng một phân tây. Các ông cứ đề vạy vài tiếng đồng hồ là nước ascite chảy ra hết, bụng con bệnh xẹp xuống và lành hẳn. Chỉ tiếc là các ông chỉ biết có tới đó rồi thôi, không có bốc thuốc đề trị nguyên nhơn như Tây y, nên độ 7,8 tháng sau, bụng con bệnh chướng lên. Các ông lại làm như thế nữa, rồi thì vài năm là con bệnh đi theo ông bà, ông vại bởi bệnh không được trị. Nhưng quả con bệnh được sống thêm vài năm, và để chịu trong vài tháng mỗi năm có thể làm việc được.

KẾT LUẬN

Không hề có ý cổ võ cho ai phát triển cái Việt y đó, nhưng chúng tôi xin nhấn mạnh là dân tộc ta, những người không có học Hoa y, vẫn có tìm tòi và đã tìm được vài cái gì đáng đề. Nếu độc lập và văn minh lâu đời, vào thời xưa, ta đã có y khoa riêng như Trung hoa Ấn Độ chứ không là học trò của Hoa y. Nhưng tình thế xưa đã không xảy ra như vậy. Nay thì y khoa đã tiến nhiều, không thể trở lại từ chỗ thấp của ta đề mà tiến lên làm gì. Nhưng ta phải biết là tổ tiên ta đã tự lực tìm ra được chất péricilline từ nhiều ngàn năm rồi.



UỐNG KHỎI CHÍCH

là tà, Kiệt ly — có đàm, máu

VEREX

NGƯỜI LÒN — CON NÍT

Số KN 508. B11/00DP.29-10-63

Ảnh hưởng Đông Y vào Hát Bội

HỒ-HỮU-TƯỜNG

Nhân dịp Bộ Biên Tập tạp chí *Phương Đông* dành số này làm số đặc biệt về y học tôi sợ e bài khảo cứu của tôi về hát bội hóa ra là cung đàn lỗi nhịp. Vậy xin phép đọc giả mà so nhịp với cuộc hòa tấu chung, đề nói về ảnh hưởng của Đông Y vào ngành hát bội.

Tài liệu mà tôi có trong tay, là tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* do Bùi Hữu Nghĩa trước tác. Cụ Bùi là người cùng làng với bên ngoại của tôi, là làng Long Tuyền, rạch Bình Thủy (chớ không phải là làng Bình Thủy, như có người nói lầm). Từ thuở nhỏ, tôi đã nghe tuồng này và lớn lên, tôi được đọc trong bản in do một thầy giáo bà con với tôi xuất bản tại nhà in An Hà, Cần Thơ.

Tôi nghe tuồng này lúc tôi còn chưa biết đọc, và đến ở trọ nơi một tiệm thuốc Bắc. Ngon đó mà được nghe các cụ thâm nho, và cũng là bậc danh y phê bình tuồng này. Những chuyện mà tôi kể đây chỉ là chép lại lời của các cụ, xuyên qua lăng kính của trí nhớ của tôi.

Trong tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên* có một ông lang thuốc Bắc, tên là Thạch Đạo Toàn. Khi có người đến rước thì ông lang Thạch Đạo Toàn luôn nói những câu bao giờ cũng có nhốt vào một tên của một vị thuốc Bắc. Trong hồi thứ nhứt, cảnh III, lớp 3, thì thầy Đạo Toàn viết :

(xem mạch xong)

Như bệnh bà nay ;

KIM ANH thử bệnh tình,

CHỈ THIẾT phi ác hậu,

CHƯƠNG NÃO tri thương tọng phủ,

Chẳng qua là :

chữ thôi thời tôi :

Đầu *PHÒNG PHONG* điều dưỡng linh thần.

Thưa *Dược phương* đừng lại *SỨ QUÂN*,

Thảo thuật xin lui *THẠCH TỬ*.

Những tên *KIM ANH*, *CHỈ THIẾT*, *CHƯƠNG NÃO*, *PHÒNG PHONG*, *SỨ QUÂN*, *THẠCH TỬ* đều là tên vị thuốc Bắc.

Lần thứ nhì, khi ra sân khấu, thầy Đạo Toàn lại viết :

Ta làm thuốc, đâu có cần có cuộc đó, dễ mô người ta lại không biết. Như việc nì là :

Bởi vì ai KHIÊM THIẾT,

Xui cho mỗ KIẾN SÁU,

Ái thôi Nễ dẳng thả VONG ƯU,

Tại gia nghị *PHÒNG KÝ*

Như ta : Lành dữ, phải tới sân *QUẦN TỬ*

Phải chăng, đã có cửa *OAI LINH*

Nỗi sự mình, muốn tỏ *HUYỀN MINH*

Theo quần chúng, trông chừng củ mạch.

(văn viết) Quần chúng trông chừng củ mạch,

Việc ở mình, dám trách *NHƠN NGỒN*.

Mấy trùng dậm tách *THIÊN MÔN*,

Mưa dầm *TỬ THẢO*, nặng ung *LỘ QUIL*.

Sự tình ai kể *DỰ TRI*

Trông cho tức lụng, tiện bề *HỒI HUƠNG*.

Trong cảnh III, lớp 6 này, ngoài vị *Sử Quân Tử* đã nói ở trước, thầy Thạch Đạo Toàn còn nêu tên thêm mười hai vị khác nữa. Sang qua lớp 12, thầy Thạch Đạo Toàn nêu tên 6 vị khác. Ở cảnh VIII, lớp 8, khi chữa bệnh cho Kim Ngọc, thầy công bố thêm tên 9 vị thuốc.

Trong Hồi thứ hai cảnh II lớp 5, thầy Thạch Đạo Toàn lại nêu tên bốn vị thuốc.

Đến Hồi chót, là Hồi thứ ba, nơi cảnh II, lớp 4, thầy Thạch Đạo Toàn lại cho tên mười vị thuốc khác. Và sau cùng, ở cảnh V, lớp 3, thầy còn cho 4 vị.

Suốt ba hồi, cả thầy, cộng chung là 51 vị.

Hơn nửa tuồng có tên là *Kim Thạch Kỳ Duyên* Họ Kim đại diện cho nho gia, họ Thạch đại diện cho y gia, là hai phái được Bùi Hữu Nghĩa đề cao trong tuồng hát.

oOo

Trong khi các cụ phân tích tuồng *Kim Thạch Kỳ Duyên*, thì có một người khách từ phương xa đến. Mọi người vồn vã, chào đón rất là cung kính, và dùng tiếng « cụ phó bảng » để xưng hô. Về sau tôi mới rõ lại là cụ Phó bảng Huy, lúc trước làm quan tri huyện tại một huyện miền Trung, bị tình nghi có dính líu với vụ hốt tóc và xin thuế mà bị đày vào Nam.

Cụ phó bảng này sống bằng nghề đi bán thuốc dạo, bán một món thuốc rất đặc biệt cho các bà điền chủ có chồng hoạt động chánh trị. Nhơn gặp các bạn nói về ảnh hưởng của thuốc Bắc vào hát bội, cụ bèn kể một tuồng hát mà nhân vật mang tên là những vị thuốc lại tánh tình và động tác lại đúng với tánh dục của vị ấy. Cụ kể rằng lúc làm quan ở triều đình, cụ có được xem hát tuồng này. Và tuồng ấy có tên là *Vạn Bửu Trinh Tường*.

Tên *Vạn Bửu Trinh Tường*, này năm mươi năm sau, tôi mới nghe nói đến, lần thứ hai. Năm 1964, sau khi được phóng thích, tôi có dịp tiếp rước một bạn già tại nhà. Anh Vương Hồng Sên kể lại những nỗi đau lòng của một người nhơn chúng việc mất mát của tài liệu văn hóa nước nhà. Trong những việc mất mát này, đau đớn nhất là mất cả một rương tuồng hát

chép bằng chữ nôm, gồm cả trăm tuồng, mà một bà cụ ở Huế làm sở hữu chủ. Anh nói :

— Tôi được đi dạy ở Đại Học Huế. Có người mách cho tôi bà cụ ấy có rương sách nọ. Tôi đến xin phép xem. Thật là vô giá. Trong số tuồng ấy, có cả tuồng *Vạn Bửu Trinh Từ*, mà bấy lâu nay, ai cũng cho rằng đã mất rồi. Tôi trả giá, nói rằng đề thuyết phục cho nhà nước mua lại đề làm của quốc bảo. Bà chịu bán với giá 100.000\$. Về Sài Gòn tôi ra mắt người hữu quyền, năn nỉ đề xuất số tiền ấy. Thì vị nọ bảo rằng vô ích. Đời này còn ai đọc được chữ nôm, và mấy ai thưởng thức hát bội, thì mua rương tuồng hát bằng chữ nôm này dùng vào chỗ nào. Chẳng dè chẳng bao lâu sau đó, người Pháp nghe nói đến cái kho tàng văn hóa vô giá đó, cho người lên ra Huế, mua với giá một triệu đồng, rồi cho mang về Pháp.

Hai anh em chỉ biết than thở với nhau về sự mất mát chung của cả trăm tuồng, và riêng của tuồng *Vạn Bửu Trinh Từ*.

Năm 1969, tôi có dịp la cà tại Ba Lê. Nhớ lại chuyện anh Vương Hồng Sển thuật, tôi lục lạo hầu hết các thư viện ở Ba Lê, mà tôi biết rằng có thể có các loại sách về phương Đông. Tra các thư mục, tôi lấy làm thất vọng, vì không thấy kê khai quyền nào mang tên *Vạn Bửu Trinh Từ*. May thay, có một chuyên viên mách cho tôi rõ rằng Học Hội có tên là Ecole française d'Extrême-Orient còn mấy rương sách mới tậu, sách còn nằm trong thùng chưa khui ra, nên chưa lập thư mục và thẻ. Nhưng trong số, thì có ghi tên *Vạn Bửu Trinh Từ*.

Nhưng mà trong cái may, lại còn vướng cái rủi. Học hội này có chuyên viên đặc trách về những rương sách chưa khui ấy. Người ấy lại có sứ mạng đi Phi Châu, và không có ai có quyền khui rương sách nào, đề cho tôi thấy mày mặt của bản tuồng *Vạn Bửu Trinh Từ*. Đến nay, tôi cũng không được hân hạnh chút nào hơn đồng bào ở quê nhà.

Tôi mượn đề tài của bài báo này đề mách cho thanh niên ta, sanh viên hay học giả, nên có người chịu khó chọn tuồng *Vạn Bửu Trinh Từ* làm đề đề viết luận án thi tiến sĩ văn chương. Tôi đã mách cho con đường đề moi tài liệu duy nhứt còn sót lại về bản tuồng quý giá này. Được một công trình khảo cứu như vậy, thì bài này viết chẳng uổng công phu và tạp chí Phương Đông cũng chẳng mất chỗ để đăng bài có giá trị hơn.

Hồ Hữu Tường

Cáo lỗi

Bài «Học đại ở đại học» của học giả Nguyễn Bạt-Tụy, vì lý do kỹ thuật, xin tạm hoãn.

THẦN

DƯƠNG-CHÂN-TỬ
HOÀNG-VŨ dịch

1.

THẦN hay Nguyên thần là chân tính con người. Gọi là «thần» vì nó linh minh khôn lường, diệu ứng vô hạn. Còn chữ «nguyên» ở trước chỉ cái thần tiên thiên là để phân biệt với cái tư lự vọng niệm, thuộc về hậu thiên.

Thần đến và nhập vào thân thì người sống, thần đi, lìa khỏi thân thì người chết.

Làm sao mà biết được là thần đến ? — Niệm dứt thì thần đến.

Làm sao mà biết là thần đi ? — Niệm động thì thần đi.

Hình là nhà của Khí ; khí ở thì hình không suy. Khí là mẹ của thần, khí còn thì thần không tán.

Người làm lành thì thần tụ mà linh, người làm dữ thì thần tán mà tối. Kẻ có bệnh thì thần lìa hình mà không chịu đau khổ. Kẻ mắc nạn thì thần đi trước mà không bị tai ương. Một hơi thở của người mà không có thần thì hơi thở đó không đến được.

2.

Trong thân người ta có ba cái cốc hay là hang, trông không như động trong kẹt đá. Thần ở trong đó, cho nên gọi là cốc thần ¹.

Ở trên thì gọi là thiên cốc hay nê hoàn cung ². Đây là thiên căn hay bản cung của thần. Thần ngụ trong đó thì tinh hóa khí ; khí thượng thăng chính nằm cung ³ đầy đủ, thì thiên môn ⁴ nhờ đó mà khai thông.

Ở giữa thì gọi là ứng cốc hay giáng cung ⁵ làm minh đường thuộc về bổ chính (như cơ quan quản trị điều hành việc nước).

Thần ngụ tại ứng cốc thì tai nghe thấy rõ, mắt trông tinh tường, ngũ quan đều lo tròn chức vụ, toàn thân thể thì hành mệnh lệnh một cách chính xác.

Ở dưới thì gọi là linh cốc hay đan điền ⁶, làm nhà kín (như am thất) để ẩn thân tu hành. Thần ở linh cốc thì mắt thấy trở lại, tai nghe ngược về (bên trong), thần khí giữ gìn lấy nhau, hồn phách kết hợp làm một.

Chú thích của dịch giả

1. l'antre de l'esprit.

2. nirvana, 3e ventricule.

3. Ventricules latéraux, ventricule médian, 4e ventricule.

4. fontanelle antérieure.

5. cavité médiastinale.

6. cavité abdominale.

Đông Y, chàm cứu và tương lai¹

Dịch giả : NGUYỄN VĂN THỌ

(Mạn đàm với một nhà chuyên môn, lão luyện : BS JOHN Z. BOWERS)

CHUYẾN Hoa du vừa qua của Tổng thống Nixon đã làm cho nhiều người ngỡ ngàng và lưu ý đến nền y học Trung hoa hiện nay, một nền y học kỳ dị, dung hòa y thuật cả Đông lẫn Tây.

Một số phóng viên, một số B.S. Hoa Kỳ sang Hoa Lục quan sát có ít ngày, khi trở về, đã viết những bài tường thuật hết sức hấp dẫn. Điều đã



Bác sĩ John Z. Bowers cho xem một hình nhân, trên người có đủ các huyết đạo, mang từ Trung Hoa về, B.S. đang cầm chiếc kim nhỏ chích vào một trong 500 huyết đạo

khuyến tòa soạn tập san của viện dược cuộc Roche tổ chức một cuộc phỏng vấn B.S. John Z. Bowers, một vị bác sĩ có thâm quyền nhất ở Mỹ về Đông y, vì Ông đã nghiên cứu về vấn đề này từ 23 năm qua.

1) Trích dịch từ Roche, *Image of Medecine and Research*, March 1912, Volume. 14, No 2 (pp. 10-13) by International Medical Press.

Hiện nay, Bác sĩ là Giám đốc Học viện Josiah Macy Jr, một học viện trứ danh, chuyên khảo cứu về y khoa và giáo dục.

Dưới đây là bài phỏng vấn B.S. Bowers.

Hỏi.— Tại sao, Bác sĩ lại thích Đông y ?

Trả lời.— Tôi vốn thích Á Đông. Tôi sang Nhật lần đầu tiên vào năm 1948, và sau đó đã sang lại nhiều lần. Tôi đã khảo cứu về y học Nhật, nền giáo dục Nhật và đã viết hai quyển sách về các vấn đề đó.

Y học cổ truyền Nhật tức là y học Trung Hoa với khoa châm cứu, chần mạch, và Đông dược.

Tôi phải học y học Trung Hoa để có thể viết về y học Nhật bản. Chính vì vậy mà hóa ra tôi thích Đông y.

(Còn tiếp)

TÂM THƯ GỬI ĐỘC GIẢ BỐN PHƯƠNG

Thề theo lời yêu cầu của các độc giả đến nhà hỏi mua cuốn « GIA PHẢ KHẢO LUẬN VÀ THỰC HÀNH » sau cuộc thăm viếng của phái đoàn Phả học Quốc tế Hoa kỳ tại nhà tôi ngày 21-7-72 mới đây, nay tôi : NGUYỄN-ĐỨC-THU, bút hiệu DÃ-LAN NGUYỄN-ĐỨC-DỰ, cố gắng in ronéo 300 cuốn sách nói trên. Tuy nhiên, vì tác giả không ứng trước khoản tiền đặt cọc quá lớn cho nhà in (100.000đ), nên có lời rao này để vị nào muốn chắc có sách đó thì xin tới nhà tôi ghi tên và đóng tiền. Giá phỏng định mỗi cuốn từ 800đ tới 900đ, độc giả có thể tùy ý đóng phần nửa số tiền. Sách dày trên 400 trang, khổ 21 x 27, in trên giấy tốt.

ĐỊA-CHỈ : 48/152/1, Cách mạng 1/11 Sài Gòn.

ĐÃ CÓ

PHƯƠNG ĐÔNG ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả

Có bán tại Tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn

tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 600\$

tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 600\$

Gởi mua ở Tòa báo thì mỗi tập :

Ở xa trong nước, kèm thêm 30đ bảo đảm và 40đ đảm phụ ; Miền Trung và Cao nguyên, lại thêm tiền máy bay 40đ. Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 150đ.

THƯ ĐỘC GIẢ

Bạn Nguyễn Kim Hùng, 145-146 Nguyễn Huệ, Kontum.

«Trước sự tràn ngập... Một nền văn hóa mà người Âu châu đứng hẳn ngày hôm nay phải xét lại..., thì chúng ta còn điên đại gì chẳng quay về Đông phương chúng ta... Nguyệt sau **Phương Đông** đã ra đời để đáp ứng đòi hỏi đó. Tôi rất say mê nó... Nay **Phương Đông** đã rời bỏ độc giả. Nếu giả thiết thứ nhì đúng, thì quả là một điều không may cho chúng tôi nói riêng và người Việt Nam nói chung» (30-8-72).

Đáp: Đa tạ bạn, **Phương Đông** vẫn tiếp tục ra đều.

Giáo sư Nguyễn văn Hàu, Hộp thư đặc biệt, Chợ Mới, An giang

Chúng tôi đã khuyến khích nhiều sự mua đọc **Phương Đông** của độc giả miền Hậu giang. Tôi cũng có bảo các hiệu sách ở mấy tỉnh Miền Tây, nên đòi nhà phát hành để mỗi tờ **Phương Đông** xuất bản thì nó được có mặt ở các sạp báo...

«**Phương Đông** đáng được xem là một Nguyệt sau đứng hẳn từ hình thức đến nội dung. Chúng tôi mến và vui lòng cộng tác với quý ông là ở chỗ đó» (9-9-72).

Đáp: Đa tạ cảm tình Giáo sư đối với **Phương Đông**.

Linh mục Huy Cầm, Vĩnh Long

«Chúng tôi rất cảm phục tạp chí **Phương Đông** đã qui tụ được những vị có đức có tài, những học giả uyên thâm, đề cống hiến cho độc giả chúng tôi những món ăn tinh thần, nhiều tính cách quê hương dân tộc, vô cùng bổ ích.

Ước mong **Phương Đông** sống lâu...» (2-8-72).

Trả lời: Chúng tôi sẽ cố gắng để đáp lại thịnh tình của linh mục và bao độc giả khác, dà chúng tôi phải chiến đấu để sống, để được phục vụ, và thà chết chứ không để **P.Đ.** như bạn.

Ông Bùi quang Xuân, 36 Phạm hồng Thái, Rạch giá.

«**Báo Phương Đông** có còn được tiếp tục xuất bản không? Tôi đọc báo không có tên **Phương Đông** trong các tạp chí được phép xuất bản... **Phương Đông** không được xuất bản là điều lạ. Tôi muốn đọc số riêng về Đông y.» (17-9-72).

Giáo sư Nguyễn Bạt Tụy, Đalat

«Chúng tôi không ngạc nhiên thấy Linh mục báo tin gặp khó khăn với Thông tin. Khi đọc bài cuối **Phương Đông** số 15..., thấy mình được yên tâm rồi, ắt thở phào và giữ thái độ yên phận. Tôi bị «cô lập hóa» cũng chỉ vì chủ trương bảo vệ tinh thần nội giống...» (29-9-72)

Phúc đáp chung các quý vị hỏi thăm về sổ phận Phương Đông.

Quả thực ngày 10-8-72, chúng tôi có gửi một văn thư cho chính phủ đề bênh vực quyền sống của các tạp chí đứng đắn, và ngày 7-9-72, Nha Báo chí báo tin Phương Đông không được miễn ký quỹ.

Các bạn và chúng tôi rất hoan nghênh khi thấy mới đây chính phủ đã có thái độ mạnh dạn đối với tham nhũng, bất công, thiếu tinh thần trách nhiệm và đổi phong bại tục, điều mà chúng tôi tỏ ra mong muốn trong văn thư. Chúng tôi cũng hoan nghênh khi thấy chính phủ miễn ký quỹ cho, nhiều báo không hề có «thuần túy nghiên cứu» tuy chúng tôi còn than tiếc cho sổ phận của nhiều tờ khác, như Bách khoa và Văn. Các bạn và chúng tôi chỉ ngỡ khi thấy P.Đ. lại được coi là «không đủ điều kiện» để được miễn ký quỹ. Do đó, chúng tôi đã gửi thư phản đối tới chính phủ, và ngày 4-10-72, Bộ T.T. đã mời chúng tôi tới nói chuyện, và hai bên đã hiểu nhau hơn.

Riêng sổ 16, chúng tôi tạm thời ra dưới hình thức giai phẩm.

Vậy xin báo tin đề quý học giả cũng như các độc giả trong và ngoài nước an tâm, đồng thời cảm ơn quý vị đã quan tâm đến Phương Đông, tờ báo của quý vị, của chúng tôi và của dân tộc. Cũng mong chính phủ dành thêm để dành cho các tạp chí đứng đắn, kể cả trong việc phát hành.

LỊCH SỬ CHỮ QUỐC NGỮ

Tác giả : ĐỖ QUANG CHÍNH

Đây là cuốn sách biên khảo rất công phu. Tác giả đã đến nhiều Văn khố, Thư viện ở La Mã, Ba Lê, Lyon, Avignon, Lisbonne và Madrid, đề nghiên cứu tận nguồn những tài liệu viết tay từ năm 1620 đến 1659 có liên quan trực tiếp đến chữ viết của Việt Nam ngày nay.

Sau đây là ba khám phá quan trọng nhất của tác giả :

1. Tài liệu viết tay của Gaspar d'Amaral, soạn tại Thăng Long ngày 31-12-1632, liên quan đến chữ quốc ngữ, Nhờ tài liệu trên, chúng ta biết được vào thời ấy, Gaspar d'Amaral đã viết chữ quốc ngữ giỏi hơn Alexandre de Rhodes (Đắc Lộ).

2. Bản thảo cuốn «Lịch sử xứ Đông Kinh» của Alexandre de Rhodes, viết năm 1636 tại Macao.

3. Tập «Lịch sử nước Annam» do chính một người Việt Nam là ông Thiện viết tay bằng chữ quốc ngữ năm 1659, sách in offset rất cẩn thận, giấy tốt, nhất là có nhiều nguyên bản viết tay chữ quốc ngữ từ năm 1632 đến 1659.

Cuốn sách trên đây rất cần thiết cho những nhà nghiên cứu, các giáo sư, các sinh viên trong ngành Ngữ học, Sử học và Việt văn.

Tổng phát hành : Nhà sách NGUYỄN BÁ TÙNG

3, Bùi Chu — SAIGON

Diễm sách

Phạm-Thiên-Thư, ĐOẠN TRƯỜNG VÔ THANH

14x22, 216 trang, Nền Hồng xuất bản, Saigon 1972, có bản thường và bản đặc biệt.

Quyền Hậu Thúy Kiều, — một tác phẩm đã gây dư luận sôi nổi ngay từ khi còn là bản thảo.

«... Có nhiều bạn thơ nói với tôi : Phạm Thiên Thư tham vọng quá ! Tôi cũng nghĩ như vậy, nhưng tôi quý trọng cái tham vọng ấy, vì có tham vọng như Phạm Thiên Thư thì mới đáp được những đau khổ triền miên của dân tộc này suốt dòng lịch sử. Tham vọng đầu tiên của Phạm Thiên Thư là giải cái nghiệp trọng đại của dân tộc, cái nghiệp đã được Nguyễn Du đúc kết trong « Tàn Thanh ». Có thể nói rằng Phạm Thiên Thư muốn vượt « Tàn Thanh, vượt bằng thơ, nhưng chắc chắn hơn, bằng tư tưởng :

... đau lòng ai chuốt dư ba
nằm cung nước chảy lại sa phận mình
mười lăm năm mấy nhục vinh
ngã, nhân đã vượt, thế tình đã qua
Đoạn Trường sở gởi lên Hoa
Xưa là Giọt Lệ — nay là Hạt Chén...

Tiền oan nghiệp chướng đến đây là hết. Kiều đã phá được cái ảo tưởng về khuôn thước xã hội nó chỉ đưa người ta vào cái hư huyền của cuộc đời. Trong « Vô Thanh » Kiều đã ra khỏi hư huyền để đi vào thiên nhiên, tự tại trong dòng sống không tù ngục, hủy bỏ hết mọi ý thức về ngã cũng như về vô ngã...

... « Vô Thanh », đánh dấu một giai đoạn chuyển mình của dân tộc Việt và tác phẩm thực đúng là một « Thiên Thư »...

Hoàng Vũ
14.10.1972

SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC

Thánh Công đồng chung Vaticanô II : Hiến chế, sắc lệnh, tuyên ngôn, do Giáo hoàng học viện Piô X dịch, hiệu chú và xuất bản, khổ 22x14, 1146 trang, in rất đẹp trên giấy trắng mịn, đóng bìa chữ vàng, giá rất hạ : 1200đ. Đặc điểm của cuốn sách này là có **Nhập đề** tổng quát cho tất cả và **Lời mở đầu** cho mỗi văn kiện khá công phu, lại có hiệu chú do các chuyên gia đề dẫn giải khá kỹ lưỡng, nhất là có **Bản phân tích chủ đề** (InDex analytique) rất dài và tỉ mỉ, giúp soạn sách và soạn thuyết trình một cách nhanh chóng và với đầy đủ tài liệu.

Đã phát hành toàn quốc :

THUẬT VIẾT VĂN

của NGUYỄN-VĂN-HÀU

- Cuốn sách làm lợi lớn cho sinh viên, học sinh và các tự học trong việc luyện văn.
- Cuốn sách dẫn vào nghề văn, nghiệp báo cho những ai cầu tiến bản thân trên đường thực dụng.
- Tác giả đọc hàng ngàn cuốn sách để chọn lựa, trích dẫn, phê bình, chỉ lỗi và sửa văn, để giúp người học viết mau có tài viết.
- Tái bản với sự đòi hỏi của nhiều độc giả và nhiều nhà sách. Có tặng bộ phong phú.

HƯƠNG SEN xuất bản — NAM CƯỜNG phát hành

DANH SÁCH CÁC ĐỘC GIẢ MUA TIẾP BÁO DÀI HẠN

— Ông Nguyễn đình Nam	Saigon	— Thầy Nguyễn xuân Thảo	Đà Lạt
— Thầy Nguyễn văn Nhân	—	— Thư viện Xuân Bích	Huế
— Nữ tu Gemma Bùi t Tuyết B. Hòa	—	— Cha Nguyễn huy Cầm	Vĩnh Long
— Cô Nguyễn thị Kim Chi	Saigon	— Thầy Trương đình Tu	Qui Nhơn
— Bác sĩ Phạm Hữu Thi	—	— Tu viện Phanxico	Saigon
— Linh Mục Trần Học Hiệu	—	— Thầy Phạm văn Chính	Vĩnh Long
— Sinh viên Trương quang Bằng C.L	—	— Thầy Trần đình Nha	—
— L.M. Dương như Hoan	Saigon	— Thầy Lê quang Phú	—
— Ông Lưu khai Ngôn	—	— Thầy Nguyễn thành Dươg	—
— L.M. Hoàng kim Đại	Vĩnh Long	— Thầy Phan văn Bình	—
— Giáo sư Đỗ hữu Nghiem	Đà Lạt	— Thầy Nguyễn văn Hiếu	—
— Chung viện Thừa Sai	—	— Thầy Đinh quang Lục	—
— Thầy Trần đức Hải	—	— Thầy Cao tấn Chi	—
— Thầy Trần xuân Hồng	—	— Thầy Nguyễn quý Trung	Saigon
— Soeur Jean Franciscaine	—	— Cô Võ thị Mai	—
— L.M. Vũ văn An	Phong Dinh	— L.M. Bùi văn Đọc	Đà Lạt
— Ông Phan đình Sanh	Vĩnh Long	— L.M. Nguyễn văn Nhơn	—
— L.m. Trần quang Điền KBC. 3034	—	— Thầy Đỗ viết Đại	—
— Don Bosco Thủ Đức	Gia định	— Thầy Nguyễn đức Lực	Saigon
— Anh Trần việt Cường	—	— Thầy Phạm thể Tùng	—
— Bà Vũ thị Phượng	Saigon	— Soeur Madeleine de Béthanie	Huế
— Dược sĩ Lê minh Thủy	Gia định	— Père Dieudonné Bourguignon	V.L
— Thầy Phạm xuân Thông	—	— Soeur Marie Phúc	Saigon
— Ông Đào trường Khánh	Phan Rang	— SV Trương thị Thu Hoa	Đà Lạt
— Cha Vương văn Điền	Đà Lạt	— Frère Marie Irénée	Saigon

BÉTALGINE

(B₁ + B₆ + B₁₂)

Chuyển tr:

Bệnh tê-thấp, đau thần kinh, đau lưng,
các tình trạng suy-kém, yếu tim, phù thũng.

t

Laboratoires TÉVÉTÉ SA

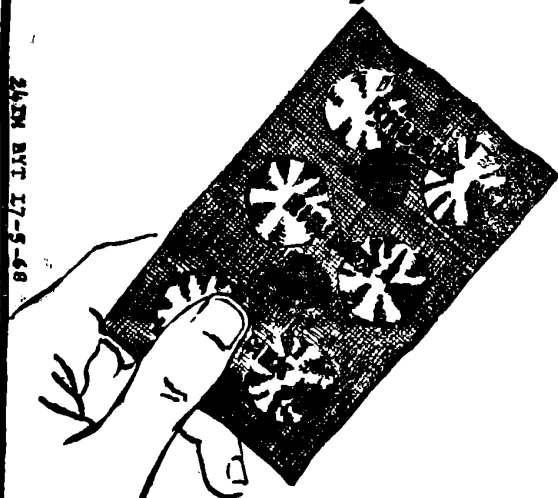
136, Yên-Đồ — Saigon

PHONG-PHU
HÀNG-THƯƠNG

CẢM MẠO CÚM

SỐ MŨI . NHỨC ĐẦU . NHỨC RĂNG
ĐAU NHỨC BẮP THỊT . PHONG THẤP

26M BVT 17-5-68



đã có

RHUMEX

VỚI SINH-TỔ Đİ • SINH-TỔ C
CHÔNG LẠI SỰ MỆT MỎI



VIỆN DƯỢC-LÝ HỌC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Lớp **QUỐC HỌA** HƯNG GIÁO VĂN ĐỒNG

Phương pháp cách mạng, học hứng thú, mau tiến tới.

Có lớp cho thanh thiếu niên từ 14 tuổi sắp lên.

Có lớp cho thiếu nhi từ 8 tuổi sắp lên.

Do các họa sỹ danh tiếng hướng dẫn :

Nghiều Đễ, Thái Tuấn, Lâm Triết...

Học ngày Chúa nhật tại 161, Yên Đổ, Saigon.

Chia làm chín cấp, mỗi cấp ba tháng.

Và ba bậc : Căn bản, Sáng tác, Chuyên biệt.

Có cấp chứng chỉ và văn bằng.

Ghi tên : Khóa mới Sáng Chúa nhật, tại văn phòng trong tháng 11/1972

H.G.V.Đ. 161, Yên Đổ, Saigon.

Học phí : Rất hạ. 1.500\$ ba tháng.

THUỐC BÒ (NHẬP CẢNG)

PROTÉOLYSAT

do Viện bào chế Pháp quốc Aguetant (1, av. Cesteres, Lyon France) chế tạo

MUA SỈ :

Viện bào chế VANCO

134, Yên Đổ, Saigon

Đ.T. : 22.796

CHUYÊN TRỊ :

Ăn không ngon — Thời kỳ

tăng trưởng — Thời kỳ dưỡng

bệnh — Trạng thái suy nhược

HÉPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

☐ **Thơm ngon, ngọt**

☐ **Bổ huyết, bổ gan**

☐ **da dẻ hồng hào**

Tại các nhà Thuốc Tây

Mua Sỉ : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty 601 — L.V.Duyệt, Saigon

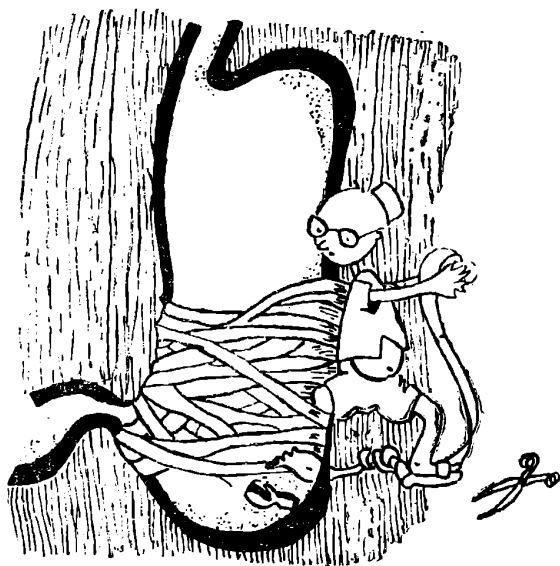
THUỐC TRỊ BỆNH BAO TỬ

VIÊN ỚT GỐI

GASTROPAN

C'est le pansement du tractus gastro-intestinal

- **Lô loét Bao Tử**
- **No hơi Ợ chua**
- **Viêm bao tử Viêm Ruột**
- **Đau quặn** (có người uống thấy tức tức)



**CÓ bán tại các
NHÀ THUỐC TÂY**



ôô kiểm nghiệm OSI BYT/DPBC

祖醫南越翁懶

LÂM-ÔNG-Y-TÔ VIỆT-NAM

